

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI



ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT
CHƯƠNG TRÌNH ĐÀO TẠO
TRÌNH ĐỘ THẠC SĨ NGÀNH QUẢN TRỊ KINH DOANH

*(Ban hành kèm theo Quyết định số: 1940/QĐ-TĐHHN, ngày 01 tháng 7 năm 2025
của Hiệu trưởng Trường Đại học Tài nguyên và Môi trường Hà Nội)*

Hà Nội, năm 2025

MỤC LỤC

1. Triết học	1
2. Tiếng Anh	17
3. Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	28
4. Quản trị chiến lược nâng cao	35
5. Quản trị điều hành nâng cao	47
6. Quản trị nguồn nhân lực mang tính chiến lược	59
7. Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề	72
8. Kế toán cho nhà quản lý	80
9. Quản trị rủi ro doanh nghiệp	88
10. Tài chính cho nhà quản trị	97
11. Mô hình kinh doanh điện tử	107
12. Kinh doanh điện tử	118
13. Quản trị chuỗi cung ứng	129
14. Quản trị chất lượng nâng cao	137
15. Quản trị Marketing nâng cao	149
16. Phân tích dữ liệu kinh doanh	160
17. Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp	167
18. Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn	176
19. Triển khai chiến lược chuyên sâu	184
20. Quản trị sáng tạo và đổi mới	193
21. Quản trị khởi nghiệp	201
22. Khoa học lãnh đạo	195
23. Văn hóa tổ chức	221
24. Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	231
25. Đề án tốt nghiệp	244

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Triết học**
 - + Tiếng Anh: Philosophy
- Mã học phần: LCML202
- Số tín chỉ: 4
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy: Trực tuyến
- Tỷ lệ đào tạo trực tuyến của học phần: 100%
- Đối tượng học: Học viên cao học các ngành khoa học xã hội và nhân văn
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
 - + Kiến thức chung: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lí thuyết: 60 giờ
 - + Thực hành: 0 giờ
 - + Tự học: 120 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Mác - Lênin, Khoa Lý luận Chính trị.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần

Triết học là một học phần bắt buộc trong khối kiến thức chung của chương trình đào tạo cao học. Học phần cung cấp những kiến thức tổng quan về triết học và lịch sử triết học, những nội dung cơ bản về thế giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người nhằm rèn

luyện thể giới quan và phương pháp luận triết học cho học viên trong nhận thức và vận dụng thực tiễn.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Cung cấp kiến thức tổng quan về triết học và lịch sử triết học, những nội dung cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận chung của nhận thức và thực tiễn, các nội dung lí luận triết học về xã hội và con người.	PLO1
CO2	Rèn luyện kỹ năng tự học và kỹ năng tư duy theo thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	PLO5
CO3	Bồi dưỡng tinh thần chủ động trong học tập và nghiên cứu các tư tưởng triết học; giá trị khoa học, cách mạng của triết học Mác - Lênin; đặc biệt triết học về xã hội và con người	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Áp dụng được những kiến thức về lịch sử triết học, những nội dung cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận, những nội dung lí luận triết học về xã hội và con người theo quan điểm của triết học Mác - Lênin	3/6	20
	CLO2	Phân tích được những nội dung cơ bản của các tư tưởng triết học trong lịch sử, những nội dung cơ bản về thể giới quan và phương pháp luận, những nội dung lí luận triết học về xã hội và con người theo quan điểm của triết học Mác - Lênin.	4/6	50
	CLO3	Đánh giá được một số tư tưởng triết học trong lịch sử và một số quan điểm hoặc tình huống cụ thể trong thực tiễn trên lập trường triết học Mác - Lênin	5/6	10
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO4	Thực hiện được kỹ năng tự học và kỹ năng tư duy theo thể giới quan duy vật và phương pháp luận biện chứng	3/5	10
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Chủ động trong học tập và nghiên cứu nhằm bảo vệ những giá trị khoa học của Triết học Mác-Lênin và đường lối cách mạng của Đảng Cộng sản Việt Nam	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

Bộ Giáo dục và Đào tạo (2025) *Giáo trình Triết học* (dùng trong đào tạo trình độ thạc sĩ, tiến sĩ các ngành khoa học xã hội và nhân văn không chuyên ngành Triết học), NXB Đại học Sư phạm.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Bộ Giáo dục và Đào tạo (2006), *Giáo trình Triết học* (dùng cho học viên cao học và nghiên cứu sinh không thuộc chuyên ngành Triết học), Nxb. Chính trị Quốc gia;

2. Nguyễn Thế Kiệt (2009), *Triết học Mác - Lênin với việc xác định con đường và động lực đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam hiện nay*, Nxb. Chính trị quốc gia, Hà Nội;

3. Đảng Cộng sản Việt Nam (2021), Văn kiện Đại hội đại biểu toàn quốc lần thứ XIII, Nxb. Chính trị quốc gia – Sự thật, Hà Nội.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Phương pháp thuyết trình	x	x	x	x	x
2	Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	x	x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1: KHAI LUẬN VỀ TRIẾT HỌC	7	0	14				
1.1 Triết học và vấn đề cơ bản của triết học 1.1.1. Triết học và đối tượng của triết học 1.1.2. Vấn đề cơ bản của triết học 1.1.3. Chức năng cơ bản của triết học	2	0	4	A1.2 A2	Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2. Sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.2.1. Những vấn đề có tính quy luật của sự hình thành, phát triển tư tưởng triết học trong lịch sử 1.2.2. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Đông 1.2.3. Sự ra đời và phát triển của triết học phương Tây 1.2.4. Khái lược về sự ra đời và phát triển của tư tưởng triết học Việt Nam thời phong kiến	3	0	6	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
1.3. Triết học Mác - Lênin và vai trò của nó trong đời sống xã hội 1.3.1. Triết học Mác - Lênin 1.3.2. Vai trò của Triết học Mác - Lênin trong đời sống xã hội	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
1.4. Sự kế thừa, phát triển và vận dụng sáng tạo triết học Mác - Lênin trong thực tiễn cách mạng Việt Nam 1.4.1. Hồ Chí Minh với việc kế thừa, vận dụng và phát triển triết học Mác - Lênin 1.4.2. Sự vận dụng sáng tạo tư tưởng triết học Hồ Chí Minh của Đảng Cộng sản Việt Nam trong thực tiễn cách mạng	1	0	2	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 2: BẢN THỂ LUẬN	5	0	10				
2.1. Khái niệm “bản thể luận” và nội dung bản thể luận trong lịch sử triết học 2.1.1. Khái niệm “bản thể luận” 2.1.2. Một số nội dung cơ bản về bản thể luận trong lịch sử triết học phương Đông 2.1.3 Một số nội dung cơ bản về bản thể luận trong triết học phương Tây	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
2.2. Nội dung bản thể luận của triết học Mác - Lênin 2.2.1. Cách tiếp cận giải quyết vấn đề bản thể luận trong triết học Mác - Lênin 2.2.2. Quan niệm của triết học Mác - Lênin về vật chất 2.2.3. Quan điểm của triết học Mác - Lênin về nguồn gốc và bản chất của ý thức 2.2.4. Mối quan hệ giữa vật chất và ý thức	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
2.3. Mối quan hệ giữa khách quan và chủ quan 2.3.1. Khái niệm “khách quan” và “chủ quan” 2.3.2. Mối quan hệ biện chứng giữa khách quan và chủ quan 2.3.3. Ý nghĩa phương pháp luận đối với sự nghiệp đổi	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
mới ở Việt Nam							
CHƯƠNG 3: PHÉP BIỆN CHỨNG	12	0	24				
3.1. Khái niệm “biện chứng” và khái quát lịch sử phép biện chứng 3.1.1. Khái niệm “siêu hình” và khái niệm “biện chứng” 3.1.2. Khái quát lịch sử phép biện chứng	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	Trong phòng học trực tuyến
3.2. Những nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.1. Hai nguyên lí cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.2. Các cặp phạm trù cơ bản của phép biện chứng duy vật 3.2.3. Các quy luật cơ bản của phép biện chứng duy vật	6	0	12	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
3.3. Những nguyên tắc phương pháp luận cơ bản của phép biện chứng duy và sự vận dụng trong quá trình đổi mới ở Việt Nam 3.3.1. Nội dung của các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật 3.3.2. Sự vận dụng các nguyên tắc phương pháp luận biện chứng duy vật trong quá trình đổi mới ở Việt Nam	4	0	8	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề + Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
Bài kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1, CLO2,	Trên hệ thống

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
						CLO3	LMS
CHƯƠNG 4: NHẬN THỨC LUẬN	7	0	14				
4.1. Một số vấn đề cơ bản của nhận thức luận 4.1.1. Mục đích, bản chất và nguồn gốc của nhận thức 4.1.2. Chủ thể, khách thể và đối tượng của nhận thức 4.1.3. Về khả năng nhận thức của con người 4.1.4. Sự thống nhất và đa dạng các kiểu tri thức	1	0	2	A1.2 A2	Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
4.2. Nhận thức luận duy vật biện chứng 4.2.1. Phản ánh hiện thực khách quan – nguyên tắc nền tảng của nhận thức luận duy vật biện chứng 4.2.2. Các giai đoạn cơ bản và biện chứng của quá trình nhận thức 4.2.3. Quan điểm biện chứng duy vật về chân lí	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
4.3. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học và đặc thù của nhận thức xã hội 4.3.1. Các hình thức, phương pháp nhận thức khoa học 4.3.2. Đặc thù của nhận thức xã hội 4.3.3. Những nguyên tắc cơ bản của nhận thức khoa học xã hội và nhân văn 4.3.4. Cách hiểu duy vật lịch sử trong nhận thức xã hội	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5,	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.4. Nguyên tắc thống nhất giữa lí luận và thực tiễn và sự vận dụng nó trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 4.4.1. Nội dung của nguyên tắc thống nhất giữa lí luận và thực tiễn 4.4.2. Tư tưởng Hồ Chí Minh về sự thống nhất lí luận và thực tiễn 4.4.3 Vận dụng nguyên tắc thống nhất lí luận và thực tiễn trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
CHƯƠNG 5: HỌC THUYẾT HÌNH THÁI KINH TẾ - XÃ HỘI	7	0	14				
5.1. Phương pháp tiếp cận duy vật và duy tâm về xã hội 5.1.1. Phương pháp tiếp cận duy tâm về xã hội 5.1.2. Phương pháp tiếp cận duy vật về xã hội	1	0	2	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
5.2. Những nội dung cơ bản của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.2.1. Sản xuất vật chất - nền tảng của sự vận động, phát triển xã hội 5.2.2. Biện chứng của sự phát triển lực lượng sản xuất và quan hệ sản xuất – quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển các	4	0	8	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
phương thức sản xuất trong lịch sử 5.2.3. Biện chứng của cơ sở hạ tầng và kiến trúc thượng tầng – quy luật cơ bản của sự vận động, phát triển trong cơ cấu tổng thể của đời sống xã hội 5.2.4. Cấu trúc hình thái kinh tế - xã hội và quá trình lịch sử - tự nhiên của sự phát triển các hình thái kinh tế - xã hội							
5.3. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội và sự nhận thức về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam 5.3.1. Giá trị khoa học, cách mạng của học thuyết hình thái kinh tế - xã hội 5.3.2. Lí luận của chủ nghĩa Mác - Lênin về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội 5.3.3. Về con đường đi lên chủ nghĩa xã hội ở Việt Nam	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
CHƯƠNG 6: TRIẾT HỌC CHÍNH TRỊ	9	0	18				
6.1. Quan niệm về chính trị trong lịch sử triết học 6.1.1. Quan niệm của triết học ngoài mác xít về chính trị 6.1.2. Quan niệm về chính trị trong triết học Mác-Lênin 6.1.3. Quan niệm đương đại và hệ thống chính trị	2	0	4	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5,	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lí thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.2. Các phương diện cơ bản về chính trị trong đời sống xã hội 6.2.1. Vấn đề giai cấp và đấu tranh giai cấp 6.2.2. Dân tộc và vấn đề quan hệ giữa giai cấp với dân tộc và nhân loại 6.2.3. Nhà nước - tổ chức đặc biệt của quyền lực chính trị	4	0	8	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
6.3. Vấn đề đổi mới chính trị ở Việt Nam hiện nay 6.3.1. Vấn đề phát huy dân chủ ở Việt Nam hiện nay 6.3.2. Vấn đề đổi mới hệ thống chính trị ở Việt Nam hiện nay 6.3.3. Vấn đề xây dựng nhà nước pháp quyền ở Việt Nam hiện nay 6.3.4. Ý nghĩa của việc đổi mới chính trị đối với việc nghiên cứu, phát triển khoa học xã hội và nhân văn	3	0	6	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
Bài tập lớn	2	0	4	A1.3		CLO4	Trên hệ thống LMS
CHƯƠNG 7: Ý THỨC XÃ HỘI	5	0	10				
7.1. Khái niệm tồn tại ý thức xã hội, ý thức xã hội và các hình thái ý thức xã hội 7.1.1 Khái niệm “tồn tại xã hội” và các yếu tố cơ bản của tồn tại	1	0	2	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5,	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
xã hội 7.1.2. Ý thức xã hội và hai trình độ phản ánh của ý thức xã hội 7.1.3. Các hình thái ý thức xã hội							
7.2. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội và tính độc lập tương đối của ý thức xã hội 7.2.1. Vai trò quyết định của tồn tại xã hội đối với ý thức xã hội 7.2.2. Tính độc lập tương đối của ý thức xã hội và vai trò của ý thức xã hội đối với tồn tại xã hội	2	0	4	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5,	Trong phòng học trực tuyến
7.3. Xây dựng nền tảng tinh thần trong tiến trình cách mạng xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay 7.3.1. Công cuộc xây dựng chủ nghĩa xã hội và tính tất yếu của việc xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội xã hội chủ nghĩa ở Việt Nam hiện nay 7.3.2. Một số vấn đề lí luận và thực tiễn mang ý nghĩa chiến lược trong tiến trình xây dựng nền tảng tinh thần của xã hội Việt Nam hiện nay	2	0	4	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
CHƯƠNG 8: TRIẾT HỌC VỀ CON NGƯỜI	5	0	10				
8.1. Khái lược các quan điểm triết học về con người trong lịch sử	1	0	2	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
8.1.1. Quan điểm triết học phương Đông về con người 8.1.2. Quan điểm triết học phương Tây trước Mác về con người 8.1.3. Quan điểm về con người trong một số trào lưu triết học ngoài Mác xít đương đại					quyết vấn đề		
8.2. Quan điểm triết học Mác - Lênin về con người 8.2.1. Khái niệm con người 8.2.2. Các phương diện tiếp cận nguồn gốc, bản chất con người	2	0	4	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
8.3. Vấn đề con người trong tư tưởng triết học Hồ Chí Minh 8.3.1. Quan niệm về con người 8.3.2. Con người vừa là mục tiêu, vừa là động lực cách mạng và tiến bộ xã hội 8.3.3. Phương thức phát huy, sử dụng động lực con người	1	0	2	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến
8.4. Vấn đề phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay 8.4.1. Quan niệm triết học về nhân tố con người 8.4.2. Phát huy nhân tố con người trong sự nghiệp đổi mới ở Việt Nam hiện nay	1	0	2	A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát hiện và giải quyết vấn đề	CLO1, CLO2, CLO3, CLO5	Trong phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CỘNG	60	0	120				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập; tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường;
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các nội dung bài học qua học liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tương tác, trao đổi bài học trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định;
- Tham dự đầy đủ các bài đánh giá và thi kết thúc học phần;
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	100	CLO1, CLO2, CLO3	10
	Điểm số 2	A1.2	Chuyên cần	100	CLO5	10
	Điểm số 3	A1.3	Bài tập lớn	100	CLO4	10
	Tổng					30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi:	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3	70

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
Tự luận (trực tiếp)						
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 3

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỉ trọng (%)
Áp dụng	Áp dụng được các nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử, phép biện chứng duy vật, bản thể luận để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn	25
Phân tích	Phân tích được một số nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử, phép biện chứng duy vật và bản thể luận	65
Đánh giá	Đánh giá được một số nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử và sự vận dụng phép biện chứng duy vật, bản thể luận trong thực tiễn	10
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên LMS	Không tham gia học tập đủ 80% bài học	Tham gia học tập đủ từ 80% đến dưới 85% bài học	Tham gia học tập đủ từ 85% đến dưới 90% bài học	Tham gia học tập đủ từ 90% đến 100% bài học	100
Tổng					100

A1.3 – Bài tập lớn được đánh giá sau khi học xong chương 6

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tìm kiếm và sử dụng tài liệu học thuật	Tìm kiếm và sử dụng tài liệu sai quan điểm đường lối của Đảng	Tìm kiếm và sử dụng tài liệu đúng quan điểm đường lối	Tìm kiếm và sử dụng tài liệu đúng quan điểm đường lối	Tìm kiếm và sử dụng tài liệu đúng quan điểm đường lối của	25

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
		của Đảng nhưng chưa chọn lọc, trích dẫn nghèo nàn	của Đảng có chọn lọc, trích dẫn phù hợp	Đảng từ nhiều nguồn đa dạng, trích dẫn khoa học, phong phú,	
Mức độ hiểu chủ đề, vận dụng và đánh giá thực tiễn	Hiểu sai chủ đề, không vận dụng và đánh giá thực tiễn	Hiểu được ý chính của chủ đề nhưng thiếu chi tiết, vận dụng thực tiễn chưa phù hợp, có đánh giá vấn đề thực tiễn nhưng chưa nhận định bằng quan điểm triết học Mác - Lênin	Hiểu đúng chủ đề, phân tích rõ ràng, vận dụng thực tiễn hợp lý, có đánh giá vấn đề thực tiễn bằng quan điểm triết học Mác - Lênin nhưng chưa hoàn toàn chính xác	Hiểu đúng chủ đề, phân tích chi tiết, logic, vận dụng thực tiễn hợp lý, đánh giá vấn đề thực tiễn bằng quan điểm triết học Mác - Lênin chính xác và thuyết phục	65
Hình thức trình bày và kết cấu bài làm	Trình bày không tuân thủ quy định, bố cục lộn xộn, thiếu các nội dung cơ bản; nội dung không theo trình tự logic	Trình bày tuân thủ một phần yêu cầu, trình bày chưa nhất quán, có đủ các nội dung nhưng trình bày rời rạc, chưa liên kết chặt chẽ	Trình bày đúng hầu hết yêu cầu, hình thức phù hợp, bố cục hợp lý, đầy đủ nội dung, có liên kết	Trình bày đẹp, khoa học, tuân thủ đầy đủ các quy định, bố cục rõ ràng, hợp lý, liên kết chặt chẽ, logic, dễ theo dõi	10
Tổng					100

A2 - Bài thi kết thúc học phần

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỉ trọng (%)
Áp dụng	Áp dụng được các nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, bản thể luận, nhận thức luận, hình thái kinh tế xã hội, triết học chính trị, triết học con người, ý thức xã hội để giải quyết một số vấn đề trong thực tiễn.	25
Phân tích	Phân tích được một số nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử và các nội dung cơ bản của phép biện chứng duy vật, bản thể luận, nhận thức luận, hình thái kinh tế xã hội, triết học chính trị, triết học con người, ý thức xã hội.	65
Đánh giá	Đánh giá được một số nội dung cơ bản của các trường phái triết học trong lịch sử và sự vận dụng phép biện chứng duy vật, bản thể luận, nhận thức luận, hình thái kinh tế xã hội, triết học chính trị, triết học con người, ý thức xã hội trong thực tiễn.	10
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Tiếng Anh**
 - + Tiếng Anh: English
- Mã học phần: NNTA203
- Số tín chỉ: 03
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt + Tiếng Anh
- Hình thức giảng dạy: Trực tuyến
- Tỷ lệ đào tạo trực tuyến của học phần: 100%
- Đối tượng học: Sinh viên trình độ sau đại học tất cả các ngành
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 00 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Ngoại ngữ.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần

Học phần “Tiếng Anh” là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức giáo dục đại cương trong chương trình đào tạo trình độ sau đại học. Học phần tập trung giới thiệu các hiện tượng ngữ pháp và cung cấp hệ thống từ vựng ở trình độ trên trung cấp (Upper intermediate) - tương ứng với cấp độ B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu (CEFR). Nội dung học phần bao gồm các chủ đề đa dạng, thiết thực và thường gặp trong đời sống hàng ngày cũng như môi trường học thuật. Qua đó, người học được phát triển cả 4 kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết thông qua các tình huống giao tiếp thực tế và các hoạt động mang tính tương tác cao. Đồng thời, học phần cũng chú trọng nâng

cao khả năng giao tiếp hiệu quả trong các ngữ cảnh xã hội và nghề nghiệp, trang bị cho học viên những kỹ năng ngôn ngữ cần thiết để đáp ứng yêu cầu học tập và làm việc.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR của CTĐT
Về kiến thức:		
CO1	Cung cấp kiến thức về từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (Upper intermediate) - tương đương cấp độ B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu qua các chủ đề đa dạng.	PLO1
Về kỹ năng:		
CO2	Phát triển các kỹ năng Nghe, Nói, Đọc, Viết ở trình độ trên trung cấp (Upper intermediate) - tương đương cấp độ B2 theo Khung tham chiếu Châu Âu thông qua các chủ đề thực tiễn đồng thời nâng cao kỹ năng giao tiếp trong các tình huống hàng ngày.	PLO5
Về năng lực tự chủ và trách nhiệm:		
CO3	Hình thành năng lực tự chủ và trách nhiệm, bao gồm thái độ học tập tích cực, tinh thần trách nhiệm, ý thức chủ động và khả năng hợp tác trong thực hiện nhiệm vụ.	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CĐR học phần
<i>CĐR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Vận dụng kiến thức cơ bản về ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc tiếng Anh ở trình độ trên trung cấp (tương đương cấp độ B2 theo khung CEFR) trong giao tiếp tiếng Anh nói chung; có kiến thức nền về các vấn đề xã hội.	3/6	15
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO2	Nắm vững các kỹ năng đọc lướt, đọc quét và các kỹ năng đọc hiểu khác để thực hiện các dạng bài tập đọc hiểu ở trình độ trên trung cấp (tương đương cấp độ B2 theo khung CEFR).	3/5	20
	CLO3	Nắm vững các kỹ năng nghe để hiểu nội dung đoạn hội thoại ở trình độ trên trung cấp (tương đương cấp độ B2 theo khung CEFR).	3/5	15
	CLO4	Nắm vững các kỹ năng viết để có thể viết các bài viết ở trình độ trên trung cấp (tương đương cấp độ B2 theo khung CEFR).	3/5	20
	CLO5	Nắm vững các kỹ năng nói để giao tiếp hàng		25

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CĐR học phần
		ngày và xây dựng bài nói theo chủ đề ở trình độ trên trung cấp (tương đương cấp độ B2 theo khung CEFR).	3/5	
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO6	Duy trì đạo đức và ý thức trách nhiệm trong học tập; chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu của học phần từ nhiều nguồn khác nhau; sử dụng thành thạo các công cụ học tập trực tuyến (LMS, phần mềm giao tiếp học thuật, diễn đàn học tập) để hoàn thành nhiệm vụ học tập.	3/5	5
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Dummett, P., Hughes, J., & Stephenson, H. (2017), *Life Upper Intermediate* (2nd ed.), National Geographic Learning.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Malcolm Mann Steve Taylore & Knowles Macmillan. (2008), *Destination B2 – Grammar and Vocabulary*, Macmillan.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO 1	CLO 2	CLO 3	CLO 4	CLO 5	CLO 6
1	Giảng dạy theo hướng đa phương tiện – tích hợp hình ảnh, âm thanh và tương tác	x	x	x	x	X	x
2	Làm việc cá nhân	x	x	x	x		
3	Dạy học thực hành	x	x	x	x	X	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
UNIT 1: RELATIONSHIPS	10	0	20				
1.1. Unlikely friends - Vocabulary: describing character - Listening: animal friendships - Grammar: present tenses, continuous and perfect - Speaking: Friendships 1.2. A confused generation - Reading: changing attitudes in China - Grammar: past simple and present perfect - Speaking: differences between generations 1.3. Bloodiness - Reading: immigrant families - Speaking: family influences 1.4. News from home - Writing: an informal email - Writing skill: greetings and endings				A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2	+ Giảng dạy theo hướng đa phương tiện – tích hợp hình ảnh, âm thanh và tương tác + Làm việc cá nhân + Dạy học thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến
UNIT 2: SCIENCE AND TECHNOLOGY	10	0	20				
2.1. Is technology the answer? - Reading and listening: overpopulation - Grammar: future forms - Speaking: predictions				A1.1 A1.2 A1.3 A2.1 A2.2	+ Giảng dạy theo hướng đa phương tiện – tích hợp hình ảnh, âm thanh và tương tác + Làm việc cá nhân	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2. Just press “print” - Vocabulary: materials - Listening: 3D printing - Grammar: future continuous and future perfect simple - Speaking: the future 2.3. Appropriate technology - Reading: technology - Vocabulary: describing technology - Speaking: technological solutions 2.4. Technical help - Writing: short email requests - Writing skill: being polite					+ Dạy học thực hành		
Revision	1	0	2		+ Dạy học thực hành		Phòng học trực tuyến
Progress test 1	1	0	2	A1.1		CLO1, CLO2, CLO4	
UNIT 3: CUSTOMS AND BEHAVIOUR	10	0	20				
3.1. Cruel to be kind - Reading: tiger mothers - Vocabulary: raising children – verbs - Grammar: zero and first conditionals; time linkers - Speaking: traditional rules of behavior 3.2. A matter of taste				A1.2 A1.3 A2.1 A2.2	+ Giảng dạy theo hướng đa phương tiện – tích hợp hình ảnh, âm thanh và tương tác + Làm việc cá nhân + Dạy học thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
- Listening: a matter of taste - Grammar: usually, used to, would, be used to & get used to - Vocabulary and speaking: food and eating habits 3.3. Cultural conventions - Reading: personal space and turn-taking - Speaking: turn-taking in conversations 3.4. Fireword festival - Writing: a description - Writing skill: adding detail							
UNIT 4: KNOWLEDGE AND LEARNING	10	0	20				
4.1. Innovation in learning - Vocabulary: education - Reading: an innovative school - Grammar: could, was able to, managed to, succeeded in - Speaking: learning experiences 4.2. Memory - Speaking: memory tests - Listening: memory - Grammar: future in the past - Speaking: making excuses 4.3. Who's a clever bird, then? - Reading: how animals				A1.2 A1.3 A2.1 A2.2	+ Giảng dạy theo hướng đa phương tiện – tích hợp hình ảnh, âm thanh và tương tác + Làm việc cá nhân + Dạy học thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
think - Speaking: types of learner 4.4. Writing - Writing: an email about a misunderstanding - Writing skill: linking contrasting ideas							
Revision	2	0	4		+ Dạy học thực hành		Phòng học trực tuyến
Progress test 2	1	0	2	A1.2	+ Làm việc cá nhân	CLO1, CLO5	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập;
- Tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Nghiên cứu các nội dung bài học qua tài liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định;
- Thường xuyên tham gia các bài tập nhóm và cá nhân, nộp bài đúng hạn. hoàn thành $\geq 80\%$ số nhiệm vụ được giao;
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1 (Đọc&Viết: trực tuyến)	100	CLO1, CLO2, CLO4	15
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.2	Bài kiểm tra số 2 (Nói: trực tuyến)	70	CLO1, CLO5	15
		A1.3	Chuyên cần	30	CLO6	
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần. Hình thức thi: Tự luận + vấn đáp (trực tiếp)	Điểm thi kết thúc học phần	A2 .1	Bài thi tự luận	70	CLO2 CLO3 CLO4	70
		A2.2	Bài thi vấn đáp	30	CLO5	
			Tổng	100	-	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra số 1 (Trắc nghiệm: Đọc&Viết): Sau khi học xong Unit 2

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kiến thức		
Hiểu	Phân biệt và nhận biết các kiến thức từ vựng, cấu trúc ngữ pháp đã học.	30
Áp dụng	Vận dụng các kiến thức từ vựng và cấu trúc ngữ pháp đã học.	40
Kỹ năng		
Vận dụng	Sử dụng các kiến thức đã học để hoàn thiện các kỹ năng Đọc và Viết.	10
Chuẩn hóa	Hoàn thiện và vận dụng các kỹ năng Đọc và Viết theo yêu cầu của bài kiểm tra.	20
Tổng		100

A1.2 - Bài kiểm tra số 2 (Nói): Sau khi học xong Unit 4

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng(%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Việc vận dụng kiến thức đã học và nội dung bài kiểm tra nói	- Sử dụng từ vựng và cấu trúc câu đơn giản, chưa áp dụng đầy đủ ngữ pháp ở trình độ B2. - Nội dung nói chưa thể hiện được sự sâu sắc hoặc liên kết rõ ràng với chủ đề kiểm tra.	- Vận dụng từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Anh ở trình độ B2 tương đối chính xác. Tuy nhiên, một số từ vựng và cấu trúc câu còn đơn giản hoặc chưa phù hợp hoàn toàn với chủ đề. - Nội dung nói có mạch lạc nhưng chưa phát triển đầy đủ.	- Sử dụng từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Anh đúng và khá đa dạng, phù hợp với trình độ B2. - Nội dung nói mạch lạc, thể hiện sự hiểu biết rõ ràng và phát triển các luận điểm một cách hợp lý.	- Sử dụng từ vựng, cấu trúc câu và ngữ pháp tiếng Anh rất chính xác và đa dạng, phù hợp hoàn toàn với chủ đề kiểm tra. - Nội dung nói sáng tạo, dễ hiểu và thể hiện sự hiểu biết sâu sắc về chủ đề.	40
Kỹ năng nói cá nhân trong môi trường học trực tuyến	Hoàn thành bài kiểm tra nói cá nhân ở mức thấp. Không sử dụng công cụ học trực tuyến hiệu quả. Bài nói thiếu mạch lạc, không rõ ràng và thiếu sự tổ chức.	Hoàn thành bài kiểm tra nói cá nhân với sự mạch lạc cơ bản. Sử dụng công cụ học trực tuyến (video call, chia sẻ màn hình) cơ bản, nhưng chưa tận dụng hết các tính năng hỗ trợ.	Hoàn thành bài kiểm tra nói cá nhân mạch lạc, tự tin và dễ hiểu. Sử dụng các công cụ học trực tuyến hiệu quả, kết hợp tài liệu hỗ trợ tốt để trình bày ý tưởng rõ ràng.	Hoàn thành bài kiểm tra nói cá nhân xuất sắc, sử dụng công cụ học trực tuyến hiệu quả. Bài nói mạch lạc, tự tin, gây ấn tượng mạnh và dễ hiểu, sử dụng tài liệu hỗ trợ hợp lý.	40
Kỹ năng giao tiếp và phát âm	Phát âm gây khó khăn cho người nghe, thiếu sự tự nhiên trong giọng điệu. Đôi khi gây hiểu nhầm về ý	Phát âm rõ ràng nhưng đôi khi thiếu tự nhiên. Giọng điệu tương đối phù hợp với tình huống nhưng chưa thể hiện	Phát âm rõ ràng, giọng điệu tự nhiên và phù hợp với tình huống giao tiếp. Tạo sự dễ hiểu cho người nghe.	Phát âm rất rõ ràng, giọng điệu tự nhiên, linh hoạt và phù hợp hoàn toàn với tình huống giao tiếp. Tạo ấn	20

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng(%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	nghĩa của câu nói.	được sự tự tin.		tượng mạnh mẽ và dễ tiếp cận với người nghe.	
	Tổng				100

A1.3 – Chuyên cần (được đánh giá trong suốt quá trình học)

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập	Không thể hiện sự tự chủ và trách nhiệm trong việc tham gia lớp học trực tuyến; vắng mặt quá 20%, thiếu cam kết trong việc hoàn thành các nhiệm vụ học tập.	Thể hiện mức độ tự chủ và trách nhiệm thấp trong việc tham gia lớp học trực tuyến; vắng mặt từ trên 10-20%, không thường xuyên tham gia đầy đủ các hoạt động học tập.	Thể hiện sự tự chủ và trách nhiệm tốt trong việc tham gia lớp học trực tuyến; vắng mặt từ trên 0-10%, tham gia tích cực vào các hoạt động học tập.	Hoàn toàn tự chủ và có trách nhiệm trong việc tham gia lớp học trực tuyến; không vắng mặt trong suốt quá trình học.	50
Ý thức học tập	Không sử dụng thành thạo các công cụ học tập trực tuyến, gặp khó khăn khi sử dụng LMS, phần mềm giao tiếp học thuật, diễn đàn học tập. Không chủ động tham gia vào các hoạt động học tập qua nền tảng trực tuyến, thiếu kết nối và tương tác với giảng	Sử dụng công cụ học tập trực tuyến một cách hạn chế, chỉ thực hiện một số nhiệm vụ cơ bản. Thỉnh thoảng tham gia các diễn đàn học tập và các buổi giao tiếp học thuật nhưng chưa chủ động hoặc chưa hiệu quả.	Sử dụng thành thạo các công cụ học tập trực tuyến, tham gia tích cực vào các hoạt động học tập qua LMS, phần mềm giao tiếp học thuật và diễn đàn học tập. Chủ động trao đổi, tham gia các cuộc thảo luận và hoàn thành nhiệm vụ đúng hạn.	Sử dụng thành thạo tất cả các công cụ học tập trực tuyến, chủ động tham gia vào mọi hoạt động học tập qua LMS, phần mềm giao tiếp học thuật và diễn đàn học tập. Tích cực giao tiếp,	50

	viên và bạn học.			chia sẻ ý tưởng và hỗ trợ các bạn học trong quá trình học tập trực tuyến.	
Tổng					100

A2.1 – Bài thi kết thúc học phần (Tự luận: trực tiếp)

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kỹ năng		
Vận dụng	Áp dụng kiến thức ngữ pháp, từ vựng, kỹ thuật đọc hiểu, kỹ năng viết và kỹ năng nghe vào việc giải quyết các câu hỏi và bài tập trong bài thi tự luận.	40
Chuẩn hóa	Hoàn thiện và vận dụng các kỹ năng Nghe, Đọc, Viết theo yêu cầu cụ thể của bài thi tự luận bao gồm việc tiếp cận các bài nghe, đọc, phân tích và trả lời các câu hỏi theo đúng ngữ cảnh, đồng thời sử dụng các kỹ năng viết để xây dựng lập luận chặt chẽ, mạch lạc và logic.	60
Tổng		100

A2.2 – Bài thi vấn đáp (Nói: trực tiếp)

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kỹ năng		
Vận dụng	Sử dụng từ vựng, ngữ pháp, các cấu trúc câu và mẫu câu đã học để diễn đạt một cách rõ ràng và chính xác theo yêu cầu đề bài và phù hợp với tình huống giao tiếp trong bài thi vấn đáp.	40
Chuẩn hóa	Vận dụng thành thạo kiến thức ngữ pháp, từ vựng và cấu trúc câu đã học để trả lời chính xác, rõ ràng và phù hợp với yêu cầu bài thi vấn đáp thể hiện qua việc sử dụng đúng ngữ pháp và từ vựng và khả năng đáp ứng đầy đủ các yêu cầu của đề bài, duy trì mạch lạc trong câu trả lời và đưa ra các lập luận logic, phù hợp với các chủ đề được đưa ra trong bài thi.	60
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **Research methods in Business**
- Mã học phần: **KTKS201**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **30 giờ**
 - + Thực hành: **30 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Kinh tế số và Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Loại 1.**

2. Mô tả học phần

Học phần phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh thuộc khối kiến thức cơ sở ngành bắt buộc trong chương trình đào tạo thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho học viên những kiến thức về phương pháp luận, cũng như những vấn đề nghiên cứu thực nghiệm, nghiên cứu ứng dụng trong kinh doanh. Học phần giới thiệu tổng quan về nghiên cứu trong kinh doanh; nghiên cứu thực nghiệm; xác định vấn đề nghiên cứu và thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh; xây dựng thang đo và

thiết kế bảng hỏi; chọn mẫu và tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu; nghiên cứu ứng dụng (ứng dụng mô hình hồi quy trong nghiên cứu khoa học).

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Vận dụng được các khái niệm, nguyên lý và quy trình nghiên cứu trong lĩnh vực kinh doanh để xây dựng đề cương nghiên cứu cơ bản..	PLO2
CO2	Vận dụng được các phương pháp nghiên cứu định tính, định lượng để phân tích vấn đề thực tiễn và lựa chọn công cụ phù hợp trong nghiên cứu kinh doanh.	PLO5
CO3	Hình thành tư duy phản biện, tinh thần trách nhiệm và khả năng trình bày, phản biện kết quả nghiên cứu trong nhóm học thuật.	PLO8

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Áp dụng được các khái niệm và vai trò của nghiên cứu khoa học vào tình huống cụ thể trong quản trị kinh doanh.	3/6	20
	CLO2	Phân biệt và trình bày được quy trình, thiết kế nghiên cứu và ứng dụng cơ bản vào bài tập thực tế.	3/6	40
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Vận dụng phương pháp định tính, định lượng để xây dựng và thực hiện nghiên cứu sơ bộ.	2/5	20
	CLO4	Sử dụng một số công cụ cơ bản để xử lý dữ liệu phù hợp với mục tiêu nghiên cứu.	2/5	10
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Tham gia thảo luận, phản biện kết quả nghiên cứu với tinh thần trách nhiệm và tư duy mở.	2/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

- Hà Nam Khánh Giao, Bùi Nhất Vương (2019), *Giáo trình cao học Phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản tài chính;
- Lê Văn Huy, Trương Trần Trâm Anh (2012), *Phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh*, NXB Tài chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Đăng Bình, Nguyễn Văn Dự (2010), *Phương pháp nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và Kỹ thuật;

2. Vũ Cao Đàm (2014), *Phương pháp luận nghiên cứu khoa học*, NXB Khoa học và kỹ thuật.;

3. Nguyễn Văn Thắng (2014), *Thực hành nghiên cứu trong kinh tế và quản trị kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân Microsoft Excel (2021), *Excel for Office 365*, Phiên bản dành cho doanh nghiệp.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình – trình bày lý thuyết	x	x			x
2	Diễn giải, minh họa, hỏi – đáp	x	x	x		x
3	Thực hành nghiên cứu			x	x	x
4	Thảo luận nhóm, phân biện kết quả			x	x	x
5	Học tập tình huống và tự học có hướng dẫn				x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHƯƠNG PHÁP NGHIÊN CỨU TRONG KINH DOANH	5	0	10				
1.1. Khái niệm về phương pháp nghiên cứu khoa học và phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	Thuyết trình + Diễn giải	CLO1 CLO2	Trong trường: Phòng học
1.2. Các loại hình nghiên cứu khoa học và nghiên cứu trong kinh doanh	3	0	6				
CHƯƠNG 2. MỘT SỐ VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU THỰC NGHIỆM	4	6	14				
2.1. Nghiên cứu thực nghiệm và phân loại	2	2	6	A1.1 A1.2 A2	Thuyết trình + Diễn giải	CLO1 CLO2	Trong trường: Phòng học
2.2. Thiết kế nghiên cứu thực nghiệm	2	4	8				
CHƯƠNG 3. XÁC ĐỊNH VẤN ĐỀ NGHIÊN CỨU VÀ THIẾT KẾ NGHIÊN CỨU TRONG KINH	5	6	16				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
DOANH							
3.1. Xác định vấn đề nghiên cứu trong kinh doanh	2	3	7	A1.1 A1.2 A2	Thuyết trình + Diễn giải + Thảo luận nhóm	CLO1 CLO2 CLO5	Trong trường: Phòng học
3.2. Thiết kế nghiên cứu trong kinh doanh	3	3	9				
+ Kiểm tra	1		2	A1.1		CLO1 CLO2	
CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG THANG ĐO VÀ THIẾT KẾ BẢNG HỎI	5	6	16				
4.1. Xây dựng thang đo	3	4	10	A1.2 A1.3 A2	Diễn giải + Thực hành Thảo luận nhóm	CLO2 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
4.2. Thiết kế bảng hỏi	2	2	6				
CHƯƠNG 5. CHỌN MẪU VÀ TỔ CHỨC THU THẬP DỮ LIỆU NGHIÊN CỨU	5	7	17				
5.1. Chọn mẫu nghiên cứu	3	4	10	A1.2 A1.3 A2	Diễn giải Thực hành Thảo luận nhóm	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
5.2. Tổ chức thu thập dữ liệu nghiên cứu	2	3	7				
CHƯƠNG 6. ỨNG DỤNG MÔ HÌNH HỒI QUY TRONG NGHIÊN CỨU KINH DOANH	4	5	13				
6.1. Xây dựng giả thuyết nghiên cứu và phân tích mối quan hệ nhân quả	2	3	6	A1.2 A1.3 A2	Diễn giải+ Thực hành Thảo luận nhóm + Tự học hướng dẫn	CLO2 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
6.2. Ứng dụng mô hình hồi quy trong nghiên cứu kinh doanh	2	2	6				
Bài tập thực hành nghiên cứu	1		2	A1.3		CLO2, 3,4	
Tổng cộng	30	30	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;

- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;
- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1, CLO2	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập thực hành nghiên cứu	100	CLO3,CLO4	15
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày được khái niệm phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh	10
Hiểu	Giải thích được các loại hình nghiên cứu trong kinh doanh	25
Áp dụng	Vận dụng kiến thức để xác định vấn đề nghiên cứu	25
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Thực hiện lại các bước đã học trong quy trình nghiên cứu	20
Vận dụng	Tự xác định và trình bày được vấn đề nghiên cứu trong ngữ cảnh cụ thể	20
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	40
Tổng					100

A1.3 – Bài tập thực hành nghiên cứu sau khi học xong chương 6:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày được các bước cơ bản trong quy trình nghiên cứu.	10
Hiểu	Giải thích được ý nghĩa của việc xây dựng thang đo và thiết kế bảng hỏi	25
Áp dụng	Áp dụng được cách thức thu thập dữ liệu dựa trên thiết kế bảng hỏi	25
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Thực hiện việc xây dựng bảng hỏi theo mẫu có sẵn	20
Vận dụng	Tự xây dựng và triển khai bảng hỏi phù hợp mục tiêu nghiên cứu	20
Tổng		100

A2- Thi kết thúc học phần

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày được khái niệm liên quan phương pháp nghiên cứu trong kinh doanh.	10
Hiểu	Phân biệt được các loại hình nghiên cứu trong kinh doanh.	25
Áp dụng	Vận dụng kiến thức để xác định vấn đề nghiên cứu thực tế	25
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Mô tả lại quy trình và các bước nghiên cứu đã học	20
Vận dụng	Xây dựng đề cương nghiên cứu ngắn, phân tích và giải thích tình huống	20

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
	Tổng	100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị chiến lược nâng cao**
 - + Tiếng Anh: **Advanced Strategy Management**
- Mã học phần: **KTKD201**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần

Học phần Quản trị chiến lược nâng cao là học phần bắt buộc thuộc khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh. Nội dung của học phần được xây dựng theo tiến trình của quản trị chiến lược như: phân tích chiến lược, lựa chọn chiến lược, thực hiện chiến lược, đánh giá chiến lược và những vấn đề cần lưu ý trong quản trị chiến lược. Từ đó xác định được tư duy dài hạn,

nhận diện, đánh giá và xử lý các vấn đề quản trị chiến lược trong môi trường kinh doanh biến động.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Có kiến thức cơ bản về quản trị chiến lược; phân tích, đánh giá và vận dụng linh hoạt các mô hình chiến lược trong bối cảnh kinh doanh đa dạng và biến động.	PLO1 PLO2
CO2	Có kỹ năng tư duy chiến lược, sử dụng công cụ phân tích chiến lược để hỗ trợ ra quyết định; nâng cao kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo và truyền đạt tri thức.	PLO3
CO3	Có khả năng tự định hướng, thích nghi với môi trường chiến lược thay đổi; dẫn dắt và hướng dẫn người khác triển khai chiến lược; thể hiện đạo đức và tinh thần trách nhiệm trong quản trị.	PLO4

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CDR học phần (%)
<i>Kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hệ thống hóa các kiến thức cơ bản nâng cao về phân tích, lựa chọn, thực hiện và đánh giá chiến lược để giải quyết vấn đề quản trị một cách sáng tạo và hiệu quả trong môi trường biến động.	4/6	25
	CLO2	Phân tích năng lực cốt lõi và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp trước bối cảnh kinh tế toàn cầu hóa nhằm xác định chiến lược kinh doanh cấp đơn vị, cấp chức năng và cấp doanh nghiệp	4/6	20
<i>Kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Vận dụng kỹ năng tư duy phản biện và sáng tạo để đề xuất giải pháp chiến lược cho các vấn đề phức tạp trong hoạt động quản trị doanh nghiệp.	3/5	20
	CLO4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm, lãnh đạo và sử dụng hiệu quả công nghệ phân tích dữ liệu trong việc xây dựng và đánh giá chiến lược phù hợp với bối cảnh kinh doanh cụ thể.	3/5	20
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Kết hợp khả năng tự học, tự nghiên cứu để đề xuất các ý tưởng thực hiện các công việc liên quan đến quản trị chiến lược nâng cao trong doanh nghiệp.	3/5	7,5
	CLO6	Thực hiện theo các quy định của pháp luật, nội quy của nơi học tập và làm việc	3/5	7,5
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

- 1. Hà Nam Khánh Giao (2020), *Quản trị chiến lược – Cập nhật BSC*, NXB Tài chính;
- 2. Hà Sơn Tùng (2024), *Quản trị chiến lược*, NXB đại học kinh tế quốc dân.

5.2 Tài liệu tham khảo

- 1. Lê Hồng Nhật (2017), *Lý thuyết trò chơi và ứng dụng trong quản trị-kinh doanh*, NXB Thanh niên, HN;
- 2. Trần Quốc Việt (2017), *Quản trị chiến lược thực chiến*, NXB Đan Mạch.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x				
2	Dạy học dựa trên vấn đề	x	x			x	
3	Học theo tình huống		x	x	X		x
4	Học nhóm			x	X	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	6	0	12	A1.1 A1.2 A2	+Phương pháp thuyết trình + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO1; CLO2 CLO5	Trong trường: Phòng học
1.1. Khái quát về quản trị chiến lược 1.1.1. Khái niệm quản trị chiến lược 1.1.2. Các giai đoạn quản trị chiến lược	2	0	4				
1.2. Các thuật ngữ chính của quản trị chiến lược 1.2.1. Lợi thế cạnh tranh 1.2.2. Chiến lược gia 1.2.3. Tầm nhìn và sứ mệnh 1.2.4. Cơ hội và thách thức 1.2.5. Điểm mạnh và điểm yếu	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.3. Một số lưu ý về quản trị chiến lược 1.3.1. Các mô hình quản trị chiến lược 1.2.3. Hướng dẫn về quản trị chiến lược hiệu quả	2	0	4				
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH CHIẾN LƯỢC	8	0	16				
2.1. Phân tích môi trường bên ngoài 2.1.1. Phân tích cạnh tranh 2.1.2. Nguồn thông tin bên ngoài và kỹ thuật dự báo 2.1.3. Phân tích ngành và ma trận EFE 2.1.4. Ma trận hình ảnh cạnh tranh	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học theo tình huống	CLO2; CLO3; CLO4	
2.2. Phân tích môi trường bên trong 2.2.1. Quản trị 2.2.2. Marketing 2.2.3. Tài chính/ kế toán 2.2.4. Sản xuất/ vận hành 2.2.5. Nghiên cứu và phát triển 2.2.6. Quản trị hệ thống thông tin 2.2.7. Phân tích chuỗi giá trị	4	0	8				
Chương 3. LỰA CHỌN CHIẾN LƯỢC	8	0	16		+ Phương pháp	CLO1, CLO2;	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Các loại chiến lược 3.1.1. Chiến lược hội nhập 3.1.2. Chiến lược tăng cường 3.1.3. Chiến lược phòng thủ 3.1.4. Năm chiến lược thông dụng của Porter	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	thuyết trình + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO5	
3.2. Các phương tiện để đạt tới chiến lược 3.2.1. Hợp tác giữa các đối thủ 3.2.2. Liên doanh/ Hợp tác 3.2.3. Sát nhập/ Mua lại 3.2.4. Thông tóm thông qua hình thức góp vốn tư nhân vào các công ty chưa niêm yết 3.2.5. Thuê ngoài	3	0	6				
3.3. Phân tích và lựa chọn chiến lược 3.3.1. Bản chất của phân tích và lựa chọn chiến lược 3.3.2. Giai đoạn đầu vào 3.3.3. Giai đoạn kết hợp 3.3.4. Giai đoạn quyết định 3.3.5. Các khía cạnh khác trong lựa chọn chiến lược	3	0	6				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1, CLO3	
Chương 4. THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC	7	0	14		+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO2; CLO3; CLO5; CLO6	
4.1. Bản chất của thực hiện chiến lược 4.1.1. Bản chất 4.1.2. Các khía cạnh quản trị	1	0	2	A1.2 A1.3 A2			

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.2. Các vấn đề quản trị và vận hành 4.2.1. Mục tiêu và chính sách hàng năm 4.2.2. Phân bổ nguồn lực 4.2.3. Các cấu trúc phù hợp với chiến lược 4.2.4. Tái cấu trúc và tái thiết kế 4.2.5. Gắn kết hiệu quả hoạt động và thù lao với chiến lược 4.2.6. Quản lý việc chống lại sự thay đổi 4.2.7. Tạo ra môi trường văn hóa hỗ trợ cho chiến lược 4.2.8. Những vấn đề về sản xuất tác nghiệp khi thực hiện chiến lược	3	0	6		+ Phương pháp học nhóm		
4.3. Nội dung về thực hiện một số chiến lược trong doanh nghiệp 4.3.1. Các vấn đề về Marketing, phân khúc thị trường, định vị sản phẩm 4.3.2. Các vấn đề về tài chính kế toán 4.3.3. Các vấn đề về nghiên cứu và phát triển 4.3.4. Các vấn đề về hệ thống thông tin quản lý	3	0	6				
Chương 5. ĐÁNH GIÁ CHIẾN LƯỢC	7	0	14		+ Phương pháp	CLO1; CLO2;	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.1. Bản chất của việc đánh giá chiến lược 5.1.1. Bản chất của đánh giá chiến lược 5.1.2. Quá trình đánh giá chiến lược	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	thuyết trình + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO5	
5.2. Khung đánh giá chiến lược 5.2.1. Xem xét cơ sở của chiến lược 5.2.2. Đo lường kết quả hoạt động của tổ chức 5.2.3. Thực hiện các hoạt động điều chỉnh	3	0	6				
5.3. Thẻ điểm cân bằng 5.3.1. Tổng quan về thẻ điểm cân bằng 5.3.2. Một số ứng dụng về thẻ điểm cân bằng trong tổ chức	3	0	6				
CHƯƠNG 6. QUAN TRỊ CHIẾN LƯỢC QUỐC TẾ	7	0	14		+ Phương pháp học theo tình huống + Phương pháp học nhóm	CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	
6.1. Những thách thức của quản trị chiến lược quốc tế	1	0	2	A1.2 A1.3 A2			
6.2. Những thành phần của một chiến lược toàn cầu 6.2.1. Năng lực đặc biệt 6.2.2. Phạm vi hoạt động 6.2.3 Triển khai nguồn lực 6.2.4. Sự hợp lực	2	0	4				
6.3. Các phương thức thâm nhập thị trường quốc tế 6.3.1. Xuất khẩu 6.3.2. Bán bản quyền	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR của học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.3.3. Nhượng quyền kinh doanh 6.3.4. Liên doanh 6.3.5. Lập các công ty con sở hữu hoàn toàn							
6.4. Các liên minh chiến lược toàn cầu 6.4.1. Các lợi thế của liên minh chiến lược 6.4.2. Bất lợi của các liên minh chiến lược	2	0	4				
Thuyết trình	1	0	2	A1.3		CLO2,4,5	
Cộng	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	50	CLO 1,3	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO 6	
		Tổng		100%	-	
	Điểm số 2	A1.3	Thuyết trình	100	CLO 2,4,5	15
		Tổng		100%	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: (Tự luận)	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO 1,2,3,4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm chiến lược, quản trị chiến lược, môi trường kinh doanh của doanh nghiệp, bản tuyên bố sứ mệnh của doanh nghiệp, khái niệm và bản chất của lợi thế cạnh tranh, chiến lược tăng trưởng và chiến lược suy giảm.	10
Hiểu	Các vai trò của quản trị chiến lược, các nhân tố trong môi trường kinh doanh, bản tuyên bố sứ mệnh của doanh nghiệp, lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, các chiến lược tăng trưởng và suy giảm.	10
Áp Dụng	Các kiến thức để đưa ra các giải thích về vai trò của quản trị chiến lược đối với doanh nghiệp, sự ảnh hưởng của các nhân tố trong môi trường kinh doanh và bản tuyên bố sứ mệnh doanh nghiệp ảnh hưởng đến chiến lược doanh nghiệp đưa ra, các lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, , các chiến lược tăng trưởng và suy giảm.	10
<i>Về Kỹ năng</i>		
Vận dụng	Ma trận SWOT, các chiến lược tăng trưởng và suy giảm cho doanh nghiệp trong từng thời kỳ.	50
Chuẩn hóa	Các kiến thức về vai trò của quản trị chiến lược, các nhân tố trong môi trường kinh doanh cũng như những mục tiêu, trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, những lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp	20

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
	và các chiến lược cấp doanh nghiệp.	
Tổng		100

A1.2 – Chuyên cần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Thuyết trình nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Trình bày Slide Hoặc Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện sơ sài, rất nhiều nội dung luận giải chưa chặt chẽ	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng <i>Hoặc</i> Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i>	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét rất đầy đủ,	0,5

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
			chẽ	Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ	sắc sảo, luận giải chặt chẽ	
Thuyết trình, bảo vệ Hoặc Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu <i>Hoặc</i> Tư duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tư duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình <i>Hoặc</i> Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	0,3
Mức độ tham	Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt	Mức độ tham gia sinh hoạt	Mức độ tham gia sinh hoạt	Mức độ tham gia sinh hoạt	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
gia	sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A2. Bài thi kết thúc học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm cơ bản về chiến lược, quản trị chiến lược, các nhân tố trong môi trường kinh doanh, bản tuyên bố sứ mệnh của doanh nghiệp.	20
Áp dụng	Kiến thức về lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp, bản tuyên bố sứ mệnh của doanh nghiệp	20
Phân tích	Các kiến thức về các nhân tố trong môi trường kinh doanh, các chiến lược các cấp của doanh nghiệp.	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Kiến thức về chiến lược các cấp của doanh nghiệp	20
Chuẩn hoá	Các kiến thức về yêu cầu về lựa chọn và thực hiện chiến lược, quy trình kiểm tra và điều chỉnh chiến lược, các chiến lược kinh doanh toàn cầu	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị điều hành nâng cao**
 - + Tiếng Anh: **Advanced Executive Management**
- Mã học phần: **KTKD202**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **00 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không**

2. Mô tả học phần

Học phần Quản trị điều hành nâng cao là một trong những nội dung thuộc Kiến thức cơ sở ngành thuộc chương trình đào tạo thạc sĩ ngành Quản trị kinh doanh, nhằm cung cấp cho người học các kiến thức tổng quan về quản trị điều hành nâng cao; dự báo; thiết kế sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình điều hành; quản trị tồn kho; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu và lý thuyết xếp hàng. Đồng thời cung cấp cho người học kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động trong điều hành doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Tổng quan về quản trị điều hành nâng cao; dự báo; thiết kế sản phẩm, lựa chọn quá trình sản xuất và hoạch định công suất; hoạch định tổng hợp; lập lịch trình điều hành; quản trị tồn kho; hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu và lý thuyết xếp hàng;	PLO2
CO2	Có kỹ năng phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động trong điều hành doanh nghiệp;	PLO6
CO3	Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	PLO10
	Tổ chức hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị.	PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích vai trò và mối quan hệ giữa chức năng điều hành với các chức năng quản trị khác; lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị điều hành; năng suất trong quản trị điều hành; các quyết định chủ yếu của quản trị điều hành; các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự báo; các phương pháp dự báo; giám sát và kiểm soát dự báo; thiết kế sản phẩm; hoạch định công suất; chiến lược hoạch định tổng hợp; các phương pháp hoạch định tổng hợp.	4/6	32
	CLO2	Hệ thống hóa phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc; phương pháp phân công công việc; các mô hình quản trị tồn kho; trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; phương pháp xác định kích cỡ lô hàng; tầm quan trọng của lý thuyết xếp hàng; các mô hình xếp hàng.	4/6	28,5
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững kỹ năng, thực hiện phân tích, hoạch định, tổ chức, thực hiện, kiểm tra và đánh giá hoạt động trong điều hành doanh nghiệp;	3/5	32
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO4	Tích hợp chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	4/5	3,75
	CLO5	Tổ chức hoạt động khởi nghiệp trong lĩnh vực kinh doanh và quản trị.	3/5	3,75

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Đồng Thị Thanh Phương (2006), *Quản trị điều hành sản xuất*, NXB Hà Nội.
2. Trần Đức Lộc, Trần Văn Phùng (2008), *Quản trị sản xuất và tác nghiệp*, NXB Tài chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thành Hiếu (2023), *Quản trị tác nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
2. Lê Công Hoa (2022), *Quản trị hậu cần*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.
3. Nguyễn Thành Hiếu (2022) *Quản trị chuỗi cung ứng*, NXB Đại học kinh tế quốc dân..

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình	x	x			
2	Tranh luận		x	x		
3	Câu hỏi gợi mở	x		x	x	
4	Dạy học dựa trên vấn đề			x		x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ ĐIỀU HÀNH NÂNG CAO	7	0	14				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1. Khái quát về quản trị điều hành nâng cao 1.1.1. Khái niệm quản trị điều hành 1.1.2. Mục tiêu của quản trị điều hành 1.1.3. Sự khác biệt giữa hoạt động sản xuất và hoạt động cung cấp dịch vụ 1.1.4. Vai trò và mối quan hệ giữa chức năng điều hành với các chức năng quản trị khác	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO1, CLO4, CLO5	Trong trường: Phòng học
1.2. Lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị điều hành 1.2.1. Lịch sử hình thành và phát triển của quản trị điều hành 1.2.2. Xu hướng phát triển của quản trị điều hành	2	0	4				
1.3. Năng suất trong quản trị điều hành 1.3.1. Năng suất và các chỉ tiêu đo lường năng suất 1.3.2. Các nhân tố tác động đến năng suất 1.3.3. Những biện pháp nâng cao năng suất	2	0	4				
1.4. Các quyết định chủ yếu của quản trị điều hành nâng cao	1	0	2				
CHƯƠNG 2. THIẾT KẾ SẢN PHẨM, LỰA CHỌN QUÁ TRÌNH SẢN XUẤT VÀ HOẠCH ĐỊNH CÔNG SUẤT	8	0	16				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.1 Thiết kế sản phẩm 2.1.1. Khái quát về thiết kế sản phẩm 2.1.2. Quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm 2.1.3. Các căn cứ quan trọng để thiết kế và phát triển sản phẩm	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Tranh luận + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO1, CLO3, CLO4, CLO5	Trong trường: Phòng học
2.2. Lựa chọn các hình thức sản xuất, cung cấp dịch vụ 2.2.1. Căn cứ theo khối lượng sản xuất và tính chất lặp lại 2.2.2. Căn cứ theo tính liên tục của dòng di chuyển sản phẩm 2.2.3. Căn cứ vào mối quan hệ với khách hàng 2.2.4. Các hình thức cung cấp dịch vụ	3	0	6				
2.3. Hoạch định công suất 2.3.1. Khái niệm và phân loại công suất 2.3.2. Các yêu cầu khi xây dựng và lựa chọn công suất 2.3.3. Các phương pháp hỗ trợ lựa chọn công suất	3	0	6				
Bài tập nhóm	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO3	
CHƯƠNG 3. LẬP LỊCH TRÌNH ĐIỀU HÀNH	7	0	14				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Thực chất của lập lịch trình điều hành	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Tranh luận + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong trường: Phòng học
3.2. Phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc	3	0	6				
3.2.1. Lập lịch trình cho n công việc trên một máy (hoặc 1 dây chuyền)							
3.2.2. Lập lịch trình sắp xếp n công việc trên hai máy							
3.2.3. Lập lịch trình sắp xếp n công việc trên ba máy							
3.3. Phương pháp phân công công việc	2	0	4	A1.1		CLO1 CLO3	
3.3.1. Bài toán cực tiểu							
3.3.2. Bài toán cực đại							
3.3.3. Bài toán ô cấm							
Bài tập nhóm	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO3	
CHƯƠNG 4. QUAN TRỊ TỒN KHO	5	0	10				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1. Những vấn đề liên quan đến quản trị tồn kho 4.1.1. Tồn kho và mục đích của tồn kho 4.1.2. Chức năng của tồn kho 4.1.3. Kỹ thuật phân tích ABC trong quản trị tồn kho 4.1.4. Chi phí trong quản trị tồn kho	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Tranh luận + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong trường: Phòng học
4.2. Các mô hình quản trị tồn kho 4.2.1. Mô hình lượng đặt hàng kinh tế (EOQ) 4.2.2. Mô hình lượng đặt hàng theo sản xuất (POQ) 4.2.3. Mô hình lượng đặt hàng để lại nơi cung ứng (BOQ) 4.2.4. Mô hình khấu trừ theo số lượng (QD)	3	0	6				
CHƯƠNG 5. HOẠCH ĐỊNH NHU CẦU NGUYÊN VẬT LIỆU	8	0	16				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.1. Khái quát về hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 5.1.1. Khái niệm và mục tiêu hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 5.1.2. Các yêu cầu của hệ thống MRP	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Tranh luận + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	<i>Trong trường: Phòng học</i>
5.2. Trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu 5.2.1. Phân tích cấu trúc sản phẩm 5.2.2. Xác định tổng nhu cầu 5.2.3. Xác định nhu cầu thực 5.2.4. Phân phối thời gian mỗi bộ phận cấu thành	3	0	6				
5.3. Phương pháp xác định kích cỡ lô hàng 5.3.1. Phương pháp đưa hàng theo lô ứng với nhu cầu (LFL) 5.3.2. Phương pháp xác định cỡ lô hàng theo mô hình EOQ 5.3.3. Phương pháp cân đối nhu cầu theo giai đoạn	3	0	6				
CHƯƠNG 6. LÝ THUYẾT XẾP HÀNG	7	0	14				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.1. Tầm quan trọng của lý thuyết xếp hàng 6.1.1. Hệ thống dịch vụ 6.1.2. Các loại chi phí dịch vụ	3	0	6	A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp Tranh luận + Phương pháp Câu hỏi gợi mở + Phương pháp Dạy học dựa trên vấn đề	CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	Trong trường: Phòng học
6.2. Đặc điểm của hệ thống dịch vụ 6.2.1. Đặc điểm của dòng khách vào 6.2.2. Đặc điểm của hàng chờ 6.2.3. Đặc điểm của hoạt động dịch vụ	2	0	4				
6.3. Các mô hình xếp hàng 6.3.1. Mô hình A 6.3.2. Mô hình B 6.3.3. Mô hình C 6.3.4. Mô hình D	2	0	4				
Bài kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO1, CLO2, CLO3	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài tập nhóm	50	CLO1, CLO3,	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO4, CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra	100	CLO1, CLO2, CLO3	15
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài tập nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài tập	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài tập	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm	0,2

Tiêu chí	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng
	tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,5
Ý thức học tập trên lớp.	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,5

A1.3 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Hiểu	Một số vấn đề cơ bản về lập lịch trình điều hành.	10
Áp dụng	Phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc; phương pháp phân công công việc; các mô hình quản trị tồn kho; trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; phương pháp xác định kích cỡ lô hàng.	20
Phân tích	Tầm quan trọng của lý thuyết xếp hàng; các mô hình xếp hàng.	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Các mô hình xếp hàng; các mô hình quản trị tồn kho.	30
Chuẩn hóa	Phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc; phương pháp phân công công việc; trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; phương pháp xác định kích cỡ lô hàng.	20
Tổng		100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Hiểu	Sự khác biệt giữa hoạt động sản xuất và hoạt động cung cấp dịch vụ; Các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự báo; Quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm; Chiến lược hoạch định tổng hợp; Một số vấn đề cơ bản về lập lịch trình điều hành.	10
Áp dụng	Các phương pháp dự báo; giám sát và kiểm soát dự báo; thiết kế sản phẩm; hoạch định công suất; chiến lược hoạch định tổng hợp; các phương pháp hoạch định tổng hợp; Phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc; phương pháp phân công công việc; các mô hình quản trị tồn kho; trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; phương pháp xác định kích cỡ lô hàng.	20
Phân tích	Vai trò và mối quan hệ giữa chức năng điều hành với các chức năng quản trị khác; lịch sử hình thành và xu hướng phát triển của quản trị điều hành; năng suất trong quản trị điều hành; các quyết định chủ yếu của quản trị điều hành; các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự báo; tầm quan trọng của lý thuyết xếp hàng; các mô hình xếp hàng.	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Năng suất trong quản trị điều hành; các quyết định chủ yếu của quản trị điều hành; các nhân tố ảnh hưởng đến công tác dự báo; các phương pháp dự báo; các mô hình xếp hàng; các mô hình quản trị tồn kho.	30
Chuẩn hóa	Các phương pháp dự báo; giám sát và kiểm soát dự báo; thiết kế sản phẩm; hoạch định công suất; chiến lược hoạch định tổng hợp; các phương pháp hoạch định tổng hợp; phương pháp sắp xếp thứ tự ưu tiên các công việc; phương pháp phân công công việc; trình tự hoạch định nhu cầu nguyên vật liệu; phương pháp xác định kích cỡ lô hàng.	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị nhân lực mang tính chiến lược**
 - + Tiếng Anh: Strategic Human Resource Management
- Mã học phần: KTKD203
- Số tín chỉ: 03
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy: Trực tuyến
- Tỷ lệ đào tạo trực tuyến của học phần: 100%
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 0 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần

Học phần giới thiệu cho người học những kiến thức về các hoạt động quản trị nhân lực trong mối quan hệ giữa chúng với chiến lược của doanh nghiệp. Người học sẽ được giới thiệu những tiếp cận chiến lược trong tuyển dụng, quản lý sự thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động và gìn giữ nhân viên trong doanh nghiệp. Bên cạnh đó, người học cũng được cung cấp các kỹ năng xây

dựng chiến lược nguồn nhân lực, chiến lược thu hút và tuyển chọn nhân tài, chiến lược quản lý thực hiện công việc, chiến lược thù lao lao động và gìn giữ nhân viên.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT
CO1	Cung cấp cho người học kiến thức về bối cảnh của quản trị nhân lực chiến lược, các mô hình quản trị nhân lực chiến lược, vai trò chiến lược của bộ phận chuyên trách nguồn nhân lực	PLO1
CO2	Giới thiệu với người học quy trình xây dựng chiến lược nguồn nhân lực, các tiếp cận chiến lược trong quản trị nhân lực từ lập kế hoạch nguồn nhân lực chiến lược, thu hút và tuyển chọn nguồn nhân lực, quản lý thực hiện công việc, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực, thù lao lao động và quan hệ nhân viên.	PLO4
CO3	Tạo cơ hội thực hành kỹ năng làm việc độc lập, làm việc nhóm; thực hành kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo, kỹ năng phân tích tổng hợp và giải quyết vấn đề thông qua bài tập nhóm, bài tập tình huống về các vấn đề liên quan đến các chiến lược nguồn nhân lực thành phần	PLO5

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ	Trọng số CDR học phần
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hiểu và giải thích khái niệm quản trị nhân lực chiến lược, vai trò chiến lược của nguồn nhân lực, vai trò chiến lược của bộ phận chuyên trách nguồn nhân lực, mối liên hệ giữa các thực tiễn quản trị nhân lực với mục tiêu, chiến lược của doanh nghiệp; So sánh và phân biệt các mô hình quản trị nhân lực chiến lược; Phân tích môi trường của quản trị nhân lực chiến lược; Hiểu và giải thích quy trình xây dựng chiến lược nguồn nhân lực	3/6	20
	CLO2	Hiểu và giải thích cách thức lập kế hoạch nguồn nhân lực, tiếp cận chiến lược trong tuyển dụng nguồn nhân lực, tiếp cận chiến lược trong quản lý thực hiện công việc, tiếp cận chiến lược trong phát	2/6	20

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ	Trọng số CĐR học phần
		triển nguồn nhân lực, các thành phần của chiến lược thu lao động và tiếp cận chiến lược trong quan hệ nhân viên		
	CLO3	Phân tích được các nhân tố ảnh hưởng đến chiến lược và chính sách quản trị nguồn nhân lực trong tổ chức.	4/6	10
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO4	Đánh giá hiệu quả thực hiện từng chiến lược thành phần của chiến lược quản trị nhân lực và sự đóng góp của chúng vào chiến lược của doanh nghiệp	2/5	20
	CLO5	Áp dụng được các công cụ và kỹ thuật hiện đại để đánh giá hiệu quả công việc và đề xuất cải tiến trong quản trị nhân lực	3/5	10
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO6	Thể hiện kỹ năng làm việc độc lập và làm việc nhóm hiệu quả	2/5	10
	CLO7	Thể hiện kỹ năng thuyết trình, viết báo cáo về các vấn đề liên quan đến các thực tiễn quản trị nhân lực chiến lược thành phần Thể hiện kỹ năng phân tích, tổng hợp thông tin, giải quyết vấn đề liên quan đến các nội dung quản trị nhân lực chiến lược trong tổ chức cụ thể	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Quân (2022), *Quản trị nhân lực*, NXB Đại học kinh tế quốc dân;
2. Lưu Thị Minh Ngọc, Tạ Huy Hùng (2024), *Quản trị nguồn nhân lực*, NXB ĐHQGHN.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. TS. Mai Thanh Lan, PGS.TS Nguyễn Thị Minh Nhân (2016), *Quản trị nhân lực*, NXB Thống Kê.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần ^[15]

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần						
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7
1	Thuyết trình	x	x					
2	Diễn giải	x		x				
3	Học thực hành				x	x		
4	Học tình huống			x		x		x
5	Học nhóm				x		x	

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ NGUỒN NHÂN LỰC MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC	6	0	12	A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình Phương pháp diễn giải Phương pháp học theo tình huống	CLO1 CLO3 CLO5 CLO7	Phòng học trực tuyến
1.1. Khái quát về quản trị nhân sự và quản trị nguồn nhân lực 1.1.1. Quá trình phát triển của quản trị nhân sự và quản trị nguồn nhân lực 1.1.2. Quản trị nguồn nhân lực và quản trị nhân sự	2	0	6				
1.2. Khái niệm và tầm quan trọng của quản trị NNL 1.2.1. Khái niệm quản trị NNL 1.2.2. Tầm quan trọng của quản trị NNL 1.3. Nội dung quản trị NNL 1.3.1. Thu hút nhân lực 1.3.2. Phát triển nguồn	4	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
nhân lực 1.3.3. Duy trì nguồn nhân lực 1.4. Tiêu chí đánh giá quản trị NNL 1.4.1. Hiệu suất quản trị NNL 1.4.2. Kết quả quản trị NNL 1.4.3. Năng lực quản trị NNL							
CHƯƠNG 2. THU HÚT NGUỒN NHÂN LỰC MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC	9	0	18	A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình Phương pháp dạy học thực hành Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến
2.1. Hoạch định nguồn nhân lực mang tính chiến lược 2.1.1. Khái niệm và vai trò của hoạch định nguồn nhân lực 2.1.2. Quy trình hoạch định nguồn nhân lực 2.1.3. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạch định nhân lực	3	0	6				
2.2. Phân tích công việc. 2.2.1. Khái niệm và vai trò của phân tích công việc 2.2.2. Quy trình phân tích công việc 2.2.3. Các phương pháp phân tích công việc 2.1.4. Kết quả của phân tích công việc	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
2.3. Tuyển dụng NNL 2.3.1. Khái niệm và tầm quan trọng của Tuyển dụng 2.3.2. Chính sách và Quy trình tuyển dụng số 2.3.3. Tuyển mộ và Tuyển chọn 2.3.4. Đánh giá hiệu quả Tuyển dụng 2.3.5. Các xu hướng mới trong Tuyển dụng nhân lực	3	0	6				
CHƯƠNG 3. ĐÀO TẠO VÀ PHÁT TRIỂN NGUỒN NHÂN LỰC MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC	10	0	20	A1.2 A1.3 A1.4 A2	Phương pháp thuyết trình Phương pháp diễn giải Phương pháp dạy học thực hành Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến
3.1. Đào tạo NNL 3.1.1. Khái niệm và vai trò của đào tạo nguồn nhân lực 3.1.2. Phân loại và phương pháp đào tạo 3.1.3. Quy trình đào tạo 3.1.4. Tiêu chuẩn đánh giá hiệu quả đào tạo	5	0	10				
3.2. Phát triển nguồn nhân lực 3.2.1. Khái niệm và tầm quan trọng của phát triển NNL 3.2.2. Nội dung phát triển NNL 3.2.3. Các hoạt động phát	5	0	10				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
triển NNL 3.2.4. Các nhân tố ảnh hưởng đến phát triển NNL							
Bài tập nhóm	1	0	2	A1.3		CLO2, CLO5, CLO6	
CHƯƠNG 4. DUY TRÌ NGUỒN NHÂN LỰC MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC	10	0	20	A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình Phương pháp diễn giải Phương pháp học theo tình huống Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6 CLO7	Phòng học trực tuyến
4.1. Đánh giá thực hiện công việc mang tính chiến lược 4.1.1. Khái niệm và mục tiêu của đánh giá thực hiện công việc 4.1.2. Các tiêu chí và phương pháp đánh giá hiện đại	2	0	4				
4.2. Tạo động lực làm việc 4.2.1. Khái niệm động lực và tạo động lực làm việc 4.2.2. Các học thuyết về tạo động lực 4.2.3. Các biện pháp tạo động lực làm việc 4.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tạo động lực làm việc trong bối cảnh số 4.2.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến tạo động lực làm việc	3	0	6				
4.3. Gắn kết nhân viên 4.3.1. Khái niệm và tầm	5	0	10				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
quan trọng của gắn kết nhân viên 4.3.2. Các yếu tố cấu thành nên sự gắn kết nhân viên 4.3.3. Nội dung cải thiện sự gắn kết nhân viên. 4.4. Quan hệ Lao động 4.4.1. Khái niệm và vai trò quan hệ lao động 4.4.2. Đặc điểm và nguyên tắc của quan hệ lao động 4.4.3. Nội dung quan hệ lao động							
CHƯƠNG 5. CHIẾN LƯỢC NGUỒN NHÂN LỰC VÀ CÁC VẤN ĐỀ ĐẠO ĐỨC MANG TÍNH CHIẾN LƯỢC	8	0	16	A1.1 A1.2 A1.4 A2	Phương pháp thuyết trình Phương pháp diễn giải Phương pháp học nhóm Phương pháp dạy học thực hành	CLO1 CLO2 CLO3 CLO6	Phòng học trực tuyến
5.1. Chiến lược nguồn nhân lực trong tổ chức hiện đại 5.1.1. Khái niệm và đặc điểm của chiến lược nguồn nhân lực 5.1.2. Các loại chiến lược nguồn nhân lực 5.1.3. Chiến lược nguồn nhân lực trong bối cảnh kinh tế số	4	0	8				
5.2. Vấn đề đạo đức trong quản trị nguồn nhân lực 5.2.1. Khái niệm, vai trò	4	0	8				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
của đạo đức trong quản trị nguồn nhân lực 5.2.2. Những nguyên tắc đạo đức cơ bản trong quản trị nguồn nhân lực							
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO4 CLO5	
Cộng	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập; tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường;
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các nội dung bài học qua học liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tương tác, trao đổi bài học trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định;
- Tham dự đầy đủ các bài đánh giá và thi kết thúc học phần;
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	50	CLO1,4,5	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO6,7	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập nhóm	50	CLO2,5,6	15
		A1.4	Bài tập	50	CLO1,3,4,7	
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1,2,3,4,5	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 5:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm và quy trình về đào tạo, phát triển nhân sự, đánh giá hiệu quả công việc và các phương pháp đánh giá nhân lực.	10
Hiểu	Sự khác biệt giữa các phương pháp đào tạo, vai trò của đánh giá nhân lực	20
Áp dụng	Kế hoạch đào tạo, công cụ đánh giá nhân lực	25
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Hoạt động đào tạo, đánh giá hiệu quả công việc, các tiêu chí đánh giá nhân lực trong tổ chức cụ thể.	30
Chuẩn hóa	Quy trình đào tạo, bộ tiêu chí đánh giá công việc.	15
Tổng		100

A1.2 - Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập	Không xem video bài giảng, không hoàn	Không xem video bài giảng, không hoàn	Không xem video bài giảng, không	Xem video bài giảng, hoàn thành các bài	0,6

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
	thành bài tập quá 20%	thành bài tập 10-20%	hoàn thành bài tập 0-10%	tập đầy đủ trong suốt quá trình học	
Ý thức học tập	Không tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thường xuyên tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Tích cực tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Bài tập nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp;	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	được giao ở mức rất thấp	thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	đôi hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A1.4 - Bài tập được đánh giá trong quá trình học:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Hệ thống khái niệm về quản trị nhân lực, cơ cấu tổ chức, phương pháp trả lương, quy trình đào tạo	10
Hiểu	Đặc điểm các phương thức tuyển dụng, đào tạo, đánh giá kết quả làm việc trong môi trường số	10
Áp dụng	Bảng tính lương, kết quả phân tích công việc, biểu mẫu đánh giá hiệu quả làm việc	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Kế hoạch tuyển dụng cá nhân, kế hoạch đào tạo cho vị trí cụ thể, hệ thống theo dõi hiệu suất	30
Chuẩn hoá	Mẫu bảng đánh giá hiệu quả làm việc, quy chuẩn đánh giá nhân sự, định mức công việc trong doanh nghiệp	30
Tổng		100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Khái niệm quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế số; Các chức năng cơ bản của quản trị nguồn nhân lực: Tuyển dụng, đào tạo, phát triển, duy trì; Các yếu tố cơ bản ảnh hưởng đến quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế số.	10
Hiểu	Tác động của nền kinh tế số đối với chiến lược quản trị nguồn nhân lực; Các thay đổi trong công tác quản lý nhân lực với sự phát triển của công nghệ và nền kinh tế số.	10
Áp dụng	Các nội dung về tuyển dụng nhân sự, đánh giá hiệu quả công việc, phát triển và duy trì nguồn nhân lực	20

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Phân tích	Các nội dung về thu hút, đào tạo và phát triển, duy trì nguồn nhân lực; Chiến lược quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế số	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Kế hoạch tuyển dụng, đào tạo và phát triển nguồn nhân lực phù hợp với yêu cầu doanh nghiệp trong nền kinh tế số; Công cụ, phương pháp đánh giá hiệu quả công việc và cải tiến hệ thống quản trị nhân lực.	20
Chuẩn hoá	Quy trình quản trị nguồn nhân lực trong nền kinh tế số; Chiến lược quản trị nhân lực hiệu quả phù hợp với nền kinh tế số.	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề**
 - + Tiếng Anh: **Analytical Thinking and problem solving**
- Mã học phần: **KTKD205**
- Số tín chỉ: **02**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tuyến**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh.**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **30 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **60 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần

Học phần Tư duy phân tích và giải quyết vấn đề là học phần trong khối kiến thức cơ ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành Quản trị kinh doanh. Học phần nhằm trang bị cho học viên năng lực tư duy logic, tư duy phản biện, tư duy hệ thống và năng lực sáng tạo để nhận diện, phân tích và xử lý các vấn đề trong môi trường kinh doanh đầy biến động và phức tạp. Học viên sẽ được tiếp cận các công cụ và phương pháp như sơ đồ nguyên nhân – kết quả (Ishikawa), kỹ thuật 5 Whys, 6

chiếc mũ tư duy, sơ đồ tư duy (Mindmap), SCAMPER và phương pháp giải quyết vấn đề theo nhóm. Học phần kết hợp lý thuyết với các tình huống thực tiễn trong quản trị, khuyến khích học viên thảo luận, phản biện và trình bày các phương án ra quyết định phù hợp trong bối cảnh đa chiều.

Kết thúc học phần, học viên có thể phát hiện vấn đề, đề xuất hướng giải quyết, đánh giá giải pháp và phối hợp nhóm hiệu quả để xử lý các tình huống quản trị điển hình.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CĐR của CTĐT
CO1	Phân tích được bản chất, vai trò và mối liên hệ giữa tư duy phản biện, tư duy hệ thống và các mô hình ra quyết định trong quản trị.	PLO2
CO2	Vận dụng được các kỹ thuật như Fishbone, 5 Why, SCAMPER, Mindmap... để xác định nguyên nhân, phân tích dữ liệu và xây dựng phương án giải quyết tình huống trong quản trị.	PLO5
CO3	Hình thành tinh thần trách nhiệm, tư duy cởi mở, khả năng hợp tác và phản biện nhóm để đưa ra quyết định phù hợp trong môi trường kinh doanh.	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ	Trọng số CĐR học phần (%)
<i>CĐR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích được vai trò và sự liên hệ giữa các mô hình tư duy phản biện, tư duy hệ thống và mô hình ra quyết định trong quản trị.	4/6	20
	CLO2	Phân tích được các yếu tố tư duy và áp dụng vào tình huống cụ thể để đánh giá tính phù hợp của công cụ giải quyết vấn đề.	4/6	40
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Vận dụng các công cụ tư duy để xác định nguyên nhân và đề xuất phương án giải quyết tình huống trong môi trường không chắc chắn.	2/5	20
	CLO4	Vận dụng kỹ năng trình bày, thuyết trình và phản biện nhóm để làm rõ giải pháp lựa chọn.	2/5	10
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Cởi mở tiếp thu ý kiến, thể hiện trách nhiệm và sáng tạo trong thảo luận nhóm khi phân tích và đề xuất giải pháp.	2/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Tuấn (2020). *Phân tích dữ liệu với R*. NXB Tổng hợp TP HCM;

2. Thomas wedell – wedellsborg – Kỹ Năng Giải Quyết Vấn Đề, bd: Tô Bá Lâm & CS (2022). NXB Phụ nữ Việt Nam

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Phạm Minh Hạc (2013). *Triết lý giáo dục thế giới và Việt Nam*. NXB Chính trị Quốc gia – Sự thật;

2. Nguyễn Thị Mai (2018). *Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định*. NXB Lao động – Xã hội;

3. Lê Văn Hùng (2017). *Tư duy hệ thống trong quản lý*. NXB Khoa học và Kỹ thuật.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần ^[15]

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình – trình bày lý thuyết	x	x			
2	Diễn giải, minh họa, hỏi – đáp	x	x	x		
3	Thảo luận nhóm, phản biện kết quả			x	x	x
4	Học tập tình huống và tự học có hướng dẫn		x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TƯ DUY PHÂN TÍCH VÀ TƯ DUY PHẢN BIỆN	5	0	10				
1.1. Các khái niệm cơ bản và vai trò trong quản trị	2		4	A1.1 A1.2 A2	Thuyết trình + Diễn giải	CLO1 CLO2 CLO3	Phòng học trực tuyến
1.2. Tư duy phản biện: kỹ thuật, sai lầm thường gặp	3		6				
CHƯƠNG 2. CÔNG CỤ TƯ DUY GIẢI QUYẾT VẤN ĐỀ	6	0	12				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(7)	(6)	(7)	(8)
2.1. Brainstorming, SCAMPER, Fishbone, 5 Why	3	0	6	A1.1 A1.2 A2	Diễn giải + Thảo luận nhóm Tự học có hướng dẫn	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Phòng học trực tuyến
2.2. Mô hình PDCA, mô hình Kepner-Tregoe	3	0	6				
+ Kiểm tra	1		2	A1.1		CLO1 CLO2	Phòng học trực tuyến
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH VẤN ĐỀ VÀ RA QUYẾT ĐỊNH	6	0	12				Phòng học
3.1. Xác định nguyên nhân cốt lõi	2	0	4	A1.2 A1.3 A2	Diễn giải + Thảo luận nhóm	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	Phòng học trực tuyến
3.2. Phân tích và so sánh phương án	4	0	8				
CHƯƠNG 4. VẬN DỤNG GIẢI QUYẾT TÌNH HUỐNG	6	0	12				Phòng học trực tuyến
4.1. Tình huống kinh doanh thực tế	3	0	6	A1.2 A1.3 A2	Thuyết trình + Diễn giải Tình huống+ Thảo luận nhóm	CLO1 CLO2 CLO3	Phòng học trực tuyến
4.2. Trình bày và bảo vệ giải pháp nhóm	3	0	6			CLO4 CLO5	
CHƯƠNG 5. RÚT KINH NGHIỆM – ĐÁNH GIÁ SAU HÀNH ĐỘNG	5	0	10				Phòng học trực tuyến
5.1. Phản biện chéo – cải tiến tư duy và hành động	3	0	6	A1.2 A1.3 A2	Diễn giải + Thảo luận nhóm.	CLO2 CLO3 CLO4	Phòng học trực tuyến
5.2. Tổng kết và tự đánh giá quá trình học	2	0	5				
+ Bài tập nhóm	1		2	A1.3		CLO2 CLO3 CLO4	Phòng học trực tuyến
Tổng Cộng	30	0	60				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập; tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường.
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các nội dung bài học qua học liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tương tác, trao đổi bài học trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định.
- Tham dự đầy đủ các bài đánh giá và thi kết thúc học phần.
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1 CLO2	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập nhóm	100	CLO2 CLO3 CLO4	15
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 1,2:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày đúng các khái niệm: tư duy phân tích, phản biện, hệ thống; vai trò trong quản trị.	10
Hiểu	Phân biệt được các loại tư duy và các sai lầm thường gặp khi tư duy trong quản trị.	10
Áp dụng	Áp dụng được sơ đồ tư duy/mô hình 5 Why vào tình huống giả định.	20
Phân tích	Phân tích một tình huống thực tiễn để nhận diện nguyên nhân cốt lõi và đề xuất hướng giải quyết.	20
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Tái hiện mô hình Ishikawa hoặc SCAMPER theo mẫu, giải thích ý nghĩa từng phần.	20
Vận dụng	Sử dụng công cụ tư duy để trình bày ngắn gọn một tình huống thực tiễn và đề xuất hướng giải quyết.	20
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập 20-30%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập từ trên 10- 20%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập từ trên 0- 10%	Xem video bài giảng, hoàn thành các bài tập đầy đủ trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập	Hiếm khi tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thường xuyên tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Tích cực tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Bài tập nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 5:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; Có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; Có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2

A2 – Bài thi kết thúc học phần sau khi học xong học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Nhớ và trình bày được các khái niệm, nguyên lý tư duy phân tích – phản biện – hệ thống	10
Hiểu	Hiểu được vai trò của công cụ tư duy và mối liên hệ giữa các yếu tố trong quy trình giải quyết vấn đề	10
Áp dụng	Vận dụng công cụ (Mindmap, 5 Why, Ishikawa, SCAMPER...) vào tình huống giả định cụ thể	20
Phân tích	Phân tích nguyên nhân gốc rễ, nhận diện các yếu tố tác động đến	20

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
	quyết định quản trị	
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Sử dụng được công cụ theo đúng hướng dẫn/khuôn mẫu đã học và Trình bày theo đúng cấu trúc, ngôn ngữ và hình thức trình bày chuyên nghiệp	20
Vận dụng	Tự thiết kế, trình bày, phản biện và điều chỉnh sơ đồ tư duy cho phù hợp với tình huống cụ thể	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Kế toán cho nhà quản lý**
 - + Tiếng Anh: Accounting for managers
- Mã học phần: KTK201
- Số tín chỉ: 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng việt
- Hình thức giảng dạy: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 0 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Kế toán, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần

Học phần Kế toán cho nhà quản lý là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp những kiến thức về: Tổng quan về kế toán dành cho nhà quản trị, đạo đức của kế toán và phân tích báo cáo tài chính; Nội dung của các báo cáo tài chính và phân tích báo cáo tài chính; Dự toán sản xuất kinh doanh trong việc xây dựng các định mức chi phí sản xuất và lập các loại dự toán trong sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR của CTĐT
CO1	Cung cấp những kiến thức về kế toán cho các nhà quản lý, báo cáo tài chính, phân tích báo cáo tài chính và dự toán sản xuất kinh doanh	PLO3
CO2	- Hình thành kỹ năng đọc và phân tích báo cáo tài chính, dự toán báo cáo sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp - Hình thành kỹ năng vận dụng các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp	PLO5
CO3	- Nhận diện năng lực bản thân trong biến động của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai - Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc	PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CĐR học phần
<i>CĐR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hiểu được khái niệm, vai trò và nhiệm vụ của kế toán dành cho các nhà quản lý	2/6	20
	CLO2	Áp dụng được các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp	3/6	30
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Thực hiện đọc và phân tích báo cáo tài chính phục vụ cho chức năng kiểm soát và quản lý tài chính và kế toán của các nhà quản trị, nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp	2/5	10
	CLO4	Thực hiện lập dự toán sản xuất kinh doanh	2/5	10
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Thể hiện hiểu biết bản thân về công việc kế toán quản trị tại một doanh nghiệp cụ thể từ đó phân tích, đánh giá được về tình hình kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp	3/5	30
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Quang (2024), Giáo trình kế toán quản trị, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

2. Nguyễn Hoàn (2018), Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Xây dựng.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Phạm Văn Dược (2011), Bài tập Kế toán quản trị, Tp. Hồ Chí Minh: Tổng hợp Thành phố Hồ Chí Minh.

2. Phạm Văn Dược (2011), Giáo trình Kế toán quản trị, NXB Đ Lao động.

3. Phạm Văn Dược (2010) Kế toán quản trị - Phần I: Kế toán chi phí (Lý thuyết, Bài tập, Bài giải), NXB Đại học Công nghiệp TP. Hồ Chí Minh..

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình	x	x	x		
2	Câu hỏi gợi mở		x	x		
3	Tranh luận			x		x
4	Diễn giải		x	x	x	
5	Học nhóm		x	x		

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ KẾ TOÁN DÀNH CHO NHÀ QUẢN TRỊ	6	0	12				<i>(+)Trong trường: Phòng học</i>
1.1. Vai trò và nhiệm vụ của kế toán dành cho nhà quản trị 1.1.1. Khái niệm kế toán 1.1.2. Thông tin kế toán 1.1.3. Vai trò của kế toán trong việc thực hiện chức năng quản lý trong doanh nghiệp 1.1.4. Nhiệm vụ kế toán	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình	CLO1	
1.2. Nội dung cơ bản của kế toán dành cho nhà quản trị	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.4 A2			

1.3. Đạo đức nghề nghiệp của kế toán và phân tích báo cáo tài chính	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.4 A2			
CHƯƠNG 2. BÁO CÁO TÀI CHÍNH VÀ PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	16	0	32				
2.1. Khái niệm, mục tiêu và tổ chức phân tích báo cáo tài chính	6	0	12	A1.1 A1.2 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp câu hỏi gợi mở - Phương pháp diễn giải - Phương pháp tranh luận - Phương pháp học nhóm	CLO2 CLO3 CLO5	(+)Trong trường: Phòng học
2.2. Đọc hiểu và phân tích bảng cân đối kế toán	2	0	4				
2.3. Đọc hiểu và phân tích báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	2	0	4				
2.4. Đọc hiểu và phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ	2	0	4				
2.5. Đọc hiểu và phân tích thuyết minh báo cáo tài chính	2	0	4				
2.6. Nội dung phân tích dành cho nhà quản trị	2	0	4				
Bài kiểm tra tự luận	1	0	2	A1.1		CLO1; CLO3	
CHƯƠNG 3. DỰ TOÁN SẢN XUẤT KINH DOANH	20	0	40				
3.1. Hệ thống dự toán sản xuất kinh doanh ở doanh nghiệp	2	0	4	A1.2 A1.4 A2	- Phương pháp tranh luận - Phương pháp diễn giải	CLO4, CLO5	(+)Trong trường: Phòng học
3.2. Xây dựng định mức chi phí sản xuất kinh doanh	2	0	4				
3.3. Lập dự toán sản xuất kinh doanh 3.3.1. Dự toán bán hàng 3.3.2. Dự toán sản xuất 3.3.3. Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp 3.3.4. Dự toán chi phí nhân công trực tiếp 3.3.5. Dự toán chi phí sản xuất chung 3.3.6. Dự toán thành phẩm tồn kho cuối kỳ 3.3.7. Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp 3.3.8. Dự toán tiền 3.3.9. Dự toán báo cáo kết quả	12	0	24				

hoạt động kinh doanh							
3.4. Phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh							
3.4.1. Vai trò của phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh	4	0	8				
3.4.2. Phương pháp phân tích doanh thu, chi phí và kết quả kinh doanh							
Thảo luận nhóm	2	0	4	A1.3	- Phương pháp học nhóm - Phương pháp câu hỏi gợi mở - Phương pháp diễn giải	CLO2,4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra tự luận	80	CLO1,3	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Thảo luận nhóm	100	CLO2,4	15
		Tổng		100	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	-	CLO1,2,3,4	70

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra tự luận được đánh giá sau khi học xong chương 1,2:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm và nội dung cơ bản về kế toán cho các nhà quản lý	20
Hiểu	Vai trò và nhiệm vụ của kế toán trong quản trị doanh nghiệp; Nội dung và vai trò của từng loại báo cáo tài chính	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Bắt chước	Các thao tác sử dụng các công cụ nhằm thực hiện việc đọc và phân tích báo cáo tài chính	30
Vận dụng	Các công cụ của kế toán quản trị phục vụ cho chức năng kiểm soát và quản lý tài chính và kế toán của các nhà quản trị, nắm bắt được mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận để từ đó hiểu được tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến lợi nhuận doanh nghiệp	30
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập, tích cực	40

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	tập, thể hiện lập trường chính trị không đúng đắn và không phản bác các quan điểm sai trái.	tập, thỉnh thoảng thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	quá trình học tập, thường xuyên thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	

A1.3 - Thảo luận nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp với yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất thấp; không	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm tích cực có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	hoàn thành nhiệm vụ được giao		mức trung bình		góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm và nội dung cơ bản về kế toán cho các nhà quản lý	10
Hiểu	Vai trò và nhiệm vụ của kế toán trong quản trị doanh nghiệp; Nội dung và vai trò của từng loại báo cáo tài chính; Hệ thống các dự toán sản xuất kinh doanh	10
Áp dụng	Các công cụ của kế toán quản trị trong việc phân tích và kiểm soát chi phí, kết quả kinh doanh và báo cáo tài chính của doanh nghiệp; Lập được các dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp (Dự toán bán hàng; Dự toán sản xuất; Dự toán chi phí nguyên vật liệu trực tiếp, nhân công trực tiếp, chi phí sản xuất chung; Dự toán thành phẩm tồn kho cuối kỳ; Dự toán chi phí bán hàng và quản lý doanh nghiệp; Dự toán tiền; Dự toán báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh)	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Bắt chước	Các thao tác sử dụng các công cụ nhằm thực hiện việc đọc và phân tích báo cáo tài chính. Lập các dự toán sản xuất kinh doanh trong doanh nghiệp.	30
Vận dụng	- Ảnh hưởng của các yếu tố kế toán đến kết quả tài chính doanh nghiệp - Mối quan hệ giữa chi phí, sản lượng, lợi nhuận – từ đó đánh giá tầm quan trọng của các yếu tố tác động đến hiệu quả kinh doanh và ra quyết định quản lý - Đưa ra nhận định và đề xuất dự toán phù hợp với mục tiêu tài chính doanh nghiệp; đánh giá rủi ro và giải pháp trong quá trình lập dự toán	30
	Tổng	100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị rủi ro doanh nghiệp**
 - + Tiếng Anh: **Bussiness risk management**
- Mã học phần: **KTKD204**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Quản trị học**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần ^[8]

Học phần Quản trị rủi ro doanh nghiệp là học phần tự chọn thuộc khối kiến thức chuyên ngành của chương trình đào tạo. Học phần này cung cấp cho sinh viên những kiến thức, kỹ năng về quản trị rủi ro doanh nghiệp. Thông qua học phần sinh viên có cái nhìn khái quát về các loại rủi ro trong hoạt động kinh doanh mà doanh nghiệp có thể gặp phải và cách thức quản trị các loại rủi ro. Mặt khác học phần này còn trang bị cho sinh viên cách thức đo lường, chuyển đổi các rủi ro nhằm mục tiêu giúp doanh nghiệp có khả năng thích ứng, khống chế hoặc biến rủi ro thành cơ hội trong hoạt động kinh doanh của mình.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Có kiến thức cơ bản về các loại rủi ro trong môi trường kinh doanh, nhận dạng các rủi ro có thể xảy ra với một tổ chức, sử dụng các phương pháp đo lường rủi ro trên cơ sở đó đánh giá mức độ tác động của rủi ro đến hoạt động của tổ chức, xây dựng chương trình kiểm soát rủi ro thông qua các hoạt động quản trị (hoạch định, tổ chức, lãnh đạo, kiểm tra) sau khi đã nhận dạng được các rủi ro có khả năng xảy ra gắn với đó là những kế hoạch tài trợ cho rủi ro khi tổn thất xảy ra.	PLO3 PLO4
CO2	Có kỹ năng đề giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn quá trình thực hiện các công việc quản trị rủi ro. Phối hợp với các bộ phận có liên quan cũng như đề xuất các cấp có thẩm quyền trong việc đưa ra các giải pháp nhằm ngăn chặn chặn cũng như giảm thiểu rủi ro từ xa, ứng dụng khoa học công nghệ vào trong công việc phòng ngừa, dự báo rủi ro, đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển doanh nghiệp bền vững.	PLO5 PLO6
CO3	Có năng lực về chuyên môn, nghiệp vụ để có thể tự chủ được công việc được giao trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Tuân thủ các quy định của pháp luật, nội quy của doanh nghiệp, nâng cao trình độ và cập nhật kiến thức mới cả về thực tế và công nghệ trong việc phòng ngừa rủi ro, phát triển doanh nghiệp	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hệ thống hoá được khái niệm, nguyên tắc, nội dung, quy trình quản trị rủi ro từ đó phân loại được một số loại rủi ro chủ yếu mà doanh nghiệp hay gặp phải trong hoạt động kinh doanh hiện nay	4/6	20
	CLO2	Vận dụng kiến thức về nhận diện, phân tích và đo lường rủi ro để tổng hợp, đánh giá, và phân tích những rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	3/6	20

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Vận dụng nội dung lý thuyết vào giải quyết các bài tập tình huống. Liên hệ với thực tế quản trị rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	2/5	20
	CLO4	Nắm vững khoa học công nghệ vào trong công việc phòng ngừa, dự báo rủi ro, đưa ra các biện pháp nhằm cải tiến, nâng cao hiệu quả sản xuất kinh doanh và phát triển doanh nghiệp bền vững.	3/5	20
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Chia sẻ ý thức trách nhiệm và đạo đức xã hội trong lĩnh vực quản trị rủi ro tại các tổ chức nói riêng và cộng đồng nói chung.	3/5	10
	CLO6	Hỗ trợ thực hiện theo các quy định của pháp luật, nội quy của nơi học tập và làm việc.	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Phan Thị Thu Hà (2019), Quản trị rủi ro, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
2. Nguyễn Văn Tiến (2024), Quản trị rủi ro tài chính, NXB Tài Chính;
3. Bùi Văn Vân (2015), *Tài chính Doanh nghiệp*, NXB Tài chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Thị Hoài Lê (2020), *Nguyên lý quản trị rủi ro*, NXB Tài chính;
2. Phan Thị Thu Hà, Lê Thanh Tâm, Hoàng Đức Mạnh (2019), *Quản trị rủi ro*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
3. George E.Rejda (2000), *Principles of Risk management and Insurance*, NXB Thống kê.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x	x			
2	Diễn giải	x	x		x		

3	Câu hỏi gợi mở	x			x		
4	Học nhóm		x	x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ RỦI RO DOANH NGHIỆP	7	0	14				
1.1. Rủi ro và phân loại rủi ro 1.1.1. Khái niệm về rủi ro 1.1.2. Phân loại rủi ro	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình, diễn giải, câu hỏi gợi mở	CLO1 CLO2 CLO3	Trong trường : Phòng học
1.2. Quản trị rủi ro 1.2.1. Khái niệm và nguyên tắc quản trị rủi ro 1.2.2. Nội dung và quy trình quản trị rủi ro	2	0	4				
1.3 Các loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động của doanh nghiệp 1.3.1. Nhóm rủi ro từ môi trường kinh doanh 1.3.2. Nhóm rủi ro từ nội bộ doanh nghiệp	3	0	6				
CHƯƠNG 2. NHẬN DẠNG VÀ PHÂN TÍCH RỦI RO	8	0	16				
2.1. Một số khái niệm 2.1.1 Nhận dạng rủi ro 2.1.2 Nguồn rủi ro 2.1.3 Nhóm đối tượng rủi ro	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình, gợi mở, học nhóm	CLO1; CLO3; CLO5	Trong trường : Phòng học
2.2. Các phương pháp nhận diện rủi ro 2.2.1 Phương pháp chung: xây dựng bảng liệt kê 2.2.2 Một số phương pháp cụ thể	3	0	6				
2.3 Phân tích rủi ro 2.3.1 Khái niệm phân tích rủi ro 2.3.2 Nội dung phân tích rủi ro	3	0	6				
CHƯƠNG 3. ĐO LƯỜNG RỦI RO	6	0	12				
3.1. Một số khái niệm cơ bản 3.1.1 Khái niệm, mục tiêu đo lường rủi ro	3	0	6	A1.1 A1.2 A2	+Phương pháp thuyết trình, gợi	CLO1; CLO2; CLO3	Trong trường : Phòng

3.1.2 Các yếu tố cân đo lường					mở		học
3.2. Một số phương pháp đo lường rủi ro							
3.2.1 Phương pháp triển khai tồn thất							
3.2.2 Phương pháp dự báo dựa trên nguy cơ	3	0	6				
3.2.3 Lịch thanh toán khiếu nại bồi thường							
3.2.4 Ước lượng độ chính xác							
Bài tập nhóm	1	0	2	A1.3		CLO1,2,3	
CHƯƠNG 4: KIỂM SOÁT RỦI RO DOANH NGHIỆP	6	0	12				
4.1. Khái niệm và nguyên tắc kiểm soát rủi ro							
4.1.1 Khái niệm	2	0	4			CLO1; CLO2; CLO3; CLO6	
4.1.2 Nguyên tắc kiểm soát rủi ro							
4.2 Một số phương pháp kiểm soát rủi ro cơ bản							
4.2.1 Né tránh rủi ro				A1.1	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, học nhóm		Trong trường : Phòng học
4.2.2 Giảm thiểu rủi ro	4	0	8	A1.2			
4.2.3 Chấp nhận rủi ro				A2			
4.2.4 Phân tán và chia sẻ rủi ro							
4.2.5 Chuyển giao rủi ro							
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ RỦI RO THANH KHOẢN	8	0	16				
5.1 Quản trị thanh khoản doanh nghiệp							
5.1.1 Khái niệm và phân loại							
5.1.2 Đo lường thanh khoản doanh nghiệp	2	0	4				
5.1.3 Tỷ số rủi ro tài chính doanh nghiệp							
5.2 Quản trị danh mục đầu tư tài chính							
5.2.1. Chức năng và các công cụ đầu tư tài chính	3	0	6	A1.1	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, học nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO6	Trong trường : Phòng học
5.2.2. Các chiến lược kỳ hạn đầu tư				A1.2			
5.2.3. Các công cụ quản lý kỳ hạn				A2			
5.3 Quản trị thanh khoản ngân hàng							
5.3.1 Các khái niệm về quản trị thanh khoản ngân hàng	3	0	6				
5.3.2 Dấu hiệu và nguyên nhân rủi ro							

thanh khoản 5.3.3. Phương pháp đo lường rủi ro thanh khoản 5.3.4 Chiến lược quản lý thanh khoản với tài sản nợ							
CHƯƠNG 6: QUẢN TRỊ RỦI RO LÃI SUẤT VÀ TỶ GIÁ	8	0	16				
6.1. Quản trị rủi ro lãi suất 6.1.1. Lãi suất và rủi ro lãi suất 6.1.2. Nhận diện rủi ro lãi suất 6.1.3. Đo lường rủi ro lãi suất 6.1.4. Phòng ngừa rủi ro lãi suất	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, học nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO6	<i>Trong trường : Phòng học</i>
6.2. Quản trị rủi ro tỷ giá 6.2.1. Nhận diện rủi ro tỷ giá 6.2.2. Đo lường rủi ro tỷ giá 6.2.3. Giám sát rủi ro tỷ giá	4	0	8				
Bài kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1,2,3, 4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1,2,3,4	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5,6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập nhóm		CLO1,2,3	15
				100	-	

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1,2,3,4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Trọng số (%)
Kiến thức		40
Hiểu	Khái niệm, phân loại rủi ro, và nguyên tắc quản trị rủi ro. Một số loại rủi ro chủ yếu trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp. Sự tác động từ các yếu tố môi trường gây ra một số rủi ro cho doanh nghiệp	10
Vận dụng	Kiến thức về nhận diện, đo lường rủi ro để tổng hợp, đánh giá những rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	10
Phân tích	Khả năng xảy ra những rủi ro cũng như lo lường mức độ rủi ro trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	20
Kỹ năng		60
Vận dụng	Các phương pháp đo lường rủi ro, đo lường rủi ro trong doanh nghiệp	40
Chuẩn hóa	Cách tính toán rủi ro có thể xảy ra trong doanh nghiệp Chính xác mức độ rủi ro thông qua kết quả phân tích	20
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)		
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học		0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả;		0,4

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
	tập	góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	không vi phạm trong quá trình học tập	

A1.3 – Bài tập nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả;	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
					Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A2 - Bài thi tự luận cuối kỳ được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
	Kiến thức	40
Hiểu	Các khái niệm cơ bản trong quản trị rủi ro. Các nội dung chủ yếu trong quản trị rủi ro	10
Vận dụng	Tác động của các công cụ chuyển đổi rủi ro đến hoạt động quản trị của doanh nghiệp	10
Phân tích	Các biện pháp quản trị rủi ro, kiểm soát rủi ro, đo lường rủi ro trong hoạt động kinh doanh của doanh nghiệp	20
	Kỹ năng	60
Vận dụng	Các công cụ chuyển đổi rủi ro, các phương pháp kiểm soát rủi ro, đo lường rủi ro Cách tính toán rủi ro về lãi suất và tỷ	40
Chuẩn hóa	Kết quả rủi ro thông qua các con số được tính toán	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- | | | |
|---|--|---|
| - Tên học phần: | Tài chính cho nhà quản trị | |
| + Tiếng Việt: | Finance for Managers | |
| + Tiếng Anh: | KTKT201 | |
| - Mã học phần: | 3 | |
| - Số tín chỉ: | Tiếng việt | |
| - Ngôn ngữ giảng dạy: | Trực tiếp | |
| - Hình thức giảng dạy: | Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh | |
| - Đối tượng học: | | |
| - Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo: | | |
| + Kiến thức chung: | ☐ Bắt buộc | ☐ Tự chọn |
| + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: | ☐ Bắt buộc | ☒ Tự chọn |
| + Đề án tốt nghiệp: | ☐ | |
| - Học phần tiên quyết: | Không | |
| - Học phần học trước: | Không | |
| - Học phần song hành: | Không | |
| - Giờ học tập đối với các hoạt động: | | |
| + Lý thuyết: | 45 giờ | |
| + Thực hành: | 0 giờ | |
| + Tự học: | 90 giờ | |
| - Bộ môn phụ trách học phần: | Bộ môn Kiểm toán, Khoa Kinh tế. | |
| - Loại hình thực hành/ thực tập: | Không. | |

2. Mô tả học phần

Tài chính cho nhà quản trị là môn học tự chọn trong kiến thức cơ sở ngành, trang bị cho người học những kiến thức, mô hình, công cụ và kỹ năng để phân tích tình hình tài chính của doanh nghiệp; quản trị tài sản và nguồn vốn, xây dựng chính sách phân phối lợi nhuận. Trên cơ sở đó, vận dụng để đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; huy động và sử dụng nguồn vốn có hiệu quả; phân bổ vốn và ra các

quyết định đầu tư; đọc và hiểu các báo cáo tài chính và sử dụng thông tin tài chính trong quá trình ra quyết định.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Cung cấp những kiến thức về quản trị tài chính doanh nghiệp, các công cụ được sử dụng trong quản trị tài chính, phân tích báo cáo tài chính doanh nghiệp, quản trị tài sản ngắn hạn và dài hạn của doanh nghiệp, quản trị nguồn vốn của doanh nghiệp, chính sách phân phối lợi nhuận trong doanh nghiệp.	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4
CO2	- Có kỹ năng phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp. - Có kỹ năng vận dụng các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp. - Có kỹ năng đánh giá về rủi ro trong doanh nghiệp, cân đối các phương án tài chính để có chính sách phân phối lợi nhuận và đầu tư dài hạn trong tương lai. - Có khả năng phân tích đặc điểm, ưu nhược điểm của các nguồn vốn; phân tích cơ cấu tài sản.	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8
CO3	- Thực hiện theo các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức nơi đang học tập, làm việc - Có đạo đức, ý thức trách nhiệm trong công việc và đối với cộng đồng	PLO8 PLO9
CO4	- Có khả năng độc lập, tự chủ, chịu trách nhiệm trong công việc - Nhận diện năng lực bản thân trong biến động của bối cảnh nghề nghiệp, định hướng tương lai - Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc - Hình thành các ý tưởng khởi nghiệp phù hợp với năng lực bản thân	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hệ thống hoá những kiến thức về tài chính doanh nghiệp và quản trị tài chính doanh nghiệp	4/6	10
	CLO2	Vận dụng các công cụ sử dụng trong quản trị tài chính để phân tích các báo cáo tài chính, đánh giá hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định và hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư	3/6	10

Mục tiêu học phần	CĐR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CĐR học phần
	CLO3	Phân tích, đánh giá hoạt động huy động và phân bổ các nguồn vốn của doanh nghiệp; chính sách phân phối lợi nhuận và chi trả cổ tức của công ty	4/6	10
	CL04	Tổng hợp các kiến thức về quản trị tài chính doanh nghiệp, từ đó đưa ra các quyết định quản trị tài sản ngắn hạn, tài sản dài hạn và quản trị nguồn vốn một cách phù hợp và đúng đắn.	5/6	10
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO5	Thực hiện phân tích, đánh giá tình hình tài chính của doanh nghiệp; sử dụng các công cụ để đánh giá hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp và hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư. Từ đó, xây dựng các giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động đầu tư dài hạn của doanh nghiệp.	2/5	20
	CLO6	Nắm vững các phương án tài chính đề có chính sách phân phối lợi nhuận và đầu tư dài hạn trong tương lai; nắm vững đặc điểm, ưu nhược điểm của các nguồn vốn, cơ cấu tài sản và tổ chức huy động vốn hiệu quả.	3/5	20
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO7	Thực hành rèn luyện phẩm chất đạo đức, trách nhiệm công dân, ý thức tổ chức kỷ luật, ý thức nghề nghiệp và tinh thần hợp tác.	2/5	10
	CLO8	Tổ chức việc tự học, nghiên cứu, tích lũy kinh nghiệm để tiếp tục học cao hơn; đáp ứng được yêu cầu trong quá trình làm việc ở các tổ chức, yêu cầu tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác.	4/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hoàn (2013), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Lao động;
2. Bùi Văn Vân, Vũ Văn Ninh (2023), *Giáo trình Tài chính doanh nghiệp*, NXB Tài chính;
3. Nguyễn Ngọc Quang (2016), *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Tài chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Năng Phúc (2011), *Giáo trình Phân tích Báo cáo tài chính*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;

2. Phạm Quang Trung, Lê Thị Bích Ngọc (2020), *Giáo trình Quản trị tài chính doanh nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;

3. Nguyễn Trung Trực (2015), *Giáo trình Quản trị tài chính*, NXB Kinh tế TP HCM;

4. Luật doanh nghiệp, *Luật số 59/2010/QH14 ban hành ngày 17/06/2020*.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần							
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6	CLO7	CLO8
1	Thuyết trình	x	x	x	x				
2	Diễn giải	x	x	x	x				
3	Học nhóm		x	x	x	x	x	x	x
4	Dạy học thực hành		x	x	x	x	x		
5	Tranh luận		x	x	x	x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ TÀI CHÍNH CHO NHÀ QUẢN TRỊ	3	0	6				
1.1. Tài chính doanh nghiệp và các quyết định tài chính doanh nghiệp 1.1.1. Khái niệm tài chính doanh nghiệp 1.1.2. Các quyết định tài chính của doanh nghiệp	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO1, 4,5,7	Trong trường: Phòng học
1.2. Quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.1. Khái niệm quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.2. Vai trò của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.3. Nội dung của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.4. Giá trị doanh nghiệp và mục tiêu của quản trị tài chính doanh nghiệp 1.2.5. Những nhân tố chủ yếu ảnh hưởng tới quản trị tài chính doanh nghiệp	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.2.6. Bộ máy quản trị tài chính doanh nghiệp							
CHƯƠNG 2. CÁC CÔNG CỤ CHỦ YẾU TRONG QUẢN TRỊ TÀI CHÍNH DOANH NGHIỆP	6	0	12				
2.1. Giá trị thời gian của tiền 2.1.1. Lãi suất, lãi đơn và lãi kép 2.1.2. Giá trị thời gian của một khoản tiền 2.1.3. Giá trị thời gian của một chuỗi tiền 2.1.4. Xác định lãi suất 2.1.5. Mô hình dòng tiền chiết khấu	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO2, 4,5,8	Trong trường: Phòng học
2.2. Rủi ro và tỷ suất sinh lời 2.2.1. Khái niệm rủi ro và tỷ suất sinh lời 2.2.2. Đánh giá mức độ rủi ro 2.2.3. Mối quan hệ giữa rủi ro và tỷ suất sinh lời đòi hỏi	2	0	4				
2.3. Báo cáo tài chính doanh nghiệp 2.3.1 Bảng cân đối kế toán 2.3.2. Báo cáo kết quả kinh doanh 2.3.3. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ 2.3.4 Thuyết minh báo cáo tài chính	2	0	4				
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH BÁO CÁO TÀI CHÍNH	10	0	20				
3.1. Các phương pháp phân tích 3.1.1. Phương pháp so sánh 3.1.2. Phương pháp loại trừ 3.1.3. Phương pháp liên hệ cân đối 3.1.4. Phương pháp mô hình tài chính Dupont	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO2, 4,5,8	Trong trường: Phòng học
3.2. Phân tích báo cáo tài chính 3.2.1. Phân tích hoạt động đầu tư 3.2.2. Phân tích hoạt động tài trợ 3.2.3. Phân tích hoạt động sản xuất kinh doanh 3.2.4. Phân tích báo cáo lưu chuyển tiền tệ 3.2.5. Phân tích các tỷ số tài chính	8	0	16				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1 A1.2		CLO1, 2,5	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ TÀI SẢN NGẮN HẠN CỦA DOANH NGHIỆP	7	0	14				
4.1. Tài sản lưu động và vốn lưu động 4.1.1. Tài sản lưu động 4.1.2. Vốn lưu động	1	0	2	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO3, 4,5,8	<i>Trong trường: Phòng học</i>
4.2. Quản trị vốn lưu động 4.2.1. Xác định nhu cầu vốn lưu động 4.2.2. Quản trị vốn bằng tiền 4.2.3. Quản trị hàng tồn kho 4.2.4. Quản trị các khoản phải thu 4.2.5. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình quản lý, sử dụng vốn lưu động	6	0	12				
CHƯƠNG 5. QUẢN TRỊ TÀI SẢN DÀI HẠN CỦA DOANH NGHIỆP	8	0	16				
5.1. Quản trị tài sản cố định 5.1.1. Tài sản cố định và vốn cố định 5.1.2. Khấu hao tài sản cố định 5.1.3. Các chỉ tiêu đánh giá tình hình quản lý, sử dụng tài sản cố định và vốn cố định	2	0	4	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO3, 4,5,6,8	<i>Trong trường: Phòng học</i>
5.2. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp 5.2.1. Đầu tư dài hạn của doanh nghiệp và các loại dự án đầu tư dài hạn 5.2.2. Xác định dòng tiền của dự án đầu tư dài hạn 5.2.3. Các tiêu chuẩn quyết định lựa chọn dự án đầu tư dài hạn	6	0	12				
CHƯƠNG 6. QUẢN TRỊ NGUỒN VỐN CỦA DOANH NGHIỆP	5	0	10				
6.1. Khái quát chung về nguồn vốn của doanh nghiệp 6.1.1. Khái niệm nguồn vốn của doanh nghiệp 6.1.2. Phân loại nguồn vốn của doanh nghiệp	1	0	2	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp	CLO3, 4,5,6,8	<i>Trong trường: Phòng học</i>
6.2. Nguồn vốn ngắn hạn của doanh nghiệp 6.2.1. Nợ phải trả có tính chất chu kỳ 6.2.2. Nợ phải trả nhà cung cấp	1	0	2				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.2.3. Tín dụng ngân hàng					tranh luận		
6.3. Nguồn vốn dài hạn của doanh nghiệp							
6.3.1. Nguồn vốn bên trong của doanh nghiệp	1	0	2				
6.3.2. Nguồn vốn bên ngoài của doanh nghiệp							
6.4. Chi phí sử dụng vốn							
6.4.1. Khái niệm chi phí sử dụng vốn của doanh nghiệp							
6.4.2. Chi phí sử dụng vốn của các nguồn tài trợ	2	0	4				
6.4.3. Chi phí sử dụng vốn bình quân và chi phí sử dụng vốn cận biên							
CHƯƠNG 7. CHÍNH SÁCH PHÂN PHỐI LỢI NHUẬN CỦA DOANH NGHIỆP	4	0	8				
7.1. Lợi nhuận và phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp				A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp dạy học thực hành + Phương pháp tranh luận	CLO3, 4,6,8	Trong trường: Phòng học
7.1.1. Lợi nhuận của doanh nghiệp	2	0	4				
7.1.2. Phân phối lợi nhuận và các quỹ của doanh nghiệp							
7.2. Chính sách cổ tức của công ty cổ phần				A1.2 A1.3		CLO2, 3,4,5,6	
7.2.1. Cổ tức và chính sách cổ tức							
7.2.2. Các hình thức cổ tức của công ty cổ phần	2	0	4				
7.2.3. Các chính sách cổ tức của công ty cổ phần							
Kiểm tra	1	0	2	A1.2 A1.3			
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi trên lớp;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra 1	80	CLO1,2,5	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO7,8	
		Tổng			100	-
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra 2	80	CLO2,3,4,5,6	15
		Tổng			100	
	Tổng					
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	-	CLO1,2,3,4,5,6	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Kiến thức về tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp	20
Hiểu	Các công cụ chủ yếu trong quản trị tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp	20
Áp dụng	Các công cụ và phương pháp phân tích phù hợp trong phân tích tài chính doanh nghiệp	30
Phân tích	Tình hình tài chính doanh nghiệp	30
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập, thể hiện lập trường chính trị không đúng đắn và không phản bác các quan điểm sai trái.	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập, thỉnh thoảng thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập, thường xuyên thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập, tích cực thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	40

A1.3 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 7:

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Kiến thức về vốn lưu động, vốn cố định, các nguồn tài trợ vốn của doanh nghiệp	10
Hiểu	Hoạt động đầu tư dài hạn, ưu điểm, hạn chế của các nguồn tài trợ vốn, chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	10
Áp dụng	Cân đối các phương án tài chính để có chính sách phân phối lợi nhuận và đầu tư dài hạn trong tương lai	20
Phân tích	Hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định, hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư dài hạn	30
Đánh giá	Hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp, rủi ro trong doanh nghiệp	30
	Tổng	100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá^[22]	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Kiến thức về tài chính doanh nghiệp, quản trị tài chính doanh nghiệp; kiến thức về vốn lưu động, vốn cố định, các nguồn tài trợ vốn của doanh nghiệp	10
Hiểu	Các công cụ chủ yếu trong quản trị tài chính doanh nghiệp, các phương pháp phân tích tài chính doanh nghiệp; hoạt động đầu tư dài hạn, ưu điểm, hạn chế của các nguồn tài trợ vốn, chính sách phân phối lợi nhuận của doanh nghiệp	10
Áp dụng	Các công cụ và phương pháp phân tích phù hợp trong phân tích tài chính doanh nghiệp; cân đối các phương án tài chính để có chính sách phân phối lợi nhuận và đầu tư dài hạn trong tương lai	20
Phân tích	Tình hình tài chính doanh nghiệp; hiệu quả sử dụng vốn lưu động, vốn cố định, hiệu quả tài chính của các dự án đầu tư dài hạn	30
Đánh giá	Hoạt động huy động vốn, sử dụng vốn, hiệu quả hoạt động của doanh nghiệp; hiệu quả sử dụng vốn, sử dụng tài sản của doanh nghiệp, rủi ro trong doanh nghiệp	30
	Tổng	100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Mô hình kinh doanh điện tử**
 - + Tiếng Anh: **E-business model**
- Mã học phần ^[1]: **KTKD206**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy ^[2]: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: **Không**
- Học phần học trước ^[5]: **Không**
- Học phần song hành ^[6]: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **00 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần ^[8]

Mô hình kinh doanh điện tử cung cấp kiến thức toàn diện về cách các doanh nghiệp vận hành và tối ưu hóa hoạt động trong kỷ nguyên công nghệ. Học phần đi sâu vào các mô hình kinh doanh thương mại điện tử phổ biến, phân tích các yếu tố cốt lõi làm nên thành công, đồng thời chỉ ra những thách thức khi phân loại và triển khai mô hình.

Người tham gia sẽ được khám phá cách doanh nghiệp thích nghi với sự thay đổi và tận dụng lợi thế cạnh tranh trong thời đại thương mại điện tử. Đây là học phần lý tưởng để nắm bắt bức tranh tổng thể về cách thức kinh doanh hiện đại, từ đó xây dựng chiến lược phù hợp và bền vững.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT ^[10]
CO1	+ Phân tích các kiến thức của mô hình kinh doanh điện tử và áp dụng được các lý thuyết, mô hình, công cụ hiện đại trong kinh doanh điện tử + Lý giải được vấn đề an toàn, an ninh mạng trong kinh doanh điện tử	PLO2 PLO4
CO2	+ Nắm vững được các mô hình trong kinh doanh thương mại điện tử + Cân chỉnh được hoạt động e-marketing, an ninh mạng, ứng dụng khác trong kinh doanh điện tử	PLO5 PLO8
CO3	+ Đề xuất mô hình kinh doanh điện tử phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp + Kết hợp tinh thần tự học, tư duy phản biện và trách nhiệm trong phối hợp nhóm, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CDR học phần (%)
<i>Kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích các kiến thức của mô hình kinh doanh điện tử và áp dụng được các lý thuyết, mô hình, công cụ hiện đại trong kinh doanh điện tử	4/6	15
	CLO2	Lý giải được vấn đề an toàn, an ninh mạng trong kinh doanh điện tử	4/6	15
<i>Kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững được các mô hình trong kinh doanh thương mại điện tử	3/5	20
	CLO4	Cân chỉnh được hoạt động e-marketing, an ninh mạng, ứng dụng khác trong kinh doanh điện tử	3/5	20
<i>Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	+ Đề xuất mô hình kinh doanh điện tử phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp	3/5	15
	CLO6	+ Kết hợp tinh thần tự học, tư duy phản biện và trách nhiệm trong phối hợp nhóm, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng	4/5	15

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CDR học phần (%)
		tạo trong quá trình làm việc		
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
2. Phạm Thị Thanh Hồng (2016), *Thương mại điện tử*, NXB Bách khoa Hà Nội;
3. Nguyễn Việt Khôi (2020), *Thương mại điện tử*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Sở công thương Hải Phòng (2016), *Ứng dụng thương mại điện tử dành cho doanh nghiệp và người tiêu dùng*.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Phương pháp thuyết trình	x		x			
2	Phương pháp diễn giải		x				
3	Phương pháp học nhóm			x	x		x
4	Phương pháp tranh luận					x	x

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ KINH DOANH ĐIỆN TỬ	6	0	12	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1	Trong trường: Phòng học
1.1. Một số khái niệm trong kinh doanh điện tử 1.1.1. Khái niệm về thương mại điện tử	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1.2. Các khái niệm cơ bản trên internet 1.1.3. Đặc trưng của thương mại điện tử							
1.2. Lịch sử hình thành và phát triển của kinh doanh điện tử	1	0	2				
1.3. Lợi ích của kinh doanh điện tử 1.3.1. Doanh nghiệp 1.3.2. Người tiêu dùng 1.3.3. Xã hội	2	0	4				
1.4. Hạn chế của kinh doanh điện tử 1.4.1. Về mặt kỹ thuật 1.4.2. Về mặt thương mại	1	0	2				
CHƯƠNG 2. KINH DOANH ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ NGƯỜI TIÊU DÙNG (B2C)	10	0	20	A1.1 A1.2 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO5 CLO6	Trong trường: Phòng học
2.1. Thương mại điện tử B2C 2.1.1. Khái quát về kinh doanh điện tử B2C 2.1.2. Quy mô của kinh doanh điện tử B2C trên thế giới	2	0	4				
2.2. Mô hình kinh doanh điện tử B2C 2.2.1. Mô hình kinh doanh điện tử B2C từ phía khách hàng 2.2.2. Mô hình kinh doanh điện tử B2C từ phía công ty	2	0	4				
2.3. Các công cụ hỗ trợ khách hàng khi mua trực tuyến 2.3.1. Cổng mua hàng (shopping portal) 2.3.2. Robot mua hàng (shopbot) 2.3.3. Các trang web xếp hạng kinh doanh 2.1.4. Các trang web xác minh độ tin	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
cây 2.1.5. Các loại công cụ hỗ trợ khách hàng khác							
2.4. Dịch vụ khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng 2.4.1. Vai trò của dịch vụ khách hàng và quản trị quan hệ khách hàng 2.4.2. Các chức năng của dịch vụ khách hàng 2.4.3. Các công cụ cung cấp dịch vụ khách hàng	3	0	6				
CHƯƠNG 3. KINH DOANH ĐIỆN TỬ GIỮA DOANH NGHIỆP VÀ DOANH NGHIỆP (B2B)	8	0	16	A1.1 A1.2 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO5 CLO6	Trong trường: Phòng học
3.1. Khái niệm và đặc điểm kinh doanh điện tử B2B 3.1.1. Khái niệm 3.1.2. Đặc điểm 3.1.3. Đối tượng tham gia và các thông tin giao dịch	2	0	4				
3.2. Các phương thức kinh doanh điện tử B2B 3.2.1. Phương thức lấy công ty làm trung tâm 3.2.2. Kinh doanh điện tử trong doanh nghiệp 3.2.3. Kinh doanh điện tử giữa các doanh nghiệp 3.2.4. Trao đổi dữ liệu điện tử	3	0	6				
3.3. Xây dựng hệ thống kinh doanh điện tử của doanh nghiệp 3.3.1. Khởi đầu 3.3.2. Chuyển kế hoạch thành hành động 3.3.3. Giải pháp kinh doanh điện tử	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1	
CHƯƠNG 4. E-MARKETING	6	0	12				
4.1. Khái niệm, ưu nhược điểm của e-marketing 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Đặc điểm, sự khác biệt của marketing điện tử và marketing truyền thống	1	0	2	A1.2 A1.3	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO4 CLO5 CLO6	Trong trường: Phòng học
4.2. Một số hình thức e-marketing 4.2.1. website 4.2.2. Marketing trên mạng xã hội 4.2.3. Marketing trên diễn đàn 4.2.4. Video marketing 4.2.5. Email marketing 4.2.6. Marketing qua web, blog vệ tinh	5	0	10	A1.4 A2	+ Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận		
CHƯƠNG 5. CÁC VẤN ĐỀ AN TOÀN, AN NINH MẠNG TRONG KINH DOANH ĐIỆN TỬ	4	0	8				
5.1. An toàn trong kinh doanh điện tử 5.1.1. Những vấn đề đặt ra trong an toàn kinh doanh điện tử 5.1.2. Một số giải pháp công nghệ đảm bảo an toàn kinh doanh điện tử	2	0	4	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm	CLO2 CLO4 CLO6	Trong trường: Phòng học
5.2. Đạo đức và pháp luật trong kinh doanh điện tử 5.2.1. Sự gian lận trong kinh doanh điện tử 5.2.2. Khía cạnh đạo đức và pháp luật của kinh doanh điện tử	2	0	4		+ Phương pháp tranh luận		
CHƯƠNG 6. CÁC ỨNG DỤNG KHÁC CỦA KINH DOANH ĐIỆN TỬ	9	0	18	A1.2 A1.3 A1.4	+ Phương pháp thuyết trình	CLO3 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.1. Chính phủ điện tử 6.1.1. Khái niệm 6.1.2. Các mô hình chính phủ điện tử 6.1.3. Kiến trúc của chính phủ điện tử 6.1.4. Tính tất yếu của chính phủ điện tử	2	0	4	A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO6	học
6.2. Dịch vụ du lịch trực tuyến 6.2.1. Các loại dịch vụ 6.2.2. Tác động của kinh doanh điện tử đến ngành du lịch	2	0	4				
6.3. Dịch vụ việc làm trực tuyến 6.3.1. Những nhân tố thúc đẩy sự phát triển của thị trường việc làm trực tuyến 6.3.2. Thị trường việc làm trên internet	2	0	4				
6.4. Thương mại di động 6.4.1. Định nghĩa và đặc tính của thương mại di động 6.4.2. Các ứng dụng của thương mại di động 6.4.3. Hạn chế của thương mại di động	2	0	4				
6.5. Xuất bản trực tuyến	1	0	2				
Kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO2 CLO3	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1	70	CLO1	15
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra số 2	30	CLO2 CLO3	15
		A1.4	Bài thảo luận	40	CLO4 CLO5	
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
				100	-	
	Tổng					
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Nhớ được các kiến thức về kinh doanh điện tử	20
Hiểu	Hiểu được mô hình kinh doanh điện tử: B2B, B2C	20
Áp dụng	Áp dụng thực tế tại doanh nghiệp được mô hình kinh doanh điện tử: B2B, B2C	30
Phân tích	Phân tích được mô hình kinh doanh điện tử: B2B, B2C	30
Tổng		100

A1.2 - Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5 – 6,9 điểm)	Điểm B (7,0 – 8,4 điểm)	Điểm A (8,5 – 10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	40

A1.3 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 4,5,6:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Áp dụng	Vận dụng được vấn đề an toàn, an ninh mạng trong hoạt động kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp	23
Phân tích	Phân tích được hoạt động e-marketing trong kinh doanh điện tử mạng trong hoạt động kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp	20
Về kỹ năng		
Vận dụng	Thực hiện được hoạt động e-marketing trong kinh doanh điện tử	30
Chuẩn hóa	Nắm vững được các mô hình khác vào trong kinh doanh điện tử	27
Tổng		100

A1.4 - Bài thảo luận được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	10
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	30

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
		giải không rõ ràng				
Thuyết trình, bảo vệ bài thảo luận	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém	Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ	20
Phản biện báo cáo các nhóm khác	Tư duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Tư duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	10
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt	Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt	Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt	30

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	
Tổng						100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá Chưa sửa	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Hiểu	Các mô hình kinh doanh điện tử	12
Áp dụng	Lý thuyết, mô hình và các ứng dụng trong kinh doanh điện tử	19
Phân tích	Các vấn đề an toàn, an ninh mạng trong kinh doanh điện tử	15
Về kỹ năng		
Bắt chước	Hoạt động e-marketing trong kinh doanh điện tử	15
Vận dụng	Hoạt động đảm bảo an toàn trong kinh doanh điện tử	16
Chuẩn hóa	Các mô hình kinh doanh điện tử	23
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Kinh doanh điện tử**
 - + Tiếng Anh: **Electronic commerce**
- Mã học phần: **KTKD207**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần

Học phần này nhằm trang bị cho sinh viên kiến thức tổng quan về thương mại điện tử, một số mô hình thương mại điện tử cũng như cách thức giao dịch trong thương mại điện tử. Ngoài ra, học phần còn trang bị các kiến thức tổng quan về các vấn đề liên quan đến hoạt động thương mại điện tử như marketing điện tử, thanh toán điện tử và vấn đề an toàn trong giao dịch thương mại điện tử. Bên cạnh đó, những tình huống thực tế và bài tập thực hành từ thực tiễn kinh doanh của các doanh nghiệp thương mại điện tử cũng được đưa vào để giúp sinh viên vận dụng kiến thức đã học.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	+ Áp dụng được các kiến thức về vấn đề ứng dụng thương mại điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý và kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp. + Phân tích và đánh giá hiệu quả, tính khả thi của việc phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.	PLO2 PLO4
CO2	+ Thể hiện được kỹ năng phát hiện và phân tích được các vấn đề về thương mại điện tử và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề đó theo xu hướng chung của ngành, xu hướng trong nước và quốc tế + Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, tranh luận	PLO5 PLO8
CO3	+ Đề xuất các kế hoạch kinh doanh điện tử phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp + Liên kết các công cụ thương mại điện tử để thích nghi với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, hội nhập và toàn cầu hóa	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ	Trọng số CDR học phần
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Áp dụng được các kiến thức về vấn đề ứng dụng thương mại điện tử, công nghệ thông tin và truyền thông trong các hoạt động quản lý và kinh doanh của tổ chức và doanh nghiệp.	3/6	20
	CLO2	Phân tích và đánh giá hiệu quả, tính khả thi của việc phát triển hệ thống thông tin trong doanh nghiệp.	4/6	20
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Thể hiện được kỹ năng phát hiện và phân tích được các vấn đề về thương mại điện tử và trình bày được cách thức giải quyết vấn đề đó theo xu hướng chung của ngành, xu hướng trong nước và quốc tế.	3/5	15
	CLO4	Thể hiện được kỹ năng giao tiếp, thuyết trình, phản biện, tranh luận	3/5	15
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	+ Đề xuất các kế hoạch kinh doanh điện tử phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp	3/5	15
	CLO6	+ Liên kết các công cụ thương mại điện tử để thích nghi với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, hội nhập và toàn cầu hóa	4/5	15
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. TS Nguyễn Văn Hùng, TS Phan Quan Việt, (2019), *Giáo trình thương mại điện tử*, NXB Tài Chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. P.T Joseph (2009), *E-Commerce: An Indian Perspective (3rd edition)*, Fifteenth Printing;

2. Laudon (2014), *E-Commerce: Business, Technology, Society (10th edition)*, Pearson.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x	x		x	
2	Diễn giải	x	x		x		x
3	Tranh luận	x	x	x		x	
4	Học nhóm			x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THƯƠNG MẠI ĐIỆN TỬ	5	0	10				
1.1. Lịch sử hình thành và phát triển 1.1.1. Lịch sử phát triển thương mại điện tử 1.1.1.1 Trên thế giới 1.1.1.2 Tại Việt Nam	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO3 CLO6	Trong trường: Phòng học
1.2. Khái niệm thương mại điện tử	1	0	2				
1.3. Các mô hình TMĐT 1.3.1. Phân loại hình thức TMĐT theo đối tượng tham gia 1.3.2. Các mô hình sinh lợi nhuận	3	0	6				
CHƯƠNG 2. Phát triển TMĐT và các vấn đề liên quan	12	0	24				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
2.1 Chiến lược kinh doanh trong thời kì TMĐT 2.1.1 Phân tích ngành và cạnh tranh 2.1.2 Xây dựng chiến lược 2.1.3 Khung hoạt động TMĐT 2.1.4 Các thành phần tham gia vào TMĐT 2.1.5 Các cấp độ phát triển TMĐT 2.1.6 Lợi ích và hạn chế khi triển khai TMĐT	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO2 CLO3 CLO4 CLO6	Trong trường: Phòng học
2.2 Môi trường pháp lý	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	
2.3 Nghiên cứu thị trường	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình	CLO2 CLO4 CLO5	
2.4 Quảng bá trên mạng 2.4.1 Thu hút khách hàng đến với website của doanh nghiệp 2.4.2 Những nhân tố giúp việc bán hàng trên mạng có hiệu quả 2.4.3 Những dịch vụ có thể triển khai được trên mạng	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4 CLO5	
2.5 Bảo mật 2.5.1 Các nguy cơ về bảo mật trên mạng 2.5.2 Các phương thức bảo mật	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4 CLO5	
2.6 Vấn đề thanh toán qua mạng 2.6.1 Các định nghĩa về thẻ thanh toán 2.6.2 Thanh toán bằng thẻ 2.6.3 Thanh toán với tiền điện tử 2.6.4 Thanh toán với ví điện tử 2.6.5 Tiền ảo, tiền kỹ thuật số	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4 CLO5	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
CHƯƠNG 3. Công nghệ phát triển TMDT	8	0	16				
3.1 Quy trình xây dựng hệ thống TMDT	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp tranh luận + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO2 CLO3 CLO5	Trong trường: Phòng học
3.2 Các yêu cầu, hướng dẫn xây dựng TMDT	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm	CLO2 CLO4 CLO5 CLO6	
3.3 Công nghệ thiết kế Web 3.3.1 Ngôn ngữ HTML 3.3.2 Cascading style sheet - CSS 3.3.3 Kiến trúc ứng dụng web 3.3.4 Kỹ thuật lập trình ASP.NET với MS SQL Server	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	
3.3.5 Kỹ thuật lập trình PHP với MySQL	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO2 CLO3	
Chương 4. Một số công cụ hỗ trợ thiết kế website TMDT	6	0	12				Trong trường: Phòng học
4.1 Các công cụ hỗ trợ	2	0	4	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
4.2 WORDPRESS VÀ WOOCOMMERCE 4.2.1 Giới thiệu WordPress 4.2.2 Cài đặt WordPress 4.2.3 Quản trị website WordPress 4.2.4 Web bán hàng với WooCommerce	2	0	4	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO2 CLO4 CLO5	
4.3 OPENCART 4.3.1 Giới thiệu OpenCart 4.3.2 Cài đặt OpenCart 4.3.3 Quản trị website và bán hàng với OpenCart	2	0	4	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO2 CLO4 CLO5	
Chương 5: Quản trị quan hệ khách hàng điện tử	6	0	12				
5.1. Hệ thống quản trị khách hàng (CRM)	3	0	6	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp tranh luận	CLO2 CLO3 CLO5	Trong trường: Phòng học
5.2. Điểm tiếp xúc kinh doanh tiêu biểu	3	0	6	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO2 CLO3 CLO5	
Chương 6: Các vấn đề về pháp luật và đạo đức	6	0	12				Trong trường: Phòng học
6.1. Luật pháp trong Kinh doanh điện tử	3	0	6	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp thuyết trình	CLO2 CLO3 CLO4 CLO5	
6.2. Đạo đức trong kinh doanh điện tử	3	0	6	A1.3 A1.2 A.1. 4 A2	+ Phương pháp học nhóm	CLO3 CLO4 CLO5	
Kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO2 CLO3 CLO4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Cài đặt đầy đủ các phần mềm cần thiết cho học phần theo giảng viên hướng dẫn;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1	70	CLO1 CLO2 CLO3	15
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra số 2	30	CLO2 CLO3 CLO4	15
		A1.4	Bài thảo luận	40	CLO4 CLO5	
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
				100	-	
Tổng					30	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	70
Tổng					100	

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra số 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Hiểu	Các khái niệm, các mô hình và các chiến lược trong TMĐT	20
Áp dụng	Các mô hình, chiến lược và môi trường phát triển TMĐT	18
Phân tích	Những phương thức, chiến lược và phần mềm ứng dụng trong TMĐT hiện nay	35
Về kỹ năng		
Vận dụng	Các ý tưởng sáng tạo, các cách thức vận dụng các mô hình và công cụ TMĐT	17
Chuẩn hóa	Các chiến lược để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể	10
Tổng		100

A1.2 Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Điểm D Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5 – 6,9 điểm)	Điểm B (7,0 – 8,4 điểm)	Điểm A (8,5 – 10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	40

A1.3 - Bài kiểm tra số 2 được đánh giá sau khi học xong chương 4,5,6:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Hiểu	Các công cụ thiết kế, mô hình CRM và các vấn đề liên quan đến luật pháp và đạo đức trong TMĐT	15
Áp dụng	Những công cụ và ngôn ngữ thiết kế Website	15
Phân tích	Hệ thống CRM và ảnh hưởng của hệ thống luật pháp, đạo đức trên không gian mạng	10
Về kỹ năng		

Vận dụng	Các hoạt động ứng dụng công cụ thiết kế web trong quản trị quan hệ khách hàng, đảm bảo tuân thủ theo pháp luật và đạo đức kinh doanh trong TMDT	30
Chuẩn hóa	Áp dụng các công cụ để giải quyết những vấn đề trong hoạt động kinh doanh điện tử	30
Tổng		100

A1.4 – Bài thảo luận được đánh giá sau khi kết thúc học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	10
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	30
Thuyết trình, bảo vệ bài thảo luận	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, trình bày thoải mái có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc	20

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
				dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ	sảo, rất chặt chẽ	
Phản biện báo cáo các nhóm khác	Tư duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Tư duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Tư duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Tư duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	10
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	30

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá Chưa sửa	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Hiểu	Những kiến thức về Kinh doanh điện tử	19
Áp dụng	Các ý tưởng sáng tạo, các cách thức vận dụng các mô hình và công cụ thiết kế web phù hợp.	10
Phân tích	Quy trình thiết kế và hoạt động trên không gian mạng	28
Về kỹ năng		
Bắt chước	Các kiến thức về thương mại điện tử trong những tình huống cụ thể trong doanh nghiệp.	21
Vận dụng	Hoạt động kinh doanh trên nền tảng số	12

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá Chưa sửa	Tỷ trọng (%)
Chuẩn hóa	Kế hoạch kinh doanh điện tử phù hợp với doanh nghiệp	10
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị chuỗi cung ứng**
 - + Tiếng Anh: Supply Chain Management
- Mã học phần: KTLQ201
- Số tín chỉ: 03
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức giáo dục đại cương: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- + Khóa luận tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Quản trị học
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 00 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Logistics, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/thực tập: Không.

2. Mô tả học phần

Học phần này là học phần tự chọn trong khối kiến thức cơ sở ngành. Học phần gồm các nội dung cơ bản như: Khái niệm chuỗi cung ứng, quản trị chuỗi cung ứng, các xu hướng quản trị chuỗi cung ứng; vai trò, quyết định của mua hàng, quản trị mua hàng, tạo lập và quản lý mối quan hệ với nhà cung cấp; vai trò, đặc điểm của dự báo nhu cầu, phương pháp dự báo, chi phí dự trữ, các mô hình quản trị dự trữ; quản trị quan hệ khách hàng, các quyết định về vị trí toàn cầu; tích hợp quy trình chuỗi cung ứng, đo lường hiệu suất chuỗi cung ứng.

3. Mục tiêu học phần và mối quan hệ với CDR của CTĐT

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Cung cấp được những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, quản trị mua hàng trong chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu, quản trị dự trữ; Các vấn đề về phân phối trong quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự trữ, tích hợp chuỗi cung ứng	PLO2 PLO4
CO2	Hình thành được kỹ năng đưa ra thiết kế và lựa chọn mô hình quản trị chức năng phù hợp, các quyết định vận hành chuỗi cung ứng trong những thị trường đặc thù và loại hình doanh nghiệp khác nhau	PLO6 PLO7
CO3	Hình thành năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong quản trị chuỗi cung ứng; ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hiểu được những kiến thức cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng	2/6	20
	CLO2	Áp dụng được quản trị mua hàng trong chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu, quản trị dự trữ, các vấn đề về phân phối trong quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự trữ, tích hợp chuỗi cung ứng	3/6	20
	CLO3	Phân tích các vấn đề liên quan quản trị chuỗi cung ứng trên thực tế, mô hình quản trị chức năng phù hợp, các quyết định vận hành chuỗi cung ứng	4/6	20
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO4	Vận dụng được các kỹ năng đưa ra phương án thiết kế và lựa chọn mô hình quản trị chức năng phù hợp	2/5	20
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Phát triển năng lực tự định hướng và thích nghi với môi trường làm việc trong quản trị chuỗi cung ứng;	4/5	10
	CLO6	Có ý thức trách nhiệm với xã hội và tuân theo pháp luật, đổi mới và sáng tạo trong bối cảnh toàn cầu hoá và hội nhập kinh tế quốc tế.	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Micheal Hugos (2017), *Nguyên lý Quản trị chuỗi cung ứng*, dịch bởi Phan Đình Mạnh, NXB Thế giới;
2. Lê Công Hoa (2012), *Quản trị hậu cần*, Nhà xuất bản Đại học Kinh tế quốc dân;
3. An Thị Thanh Nhân, Nguyễn Văn Minh, Nguyễn Thông Thái (2018), *Quản trị logistics kinh doanh*, Nhà xuất bản Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Như Tiến (2011), *Vận tải và giao nhận trong ngoại thương*, Nhà xuất bản Khoa học và Kỹ thuật, Hà Nội;
2. Đoàn Thị Hồng Vân (2010), *Logistics, những vấn đề cơ bản*, Nhà xuất bản Lao Động Xã hội;
3. Lambert, Douglas M.; Stock, James R. and Ellram, Lisa M. (1998), *Fundamentals of logistics management*, McGraw Hill, United States of America.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x				
2	Diễn giải				x		x
3	Học theo tình huống		x	x	x		
4	Học nhóm			x		x	

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 1: LẬP KẾ HOẠCH CHUỖI CUNG ỨNG	6	0	12				
1.1. Các nguyên tắc cơ bản của lập kế hoạch chuỗi cung ứng	3	0	6	A1.1 A1.2 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn giải - Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
1.1.1. Khả năng nhìn xuyên suốt chuỗi cung ứng							
1.1.2. Sử dụng đồng thời các nguồn lực							
1.1.3. Tối ưu hoá nguồn lực							
1.2. Các nội dung của lập kế hoạch chuỗi cung ứng	3	0	6				
1.2.1. Lập kế hoạch nhu cầu khách hàng							
1.2.2. Lập kế hoạch vận hành							
1.2.3. Lập kế hoạch giao vận							
CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ	8	0	16	A1.1	- Phương pháp		Trong

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
MUA HÀNG TRONG CHUỖI CUNG ỨNG				A1.2 A1.4 A2	diễn giải - Phương pháp học nhóm	CLO3 CLO4	trường: Phòng học
2.1. Khái quát về mua hàng	3	0	6				
2.1.1. Vai trò của mua hàng							
2.1.2. Quyết định mua hàng							
2.2. Quản trị mua hàng	2,5	0	5				
2.2.1. Quy trình mua hàng							
2.2.2. Tổ chức mua hàng							
2.2.3. Mua hàng quốc tế							
2.3. Tạo lập và quản lý mối quan hệ với nhà cung cấp	2,5	0	5				
2.3.1. Lựa chọn nhà cung cấp							
2.3.2. Phát triển mối quan hệ với nhà cung cấp							
2.3.3. Đánh giá nhà cung cấp							
CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ KHO BÃI TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	8	0	16				
3.1. Chiến lược kho bãi	1	0	2				
3.1.1. Các lợi ích kinh tế của kho hàng				A1.1 A1.2 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO6	Trong trường: Phòng học
3.1.2. Lợi ích dịch vụ							
3.2. Các quyết định kho hàng	7	0	14				
3.2.1. Lựa chọn và thiết kế kho							
3.2.2. Kế hoạch mở rộng kho và xử lý hàng hóa trong kho							
Kiểm tra	1	0	2	A1.2		CLO1,2,3,4	
CHƯƠNG 4: QUẢN TRỊ DỰ TRỮ	8	0	16				
4.1. Khái niệm và phân loại của dự trữ	1	0	2				
4.1.1. Khái niệm và vai trò của dự trữ							
4.1.2. Phân loại dự trữ							
4.2. Chi phí dự trữ	1	0	2	A1.2 A1.3 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp học tình huống	CLO1 CLO3 CLO2	Trong trường: Phòng học
4.3. Các mô hình quản trị dự trữ	6	0	12				
4.3.1. Mô hình mức đặt hàng tối ưu							
4.3.2. Mô hình mức đặt hàng theo sản xuất							
4.3.3. Mô hình khấu trừ theo số lượng							
CHƯƠNG 5: PHÂN PHỐI TRONG QUẢN TRỊ CHUỖI CUNG ỨNG	7	0	14				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
5.1. Quản trị quan hệ khách hàng	4	0	8	A1.2 A1.3 A1.4 A2	- Phương pháp thuyết trình - Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO2 CLO6	Trong trường: Phòng học
5.1.1. Vai trò của quản trị quan hệ khách hàng							
5.1.2. Các công cụ quản trị quan hệ khách hàng							
5.1.3. Thiết kế và triển khai chương trình quản trị quan hệ khách hàng							
5.2. Các quyết định về vị trí toàn cầu	3	0	6				
5.2.1. Chiến lược vị trí toàn cầu							
5.2.2. Phương pháp lựa chọn vị trí							
CHƯƠNG 6: ĐÓNG GÓI VÀ XẾP DỠ HÀNG HOÁ TRONG CHUỖI CUNG ỨNG	6	0	12				
6.1. Đóng gói hàng hoá	3	0	6	A1.2 A1.3 A1.4 A2	- Phương pháp diễn giải - Phương pháp học theo tình huống	CLO2 CLO4 CLO6	Trong trường: Phòng học
6.1.1. Cách hình thức đóng gói							
6.1.2. Yêu cầu đối với việc đóng gói hàng hoá							
6.2. Các yếu tố ảnh hưởng đến hoạt động đóng gói	3	0	6				
6.2.1. Thiết kế							
6.2.2. Đơn vị vận chuyển tiêu chuẩn							
Kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO1,2,3,4	
Cộng	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Cài đặt đầy đủ các phần mềm cần thiết cho học phần theo giảng viên hướng dẫn;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Chuyên cần	50	CLO5	15
		A1.2	Bài kiểm tra 1	50	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra 2	100	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	15
		Tổng		100	-	30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	-	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi kết thúc học phần

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Y thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.2 – Bài tập kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức:</i>		
Hiểu	Các vấn đề cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng	30
Áp dụng	Quản trị mua hàng và dự báo nhu cầu trong chuỗi cung ứng	30
Phân tích	Mối quan hệ với nhà cung cấp, phương pháp dự báo nhu cầu	10
<i>Về Kỹ năng:</i>		
Vận dụng	Các vấn đề liên quan quản trị chuỗi cung ứng trên thực tế	15
Chuẩn hóa	Các phương pháp và kỹ thuật thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu trong giải quyết các vấn đề thực tiễn	15
Tổng		100

A1.3 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức:</i>		
Hiểu	Quản trị dự trữ, phân phối trong quản trị chuỗi cung ứng, tích hợp chuỗi cung ứng	30
Áp dụng	Kiến thức về quản trị dự trữ, phân phối, tích hợp trong các doanh nghiệp	30
Phân tích	Các hoạt động quản trị chủ yếu trong quản trị chuỗi cung ứng	10
<i>Về kỹ năng:</i>		
Vận dụng	Các vấn đề liên quan quản trị dự trữ, quản trị phân phối và tích hợp	15
Chuẩn hóa	Các phương pháp và kỹ thuật thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu trong giải quyết các vấn đề thực tiễn	15
Tổng		100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức:</i>		
Hiểu	Các vấn đề cơ bản về quản trị chuỗi cung ứng, kiến thức cơ bản về quản trị mua hàng trong chuỗi cung ứng, dự báo nhu cầu, quản trị dự trữ trong doanh nghiệp	30
Áp	Các vấn đề về phân phối trong quản trị chuỗi cung ứng, quản trị dự trữ,	20

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
dụng	tích hợp chuỗi cung ứng	
Phân tích	Các vấn đề về quản trị chuỗi cung ứng tại đơn vị cụ thể	20
<i>Về kỹ năng:</i>		
Vận dụng	Các vấn đề liên quan quản trị chuỗi cung ứng trên thực tế	15
Chuẩn hóa	Các phương pháp và kỹ thuật thu thập, phân tích và đánh giá dữ liệu trong giải quyết các vấn đề thực tiễn	15
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị chất lượng nâng cao**
 - + Tiếng Anh: **Advanced Quality Management**
- Mã học phần ^[1]: **KTKD208**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tuyến**
- Tỷ lệ đào tạo trực tuyến của học phần: **100%**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **00 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần ^[8]

Học phần quản trị chất lượng nâng cao là học phần thuộc khối kiến thức chuyên ngành, hướng chuyên sâu quản trị kinh doanh tổng hợp trong chương trình đào tạo. Học phần quản trị chất lượng bao gồm các nội dung sau: Tổng quan về sản phẩm, chất lượng và quản lý chất lượng, Chi phí chất lượng, Các công cụ quản lý chất lượng, thống kê trong quản lý chất lượng, Kiểm tra chất lượng, Đảm bảo và cải tiến chất lượng, Văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	- Hệ thống hóa được các kiến thức căn bản về quản trị chất lượng như: Các kiến thức tổng quát về chất lượng và quản lý chất lượng sản phẩm. Phân biệt và áp dụng các phương pháp quản lý chất lượng; Chi phí chất lượng; Các kỹ thuật và công cụ quản lý chất lượng; - Tổng hợp được kiến thức thực tiễn và lý thuyết sâu rộng, tiên tiến về các hệ thống quản lý chất lượng theo tiêu chuẩn; Phương pháp quản lý chất lượng toàn diện – TQM; mô hình văn hóa chất lượng; đảm bảo và cải tiến chất lượng để đưa ra các quyết định đúng đắn trong lĩnh vực quản trị chất lượng.	PLO1 PLO4
CO2	- Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn như phân tích các vấn đề chất lượng, nguyên nhân và đưa ra cách thức giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh doanh. - Thực hiện thành thạo các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, khai thác, phân tích dữ liệu để sử dụng các công cụ thống kê, biểu đồ, mô hình, quy trình đảm bảo, tính chi phí chất lượng và quản lý chất lượng để cải tiến chất lượng trong hoạt động quản trị chất lượng của doanh nghiệp.	PLO7
CO3	- Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, xây dựng phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn quản trị chất lượng, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc. - Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	PLO9; PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần [11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần [11]	Mức độ [12]	Trọng số CDR học phần [13]
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hệ thống hóa các kiến thức: sản phẩm, tính hữu dụng và thuộc tính của sản phẩm; các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm và chỉ tiêu đánh giá chất lượng sản phẩm; các công cụ thống kê và phi thống kê trong quản lý chất lượng; hệ thống TQM và ISO.	4/6	25
	CLO2	Phân tích các thức kiểm tra, trình tự và nội dung của kiểm tra chất lượng; các nội dung của đảm bảo và cải tiến chất lượng trong doanh nghiệp; tạo lập và phát triển mô hình văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp.	4/6	20
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững các vấn đề liên quan đến sử dụng các công cụ thống kê, biểu đồ, mô hình, công cụ thống kê, quy trình đảm bảo và cải tiến để đưa ra	3/5	20

Mục tiêu học phần	CĐR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CĐR học phần ^[13]
		kết luận trong hoạt động quản lý chất lượng.		
	CLO4	Giải quyết các vấn đề về quản trị chất lượng như chi phí chất lượng, các phương pháp quản lý chất lượng, đưa ra các biện pháp quản lý chất lượng trong hoàn cảnh thực tế của doanh nghiệp.	4/5	20
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, xây dựng phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn quản trị chất lượng, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	3/5	7,5
	CLO6	- Kết hợp khả năng tự học, tự cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	3/5	7,5
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Đỗ Thị Đông (2022), *Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
2. TS. Đinh Bá Hùng Anh (2017), *Quản trị chất lượng toàn diện TQM & nhóm chất lượng*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
3. Nguyễn Văn Chiên (2014), *Quản lý chất lượng sản xuất ở Việt Nam*, NXB Khoa học và Kỹ Thuật.

5.2. Tài liệu tham khảo

1. Nguyễn Kim Định (2008), *Quản trị chất lượng*, NXB Đại học Quốc gia Tp Hồ Chí Minh;
2. Tạ Thị Kiều An (2004), *Quản trị chất lượng trong các tổ chức*, NXB Thống kê.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x				
2	Phát vấn		x	x	x		
3	Thảo luận			x	x	x	x
4	Làm việc nhóm			x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 1. CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM VÀ VAI TRÒ CỦA CHẤT LƯỢNG SẢN PHẨM	6	0	12	A1.1; A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp thảo luận	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
1.1. Sản phẩm 1.1.1. Khái niệm sản phẩm 1.1.2. Sản phẩm mới 1.1.3. Tính hữu dụng của sản phẩm 1.1.4. Các thuộc tính của sản phẩm	2	0	4				
1.2. Chất lượng sản phẩm 1.2.1. Sự phát triển của các quan niệm về chất lượng 1.2.2. Khái niệm chất lượng của Tổ chức quốc tế về Tiêu chuẩn hóa 1.2.3. Các yếu tố phản ánh chất lượng sản phẩm 1.2.4. Đặc điểm của chất lượng và những yêu cầu đặt ra trong quản lý chất lượng 1.2.5. Tầm quan trọng của chất lượng sản phẩm	2	0	4				
1.3. Phân loại chất lượng sản phẩm 1.3.1 Căn cứ vào mục tiêu cần đạt được 1.3.2. Căn cứ vào quy định hiện có 1.3.3. Căn cứ vào giá trị hướng tới 1.3.4. Căn cứ vào thành phần cấu thành	1	0	2				
1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm 1.4.1. Các yếu tố thuộc môi trường bên ngoài 1.4.2. Các yếu tố thuộc nội bộ doanh nghiệp	1	0	2				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 2: QUẢN TRỊ CHẤT LƯỢNG	4	0	8				
2.1. Bản chất của quản trị và quản trị chất lượng 2.1.1. Bản chất của quản trị 2.1.2. Bản chất của quản trị chất lượng	1	0	2	A1.1; A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn + Phương pháp thảo luận + Phương pháp làm việc nhóm	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
2.2. Quá trình phát triển của quản trị chất lượng 2.3. Vai trò của quản trị chất lượng	1	0	2				
2.4. Các nguyên tắc quản trị chất lượng 2.4.1. Hướng vào khách hàng 2.4.2. Sự lãnh đạo 2.4.3. Sự tham gia của mọi người 2.4.4. Tiếp cận theo quá trình 2.4.5. Cải tiến 2.4.6. Quyết định dựa trên bằng chứng 2.4.7. Quản lý mối quan hệ	1	0	2				
2.5. Các chức năng của quản trị chất lượng 2.5.1. Chức năng hoạch định 2.5.2. Chức năng tổ chức 2.5.3. Chức năng kiểm tra, kiểm soát 2.5.4. Chức năng kích thích 2.5.5. Chức năng điều chỉnh, điều hòa, phối hợp	1	0	2				
CHƯƠNG 3: CHI PHÍ CHẤT LƯỢNG	5	0	10				
3.1. Sự ra đời và bản chất của chi phí chất lượng 3.1.1. Sự ra đời của chi phí chất lượng 3.1.2. Bản chất chi phí chất lượng	1	0	2	A1.1; A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn + Phương pháp thảo luận	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
3.2. Mô hình chi phí chất lượng 3.2.1. Mô hình chi phí chất	1	0	2				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
lượng truyền thống 3.2.2. Mô hình chi phí chất lượng hiện đại					+ Phương pháp làm việc nhóm		
3.3. Tính hiệu quả của chi phí chất lượng 3.3.1. Chi phí chất lượng và kết cấu của chi phí chất lượng 3.3.2. Chi phí chất lượng và khả năng đáp ứng mong muốn của khách hàng 3.3.3. Tính hiệu quả của chi phí chất lượng	2	0	4				
3.4. Quản lý chi phí chất lượng 3.4.1. Mục tiêu của quản lý chi phí chất lượng 3.4.2. Quản lý chi phí chất lượng trong các tổ chức	1	0	2				
CHƯƠNG 4. CÁC CÔNG CỤ QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	10	0	20	A1.1; A1.2; A2		CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
4.1 Các công cụ thống kê cơ bản 4.1.1 (Phiếu kiểm tra (Check Sheet) 4.1.2 Lưu đồ (Flow Chart) 4.1.3. Biểu đồ nhân quả (Cause – Effect Chart) 4.1.4. Biểu đồ Pareto (Pareto Chart) 4.1.5. Biểu đồ tán xạ (Scatter Chart) 4.1.6. Biểu đồ kiểm soát (Control Chart) 4.1.7. Biểu đồ mật độ phân bố (Histogram)	6	0	12				
4.2 Các công cụ phi thống kê 4.2.1 Phương pháp động não (Brainstorming) 4.2.2 Phương pháp so sánh	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
đôi chuẩn (Benchmarking) 4.2.3 Ma-trận đánh giá tác động sai hỏng (FMEA) 4.2.4 Chương trình 5S							
4.3. Các công cụ mới	1	0	2				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO3	
CHƯƠNG 5. HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG	4	0	8	A1.2; A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn + Phương pháp thảo luận	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
5.1. Hệ thống quản lý chất lượng toàn diện TQM (Total Quality Management) 5.1.1 Khái niệm 5.1.2. Các đặc điểm cơ bản 5.1.3 Triết lý TQM	1	0	2				
5.2. Hệ thống quản lý chất lượng ISO 9000 5.2.1. Khái niệm 5.2.2. Triết lý cơ bản của ISO 9000 5.2.3. Mục đích áp dụng ISO 9000 5.2.4. Các lợi ích từ ISO 9000	2	0	4				
5.3. Một số hệ thống quản lý chất lượng khác	1	0	2				
CHƯƠNG 6. KIỂM TRA CHẤT LƯỢNG	5	0	10	A1.3; A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn + Phương pháp thảo luận	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5;	Phòng học trực tuyến
6.1. Kiểm tra chất lượng và vai trò của kiểm tra chất lượng 6.1.1. Khái niệm kiểm tra chất lượng 6.1.2. Mục tiêu, ý nghĩa của kiểm tra chất lượng	2	0	4				
6.2. Tổ chức kiểm tra chất lượng 6.2.1. Các hình thức kiểm tra chất lượng 6.2.2. Trình tự các bước kiểm tra chất lượng 6.2.3. Nội dung của tổ chức kiểm tra chất lượng	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 7. ĐẢM BẢO VÀ CẢI TIẾN CHẤT LƯỢNG	6	0	12	A1.3 A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4	Phòng học trực tuyến
7.1. Đảm bảo chất lượng 7.1.1. Ý nghĩa của đảm bảo chất lượng 7.1.2. Nguyên tắc và chức năng của đảm bảo chất lượng	2	0	4				
7.2. Cải tiến chất lượng 7.2.1. Bản chất và vai trò của cải tiến chất lượng 7.2.2. Một số công cụ của cải tiến chất lượng	4	0	8				
CHƯƠNG 8. VĂN HÓA CHẤT LƯỢNG TRONG DOANH NGHIỆP	3	0	6	A1.3; A1.2; A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp phát vấn + Phương pháp thảo luận	CLO1; CLO2; CLO3; CLO4; CLO5	Phòng học trực tuyến
8.1. Khái niệm văn hóa chất lượng	1	0	2				
8.2. Mô hình văn hóa chất lượng	1	0	2				
8.3. Tạo lập và phát triển văn hóa chất lượng trong doanh nghiệp	1	0	2				
Thuyết trình	1	0	2		CLO2,3,4,5		
Cộng	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập; tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường;
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các nội dung bài học qua học liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tương tác, trao đổi bài học trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định;
- Tham dự đầy đủ các bài đánh giá và thi kết thúc học phần;
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	50	CLO 1,3	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO 6	
		Tổng		100%	-	
	Điểm số 2	A1.3	Thuyết trình	100	CLO 2,3,4,5	15
		Tổng		100%	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: (Tự luận)	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO 1,2,3,4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 1, 2, 3,4

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Hiểu	Khái niệm, vai trò, ý nghĩa của chất lượng sản phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm	20
Áp dụng	Thuộc tính của sản phẩm, đặc điểm cơ bản của chất lượng sản phẩm, chức năng cơ bản của quản lý chất lượng sản phẩm, một số chỉ tiêu chất lượng đặc trưng	10
Phân tích	Liên hệ thực tế các công cụ thống kê trong quản lý chất lượng với hoạt động quản trị chất lượng trong quản trị doanh nghiệp.	10
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Khái niệm, vai trò, ý nghĩa của chất lượng sản phẩm, quản lý chất lượng sản phẩm	20
Chuẩn hóa	Thuộc tính của sản phẩm, đặc điểm cơ bản của chất lượng sản phẩm, chức năng cơ bản của quản lý chất lượng sản phẩm, một số chỉ tiêu chất lượng đặc trưng	20

Thành thạo	Công cụ thống kê trong quản lý chất lượng với hoạt động quản trị chất lượng trong quản trị doanh nghiệp.	20
Tổng		100

A1.2 – Chuyên cần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập quá 20%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập 10-20%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập 0-10%	Xem video bài giảng, hoàn thành các bài tập đầy đủ trong suốt quá trình học	0,6
Y thức học tập	Không tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thường xuyên tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Tích cực tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Thuyết trình nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 5, 6,7,8:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Trình bày Slide Hoặc Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện sơ sài, rất nhiều nội dung luận	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng <i>Hoặc</i> Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ	0,5

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
		giải chưa chặt chẽ	giải chưa chặt chẽ	<i>Hoặc</i> Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ		
Thuyết trình, bảo vệ Hoặc Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thình thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	0,3
Mức độ	Mức độ	Mức độ	Mức độ tham	Mức độ tham	Mức độ tham	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
tham gia	tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3,4,5,6,7,8

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Khái niệm cơ bản về quản trị chất lượng	10
Hiểu	Một số nguyên tắc đảm bảo chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm	10
Áp dụng	Liên hệ thực tế nhóm chất lượng, mô hình văn hóa chất lượng vào trong quản trị doanh nghiệp.	10
Phân tích	Một số công cụ thống kê trong quản lý chất lượng	10
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Khái niệm cơ bản về quản trị chất lượng	20
Chuẩn hóa	Nhóm chất lượng, mô hình văn hóa chất lượng vào trong quản trị doanh nghiệp.	20
Thành thạo	Một số nguyên tắc đảm bảo chất lượng, các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng sản phẩm	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị Marketing nâng cao**
 - + Tiếng Anh: **Advanced Marketing**
- Mã học phần: **KTMK201**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tuyến**
- Tỷ lệ đào tạo trực tuyến của học phần: **100%**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **00 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Marketing, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần

Học phần Marketing Nâng Cao trang bị cho học viên cái nhìn tổng quan về marketing hiện đại, kiến thức chuyên sâu về quy trình marketing chiến lược và kỹ thuật nâng cao để lập kế hoạch, quản lý chiến dịch. Môn học giúp người học xây dựng chiến lược marketing cốt lõi của doanh nghiệp, đồng thời áp dụng các chiến lược điển hình như: truyền thông marketing (IMC), chiến lược marketing, quản trị quan hệ khách hàng (CRM), định vị thương hiệu và ra quyết định dựa trên dữ liệu).

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	- Phân tích các kiến thức cốt lõi của quản trị marketing nâng cao và áp dụng hiệu quả các lý thuyết, mô hình, công cụ hiện đại trong hoạch định và triển khai chiến lược marketing. - Nắm vững các vấn đề về phân tích thị trường, hành vi người tiêu dùng, quản trị thương hiệu, digital marketing, và đo lường hiệu quả marketing trong bối cảnh cạnh tranh đa kênh.	PLO2 PLO4
CO2	Nắm vững các mô hình quản trị marketing nâng cao: 4Ps, STP, các mô hình khác Căn chỉnh các chiến lược Digital Marketing và hoạt động Marketing hiện đại	PLO5 PLO8
CO3	+ Đề xuất mô hình kinh doanh phù hợp với tình hình kinh doanh của doanh nghiệp + Kết hợp tinh thần tự học, tư duy phản biện và trách nhiệm trong phối hợp nhóm, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về Kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích được các kiến thức cơ bản về Marketing nâng cao, bao gồm Chiến lược tiếp thị số, Quản trị thương hiệu, Phân tích hành vi người tiêu dùng và Đo lường hiệu quả chiến dịch.	4/6	15
	CLO2	Lý giải kiến thức lý thuyết chuyên sâu về Lập kế hoạch truyền thông	4/6	15
<i>CDR về Kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững các mô hình quản trị marketing nâng cao: 4Ps, STP, các mô hình khác	3/5	20
	CLO4	Căn chỉnh các chiến lược Digital Marketing và hoạt động Marketing hiện đại	3/5	20
<i>CDR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	+ Đề xuất mô hình kinh doanh phù hợp với tình	3/5	15

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CĐR học phần (%)
		hình kinh doanh của doanh nghiệp		
	CLO6	+ Kết hợp tinh thần tự học, tư duy phản biện và trách nhiệm trong phối hợp nhóm, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc	4/5	15
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Trương Đình Chiến (2023), Giáo trình Quản trị Marketing, NXB ĐH Kinh tế Quốc dân, 2023;
2. Dương Thanh Hà (2021), Quản trị Thương hiệu, NXB Khoa học Tự nhiên và Công nghệ;
3. Nguyễn Minh Tuấn (2022), Quản trị marketing, NXB Thanh Niên

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Philip Kotler 2015, Quản trị Marketing, NXB Thống kê.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Phương pháp thuyết trình	x				x	
2	Phương pháp diễn giải		x				
3	Phương pháp học nhóm			x	x		
4	Phương pháp tranh luận					x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Chương 1. TỔNG QUAN VỀ CHIẾN LƯỢC MARKETING	9	0	18	A1.1 A1.2	+ Phương pháp thuyết	CLO1 CLO2	Phòng học trực

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.1 Khái niệm chiến lược Marketing 1.1.1 Chiến lược là gì? 1.1.2 Hoạch định chiến lược Marketing	3	0	6	A2	trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận		tuyến
1.2.Vai trò của chiến lược Marketing 1.3. Kế hoạch hoá chiến lược 1.4. Ba cấp độ chiến lược trong doanh nghiệp	3	0	6				
1.5. Phân loại chiến lược marketing trong doanh nghiệp 1.5.1.Chiến lược tổng thể của doanh nghiệp 1.5.2. Chiến lược bộ phận chức năng 1.5.3. Chiến lược các đơn vị kinh doanh	3	0	6				
CHƯƠNG 2. PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG, HÀNH VI KHÁCH HÀNG VÀ LỰA CHỌN THỊ TRƯỜNG	9	0	18	A1.1 A1.2 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến
2.1. Đo lường và dự báo nhu cầu thị trường 2.1.1. Khái niệm và tầm quan trọng của đo lường nhu cầu 2.1.2. Các phương pháp đo lường nhu cầu thị trường 2.1.3. Dự báo nhu cầu trong ngắn hạn và dài hạn 2.1.4. Các yếu tố ảnh hưởng đến nhu cầu thị trường	3	0	6				
2.2. Hành vi mua của khách hàng 2.2.1. Khái niệm và các yếu tố ảnh hưởng đến hành vi mua 2.2.2. Quy trình ra quyết định mua hàng	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3. Phân đoạn, lựa chọn thị trường mục tiêu và định vị thị trường 2.3.1. Phân đoạn thị trường 2.3.2. Lựa chọn thị trường mục tiêu 2.3.3. Định vị thị trường	2	0	4				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1	
CHƯƠNG 3. CÁC CHIẾN LƯỢC MARKETING CẠNH TRANH	9	0	18	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO4 CLO5 CLO6	Phòng học trực tuyến
3.1. Phân tích đối thủ cạnh tranh 3.1.1. Sự cần thiết phải nghiên cứu đối thủ 3.1.2. Xác định đối thủ cạnh tranh 3.1.3. Xác định chiến lược của đối thủ 3.1.4. Xác định mục tiêu của đối thủ 3.1.5. Đánh giá điểm mạnh, điểm yếu của đối thủ 3.1.6. Các kiểu phản ứng của đối thủ 3.1.7. Thiết kế hệ thống cạnh tranh 3.1.8. Các quan điểm định hướng theo khách hàng và theo đối thủ cạnh tranh.	3	0	6				
3.2. Các vị thế cạnh tranh 3.2.1. Dẫn đầu về giá 3.2.2. Khác biệt hoá 3.2.3. Tập trung	3	0	6				
3.3. Các chiến lược Marketing cạnh tranh 3.3.1. Dẫn đầu thị trường 3.3.2. Thách thức thị trường 3.3.3. Đi theo thị trường 3.3.4. Lấp chỗ trống thị trường	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 4. XÂY DỰNG VÀ PHÁT TRIỂN THƯƠNG HIỆU	9	0	18	A1.2 A1.3 A1.4 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO2 CLO4	Phòng học trực tuyến
4.1. Bản chất, chức năng và các quyết định cơ bản về thương hiệu 4.1.1. Khái niệm và vai trò của thương hiệu 4.1.2. Các chức năng cơ bản của thương hiệu 4.1.3. Các quyết định cơ bản về thương hiệu	1	0	2				
4.2. Quy trình thiết kế và xây dựng thương hiệu 4.2.1. Nghiên cứu thị trường và phân tích đối thủ 4.2.2. Xác định giá trị cốt lõi và định vị thương hiệu 4.2.3. Thiết kế hệ thống nhận diện thương hiệu 4.2.4. Triển khai và đo lường hiệu quả	3	0	6				
4.3. Quản trị chiến lược thương hiệu 4.3.1. Xây dựng chiến lược phát triển thương hiệu dài hạn 4.3.2. Mở rộng thương hiệu (Brand Extension) 4.3.3. Bảo vệ và duy trì sự nhất quán của thương hiệu	2	0	4				
4.4. Xúc tiến, quảng bá thương hiệu 4.4.1. Các công cụ truyền thông thương hiệu 4.4.2. Chiến lược quảng bá đa kênh (Omni-channel)	3	0	6				
CHƯƠNG 5. THỰC THI VÀ KIỂM SOÁT CHIẾN LƯỢC	9	0	18		+ Phương pháp thuyết trình		Phòng học trực tuyến

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
MARKETING				A1.2 A1.3 A1.4 A2	trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO2 CLO4	tuyến
5.1. Vấn đề chiến lược và thực thi marketing	3	0	2				
5.2. Kế hoạch thực thi chiến lược Marketing							
5.3. Marketing nội bộ và thực thi Marketing	2	0	4				
5.4. Đo lường và kiểm soát chiến lược Marketing							
5.5. Đo lường hiệu quả Marketing	1	0	4				
5.6. Các vấn đề toàn cầu trong hoạch định, thực thi và kiểm soát chiến lược Marketing	2	0	6				
Kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO2 CLO3	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập; tìm hiểu, đọc hướng dẫn về hệ thống đào tạo trực tuyến của Nhà trường;
- Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo, nghiên cứu các nội dung bài học qua học liệu được gửi trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Hoàn thành các nhiệm vụ do giảng viên giao trên hệ thống đào tạo trực tuyến.
- Tương tác, trao đổi bài học trên hệ thống đào tạo trực tuyến;
- Tự bảo vệ tài khoản của mình, phải tự chịu trách nhiệm về các thông tin đưa lên hệ thống và việc để người khác sử dụng tài khoản của mình sai mục đích, không đúng với quy định;
- Tham dự đầy đủ các bài đánh giá và thi kết thúc học phần;
- Tham gia học tập trên hệ thống quản lý học tập: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1	70	CLO1	15
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra số 2	30	CLO2 CLO3	15
		A1.4	Bài thảo luận	40	CLO4 CLO5	
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO6	
				100	-	
		Tổng				
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Nhớ được các kiến thức cốt lõi của Marketing nâng cao	20
Hiểu	Hiểu sâu về chiến lược marketing hiện đại và hành vi người tiêu dùng và tâm lý khách hàng.	20
Áp dụng	Áp dụng các công cụ dự báo để tối ưu chiến dịch.	30
Phân tích	Phân tích xu hướng thị trường, đối thủ cạnh tranh và biến động nhu cầu khách hàng.	30
Tổng		100

A1.2 - Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập quá 20%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập 10-20%	Không xem video bài giảng, không hoàn thành bài tập 0-10%	Xem video bài giảng, hoàn thành các bài tập đầy đủ trong suốt quá trình học	0,6
Y thức học tập	Không tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Thường xuyên tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	Tích cực tham gia các hoạt động và yêu cầu của giảng viên trong quá trình học tập	0,4

A1.3 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 4,5:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Áp dụng	Vận dụng được vấn đề an toàn, an ninh mạng trong hoạt động kinh doanh tại doanh nghiệp	23
Phân tích	Phân tích được mô hình hoạt động marketing trong kinh doanh mạng trong hoạt động kinh doanh thương mại tại doanh nghiệp	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Thực hiện được hoạt động Marketing trong kinh doanh	30
Chuẩn hóa	Nắm vững được các mô hình khác vào trong kinh doanh	27
Tổng		100

A1.4 - Bài thảo luận được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	10
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	30
Thuyết trình, bảo vệ bài thảo luận	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ	20
Phản biện báo cáo các nhóm	Tư duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi	Tư duy phản biện kém, nhiều câu hỏi	Tư duy phản biện trung bình; Một số	Tư duy phản biện tương đối	Tư duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu	10

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số (%)
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
khác	không đúng trọng tâm	đặt ra không đúng trọng tâm	câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	hỏi phản biện rất hay	
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	30

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Hiểu	Các kiến thức căn bản quản trị Marketing nâng cao	12
Áp dụng	Lý thuyết, mô hình và các ứng dụng trong kinh doanh	19
Phân tích	Phân tích được các kiến thức của Marketing nâng cao	15
Về kỹ năng		
Bắt chước	Thực hiện được đo lường hiệu quả hoạt động marketing và tâm lý khách hàng	15
Vận dụng	Vận dụng phân tích được chiến lược Marketing	16
Chuẩn hóa	Chuẩn hoá quy trình xây hoạch định chiến lược Marketing	23
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Phân tích dữ liệu kinh doanh**
 - + Tiếng Anh: **Business Data Analytics**
- Mã học phần: **KTKS202**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: **30 giờ**
 - + Thực hành: **30 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Kinh tế số và Thương mại điện tử, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Loại 1.**

2. Mô tả học phần

Học phần Phân tích dữ liệu kinh doanh là học phần trong khối kiến thức ngành bắt buộc của chương trình đào tạo trình độ thạc sĩ, ngành quản trị kinh doanh. Học phần cung cấp cho học viên kiến thức và kỹ năng nền tảng về phân tích dữ liệu trong môi trường kinh doanh hiện đại. Học viên sẽ được tiếp cận các phương pháp phân tích mô tả, chẩn đoán, dự báo và phân tích tối ưu nhằm hỗ trợ quá trình ra quyết định quản trị. Học phần kết hợp lý thuyết với thực hành sử dụng các công cụ phổ biến như Excel

nâng cao, Power BI, hoặc phần mềm thống kê cơ bản. Kết thúc học phần, học viên có khả năng thu thập, xử lý, phân tích và trình bày dữ liệu phục vụ cho các hoạt động quản lý và hoạch định chiến lược trong doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CĐR của CTĐT
CO1	Phân tích được vai trò, quy trình và các loại hình phân tích dữ liệu trong kinh doanh để hỗ trợ ra quyết định..	PLO3
CO2	Vận dụng được các công cụ như Excel/Power BI để xử lý, trực quan hóa dữ liệu và giải thích kết quả phân tích.	PLO6
CO3	Cởi mở tiếp thu ý kiến, có trách nhiệm trong thảo luận và phản biện kết quả phân tích trong nhóm học thuật.	PLO8

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CĐR học phần ^[13]
<i>CĐR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích được vai trò và ứng dụng của phân tích dữ liệu trong các hoạt động quản trị kinh doanh.	4/6	20
	CLO2	Phân tích và đánh giá sự phù hợp của các mô hình phân tích với từng tình huống kinh doanh cụ thể.	4/6	40
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Vận dụng Excel/Power BI để thực hiện xử lý dữ liệu và trực quan hóa thông tin.	2/5	15
	CLO4	Vận dụng công cụ cơ bản để trình bày kết quả phân tích dữ liệu một cách logic và hiệu quả.	2/5	15
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Thể hiện tinh thần hợp tác, trách nhiệm và phản biện trong quá trình xử lý và báo cáo dữ liệu.	2/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Lê Quang Hùng &cs (2023), Ứng dụng SPSS-AMOS- PLS Phân tích dữ liệu trong kinh doanh, Nhà xuất bản tài chính;
2. Nguyễn Đình Thuần &cs (2024), Phân tích dữ liệu kinh doanh –Nhà xuất bản Đại học quốc gia thành phố Hồ Chí Minh.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Albright, S.C., Winston, W.L. (2020), *Business Analytics – Data Analysis & Decision Making*, Cengage Learning;

2. Phạm Thị Minh Phương (2023), *Ứng dụng Power BI trong phân tích kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính;
 3. IBM SPSS Statistics (2022), *Phần mềm phân tích thống kê*, Phiên bản 28.0;
 4. Microsoft Excel (2021), *Excel for Office 365*, Phiên bản dành cho doanh nghiệp.
- 6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần**

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình – trình bày lý thuyết	x	x			x
2	Diễn giải, minh họa, hỏi – đáp	x	x		x	x
3	Thực hành nghiên cứu		x	x	x	
4	Thảo luận nhóm, phản biện kết quả		x	x	x	x
5	Học tập tình huống và tự học có hướng dẫn				x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU KINH DOANH	5	0	10				
1.1. Vai trò và ý nghĩa trong quản trị hiện đại	2	0	4	A1.1 A1.2 A2	Thuyết trình + Diễn giải	CLO1, CLO5	Trong trường: Phòng học
1.2. Các loại hình phân tích dữ liệu (mô tả, chẩn đoán, dự báo, tối ưu)	3	0	6			CLO1, CLO2	
CHƯƠNG 2. THU THẬP VÀ TIỀN XỬ LÝ DỮ LIỆU	4	8	16				Trong trường: Phòng học
2.1. Nguồn dữ liệu và cách thu thập dữ liệu kinh doanh	2	4	8	A1.1 A1.2 A2	+ Diễn giải Thuyết trình + Thực hành	CLO2, CLO3 CLO4 CLO5	
2.2. Làm sạch và chuẩn hóa dữ liệu	2	4	8				
+ Kiểm tra	1		2	A1.1		CLO1 CLO2 CLO3	
CHƯƠNG 3. PHÂN TÍCH MÔ TẢ VÀ TRỰC QUAN HÓA DỮ LIỆU	5	6	16				Trong trường:

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.1. Sử dụng biểu đồ, bảng, thống kê mô tả	3	4	10	A1.2 A1.3 A2	Thuyết trình + Thực hành + Thảo luận nhóm	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	Phòng học
3.2. Ứng dụng Excel/Power BI để trình bày dữ liệu	2	2	6				
CHƯƠNG 4. PHÂN TÍCH CHÂN ĐOÁN VÀ DỰ BÁO	5	6	16				Trong trường: Phòng học
4.1. Phân tích tương quan và hồi quy	3	4	10	A1.2 A1.3 A2	Thuyết trình + Thực hành + Tình huống	CLO1 CLO3 CLO4 CLO5	
4.2. Mô hình dự báo xu hướng	2	2	6			CLO2	
CHƯƠNG 5. PHÂN TÍCH TỐI ƯU VÀ HỖ TRỢ RA QUYẾT ĐỊNH	5	6	16				Trong trường: Phòng học
5.1. Mô hình tối ưu đơn giản (linear, solver)	3	3	9	A1.2 A1.3 A2	Thảo luận nhóm + Diễn giải Thực hành	CLO2, CLO4 CLO5	
5.2. Ứng dụng kết quả phân tích trong quản trị	2	3	7			CLO4	
CHƯƠNG 6. ỨNG DỤNG THỰC TIỄN VÀ TRÌNH BÀY DỰ ÁN	4	4	12				Trong trường: Phòng học
6.1. Xây dựng báo cáo phân tích dữ liệu thực tế	2	2	6	A1.2 A1.3 A2	Thuyết trình + Thảo luận nhóm + Tự học hướng dẫn Thực hành	CLO3, CLO4, CLO5	
6.2. Trình bày kết quả – phản biện – rút kinh nghiệm	2	2	6			CLO4, CLO5	
+ Bài tập thực hành phân tích dữ liệu	1		2	A1.3		CLO2 CLO3	
Tổng Cộng	30	30	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Chuẩn bị các thiết bị cần thiết để học tập.
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần;

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1, CLO2 CLO3	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập thực hành phân tích dữ liệu	100	CLO2, CLO3	15
		Tổng		100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 2:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Hãy trình bày ngắn gọn khái niệm phân tích dữ liệu kinh doanh. Nêu các loại hình phân tích phổ biến và vai trò của chúng trong doanh nghiệp	10
Hiểu	Giải thích được sự khác nhau giữa phân tích mô tả – chẩn đoán – dự báo – tối ưu	10
Áp dụng	Vận dụng kiến thức để mô tả quy trình phân tích dữ liệu cho 1 bài toán kinh doanh cụ thể	20
Phân tích	Phân tích được các yếu tố ảnh hưởng đến chất lượng dữ liệu, đề xuất hướng tiền xử lý	20
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Tái hiện đúng quy trình phân tích dữ liệu đã học vào cấu trúc bài thi (mẫu đề bài, bài tập tình huống)	20

Vận dụng	Vận dụng biểu đồ, bảng biểu, hoặc sơ đồ để minh họa dữ liệu và đưa ra nhận xét phù hợp	20
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học;

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Bài tập thực hành phân tích dữ liệu (Đánh giá sau khi học xong chương 6):

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày được các bước cơ bản trong quá trình xử lý và phân tích dữ liệu bằng Excel hoặc Power BI.	10
Hiểu	Hiểu được vai trò của các bước làm sạch, chuẩn hóa dữ liệu trước khi phân tích.	10
Áp dụng	Áp dụng kiến thức để lựa chọn biểu đồ phù hợp và trình bày đúng mục tiêu.	20
Phân tích	Phân tích được ý nghĩa của biểu đồ/dữ liệu hiển thị và rút ra nhận xét	20
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Thực hiện được các bước làm sạch dữ liệu, vẽ biểu đồ theo hướng dẫn (giống mẫu)	20
Vận dụng	Tự sử dụng công cụ (Excel/Power BI) để trực quan hóa dữ liệu	20

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
	mới hoặc bài toán chưa từng gặp.	
Tổng		100

A2 – Thi kết thúc học phần

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
Kiến thức (60%)		
Nhớ	Trình bày chính xác các bước trong quy trình phân tích dữ liệu kinh doanh	10
Hiểu	Phân biệt được các loại phân tích (mô tả, chẩn đoán, dự báo, tối ưu), giải thích được quy trình phân tích dữ liệu.	10
Áp dụng	Áp dụng kiến thức vào giải quyết một bài toán phân tích dữ liệu cụ thể có bối cảnh thực tế.	20
Phân tích	Phân tích được nguyên nhân, ảnh hưởng và chất lượng dữ liệu; lựa chọn công cụ và chỉ số phù hợp.	20
Kỹ năng (40%)		
Bắt chước	Thực hiện được đúng quy trình xử lý dữ liệu, chọn biểu đồ phù hợp (Excel / Power BI), trình bày được dashboard cơ bản	20
Vận dụng	Phân tích tình huống, giải thích kết quả và đưa ra giải pháp hợp lý dựa trên kết quả phân tích.	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp**
 - + Tiếng Anh: Business Diagnostic Exercise
- Mã học phần: KTKD210
- Số tín chỉ: 03
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐

- Học phần tiên quyết: Không
- Học phần học trước: Không
- Học phần song hành: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động: 45 giờ
 - + Lý thuyết: 30 giờ
 - + Thực hành: 30 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Loại 1.

2. Mô tả học phần

Học phần Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp thuộc khối kiến thức ngành của chuyên ngành quản trị kinh doanh trong chương trình đào tạo sau đại học. Học phần Chuyên đề: Chẩn đoán doanh nghiệp giúp người học có thể phân tích tiềm năng của thị trường để áp dụng vào phân khúc thị trường, xác định thị trường mục tiêu và lập kế hoạch kinh doanh trong thực tiễn. Nội dung được đề cập trong học phần bao gồm: xây dựng dữ liệu đề bài, xây dựng kế hoạch nghiên cứu chuẩn đoán, Thu thập dữ liệu tại

hiện trường, xử lý phân tích dữ liệu, ứng dụng số liệu phân tích và chuẩn đoán nhu cầu thị trường, Trình bày và báo cáo kết quả nghiên cứu chuẩn đoán doanh nghiệp.

Học phần này sẽ giúp cho các bạn học viên nắm được các kiến thức về xây dựng mục tiêu chuẩn đoán, xây dựng mô hình và tiến trình thiết kế mẫu dữ liệu thu thập, lập kế hoạch xử lý dữ liệu, phân tích và diễn giải dữ liệu, từ đó thực hiện chuẩn đoán và trình bày lại kết quả nghiên cứu chuẩn đoán.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần <i>Học phần nhằm cung cấp cho người học:</i>	CDR của CTĐT
CO1	Cung cấp những kiến thức cơ bản về chuẩn đoán doanh nghiệp và cơ sở dữ liệu trong xây dựng dữ liệu, xây dựng kế hoạch nghiên cứu chuẩn đoán, và tiến trình thiết kế biểu mẫu thu thập số liệu	PLO2 PLO3
CO2	Vận dụng các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể. Thể hiện được những kiến thức về chuẩn đoán doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh.	PLO6
CO3	Hình thành tính tự chủ, trách nhiệm trong học tập và làm việc; có thể kết hợp khả năng làm việc nhóm hoặc độc lập cao; phát triển khả năng đề xuất ý kiến, thể hiện sáng tạo, tự tin trong học tập và làm việc	PLO10

4. Chuẩn đầu ra học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về Kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Hệ thống hóa những nội dung cơ bản về chuẩn đoán doanh nghiệp, nhận biết được cơ sở dữ liệu chuẩn đoán doanh nghiệp, áp dụng tiến trình thiết kế biểu mẫu thu thập dữ liệu.	4/6	20
	CLO2	Phân tích được những dữ liệu, tính hợp lệ của dữ liệu Phân tích và diễn giải dữ liệu	4/6	25
<i>CDR về Kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững các kiến thức được cung cấp trong học phần để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể.	3/5	25
	CLO4	Thay đổi được những kiến thức về chuẩn đoán doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp	4/5	10

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CĐR học phần (%)
<i>CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Kết hợp tính tự chủ, trách nhiệm trong học tập và làm việc	3/5	10
	CLO6	Đề xuất ý kiến, thể hiện sáng tạo, tự tin trong học tập và làm việc	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Tài liệu học tập kỹ thuật dự báo thị trường (2019) - Trường Đại học kinh tế Kỹ Thuật Công nghệ;
2. Đinh Bá Hùng Anh (2015), Dự báo trong kinh doanh, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
3. Trần Anh Dũng (2009), giáo trình lý thuyết dự báo, NXB Đại học GTVT TP.HCM.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. GS.TS. Đặng Trí Dũng (2018), giáo trình dự báo và khoa học dự báo, NXB Trính chí quốc gia sự thật;
2. Trần Minh Đạo (2015), giáo trình Marketing căn bản, NXB ĐH kinh tế quốc dân.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

TT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Thuyết trình	x	x				
2	Diễn giải			x	x		
3	Học nhóm					x	x
4	Tranh luận						x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	
CHƯƠNG 1. XÂY DỰNG DỮ LIỆU ĐỀ BÀI	5	4	14				
1.1. Chọn và giới thiệu doanh nghiệp 1.2. Mô tả quy mô và đặc điểm của doanh nghiệp	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học
1.3. Chọn những vấn đề và mục tiêu nghiên cứu chuẩn đoán 1.3.1. Xác định các vấn đề về thị trường mà doanh nghiệp đang gặp phải 1.3.2. Xác định mục tiêu nghiên cứu chuẩn đoán 1.3.3. Xây dựng đề bài cụ thể	1	2	4	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	
1.3.4. Xây dựng khung lý thuyết của mô hình dự báo 1.3.4.1. Các phần cơ bản của khung lý thuyết 1.3.4.2. Hình thức thể hiện của khung lý thuyết 1.3.4.3. Các bước xây dựng khung lý thuyết	2	2	6	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO1 CLO4 CLO6	
Kết quả đạt được	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Phòng học
CHƯƠNG 2. XÂY DỰNG KẾ HOẠCH NGHIÊN CỨU CHUẨN ĐOÁN	5	6	16				

2.1. Xác định loại dữ liệu và nguồn dữ liệu cần thu thập 2.2. Xây dựng mô hình nghiên cứu và phương pháp thu thập dữ liệu 2.2.1. Xây dựng mô hình nghiên cứu 2.2.2. Xác định phương pháp thu thập dữ liệu	2	2	6	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học
2.3. Tiến trình thiết kế biểu mẫu thu thập số liệu 2.4. Quy trình chọn mẫu và xác định cỡ mẫu	2	4	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	
Kết quả đạt được	1	0	2	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	
CHƯƠNG 3. THỰC HIỆN THU THẬP DỮ LIỆU TẠI HIỆN TRƯỜNG	4	6	14				
3.1. Thực hiện thu thập dữ liệu tại hiện trường	2	4	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học
3.2. Lập kế hoạch xử lý dữ liệu	2	2	6	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO2 CLO4	
CHƯƠNG 4. XỬ LÝ VÀ PHÂN TÍCH DỮ LIỆU	5	6	16				
4.1. Biên tập dữ liệu 4.1.1. Kiểm tra tính hợp lệ dữ liệu 4.1.2. Hiệu chỉnh dữ liệu	1	2	4	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học
4.2. Mã hóa dữ liệu 4.3. Làm sạch dữ liệu	1	2	4	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm	CLO4 CLO5 CLO6	

					+ Phương pháp tranh luận		
4.4. Phân tích và diễn giải dữ liệu 4.5. Kiểm định giả thuyết thống kê	2	2	6		+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO4 CLO6	
Kết quả đạt được	1	0	2		+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO5 CLO6	Phòng học
CHƯƠNG 5: ỨNG DỤNG SỐ LIỆU PHÂN TÍCH VÀO CHUẨN ĐOÁN NHU CẦU THỊ TRƯỜNG	4	4	12				
5.1. Phân tích tác động của các nhân tố tới chỉ tiêu chuẩn đoán 5.1.1. Phân tích hồi quy đơn 5.1.2. Phân tích hồi quy đa biến	1	0	2	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học
5.2. Thực hiện chuẩn đoán	2	4	8	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO4 CLO5 CLO6	
Kết quả đạt được	1	0	2				
CHƯƠNG 6. TRÌNH BÀY VÀ BÁO CÁO KẾT QUẢ NGHIÊN CỨU CHUẨN ĐOÁN	5	4	14				
6.1. Trình bày nội dung bản báo cáo kết quả nghiên cứu chuẩn đoán 6.1.1. Nội dung của bản báo cáo 6.1.2. Các nguyên tắc khi soạn thảo báo cáo nghiên cứu	2	0	4	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải	CLO1 CLO4	Trong trường: Phòng học

6.2. Thuyết minh kết quả nghiên cứu chuẩn đoán	2	4	8	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO4 CLO5 CLO6	
Kết quả đạt được	1	0	2				
Tiểu luận	1	0	2	A1.3		CLO3 CLO4	
CỘNG	30	30	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Cài đặt đầy đủ các phần mềm cần thiết cho học phần theo giảng viên hướng dẫn;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Hoàn thành yêu cầu các bài thực hành;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CĐR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	70	CLO2 CLO4	15
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO5 CLO6	
		Tổng		100		
	Điểm số 2	A1.3	Tiểu luận	70	CLO3 CLO4	15
		A1.2	Chuyên cần	30	CLO5 CLO6	

		Tổng		100		
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1 CLO2 CLO3	70
Tổng						100

Trong đó:

A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Nhớ	Nội dung về phân tích các bước xây dựng khung lý thuyết	15
Hiểu	Nội dung cơ bản về chuẩn đoán doanh nghiệp, nhận biết được cơ sở dữ liệu chuẩn đoán doanh nghiệp, áp dụng tiến trình thiết kế biểu mẫu thu thập dữ liệu.	15
Áp dụng	Phân tích được những dữ liệu, tính hợp lệ của dữ liệu Phân tích và diễn giải dữ liệu	15
Phân tích	Các phương pháp thu thập dữ liệu	15
Về kỹ năng		
Vận dụng	Thể hiện được những kiến thức về chuẩn đoán doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề trong hoạt động của doanh nghiệp	20
Chuẩn hóa	Những kiến thức về chuẩn đoán doanh nghiệp để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh	20
	Tổng	100

A1.2 - Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.3 – Tiêu luận được đánh giá sau khi kết thúc học phần:

Tiêu chí đánh giá		Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
		Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Cấu trúc hợp lý		Không cân đối, không hợp lý	Tương đối cân đối, thiếu hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Cân đối hợp lý	0,1
Hình thức trình bày chuẩn mực (font chữ, căn lề, format, lỗi chính tả,...)		Không đảm bảo hình thức trình bày, thể hiện sự cầu thả, không cầu thị	Thể hiện sự cầu thả về format và typing, lỗi chính tả rất nhiều	Vài chỗ không nhất quán về format, nhiều lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, ít lỗi chính tả	Format nhất quán, không lỗi chính tả	0,1
Nội dung đầy đủ	Các nội dung thành phần	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung					0,4
	Lập luận	Không chặt chẽ, logic	Thiếu chặt chẽ, logic	Tương đối chặt chẽ, logic; có sai sót quan trọng	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	0,2
	Kết luận	Không phù hợp	Tương đối phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Hoàn toàn phù hợp	0,2

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
Về kiến thức		
Nhớ	Trình bày được những kiến thức cơ bản về chuẩn đoán doanh nghiệp	20
Hiểu	Giải thích được quy trình nghiên cứu thị trường, phân tích xử lý dữ liệu, các tiến trình thiết kế biểu mẫu thu thập số liệu	20
Phân tích	Phân tích được mô hình chiến lược và quá trình đo lường hoạt động marketing trong trường hợp cụ thể	20
Về kỹ năng		
Vận dụng	Cải thiện được kiến thức để đưa ra các biện pháp hoặc cách thức giải quyết tình huống trong từng trường hợp cụ thể	20
Chuẩn hóa	Nắm vững những kiến thức về phân tích dự báo chuẩn đoán để giải quyết những vấn đề trong hoạt động quản trị kinh doanh	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn**
 - + Tiếng Anh: Topic: Practical business plan
- Mã học phần ^[1]: KTKD211
- Số tín chỉ: 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng việt
- Hình thức giảng dạy ^[2]: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: ☒ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: Không
- Học phần học trước ^[5]: Không
- Học phần song hành ^[6]: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: 30 giờ
 - + Thực hành: 30 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Loại 1.

2. Mô tả học phần ^[8]

Chuyên đề: Đề án kinh doanh thực tiễn được thiết kế và giới thiệu cho sinh viên hệ thạc sĩ, chuyên ngành quản trị kinh doanh. Học phần này kết hợp một cách logic kiến thức của các môn chuyên ngành như: quản trị chiến lược, quản trị nhân sự, quản trị marketing, ... thành một bản đề án kinh doanh thể hiện chi tiết tất cả các mục tiêu, dự định, ngân sách và các hoạt động trong một dự án kinh doanh tại doanh nghiệp.

Bên cạnh đó, học phần hỗ trợ sinh viên phát triển các kỹ năng như kỹ năng tư duy hệ thống, kỹ năng giao tiếp bằng văn bản, sự kết hợp giữa lý thuyết với thực hành quản trị.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CĐR của CTĐT ^[10]
CO1	Phân tích các kiến thức cơ bản, quy trình lập đề án kinh doanh Phân tích được cơ hội và hình thành được ý tưởng kinh doanh	PLO2 PLO3
CO2	Áp dụng soạn thảo, thực hiện, duy trì, và kiểm soát được đề án kinh doanh Dự báo được dòng tiền của dự án kinh doanh	PLO6
CO3	Tự chủ, độc lập và sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức. Tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác và khởi nghiệp trong kinh doanh và quản trị.	PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ đạt được	Trọng số CĐR học phần (%)
<i>CĐR về Kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích các kiến thức cơ bản, quy trình lập đề án kinh doanh	4/6	15
	CLO2	Đánh giá được cơ hội và hình thành được ý tưởng kinh doanh	5/6	15
<i>CĐR về Kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Thể hiện được hoạt động soạn thảo, thực hiện, duy trì, và kiểm soát được đề án kinh doanh	3/5	25
	CLO4	Giải quyết được dự báo dòng tiền của dự án kinh doanh	4/5	25
<i>CĐR về Năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Kết hợp tự chủ, độc lập và sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức.	4/5	10
	CLO6	Thực hành thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác và khởi nghiệp trong kinh doanh và quản trị.	2/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Trần Văn Hòe (2015), *Thương mại điện tử căn bản*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân;
2. Phạm Thị Thanh Hồng (2016), *Thương mại điện tử*, NXB Bách khoa Hà Nội;
3. Nguyễn Việt Khôi (2020), *Thương mại điện tử*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Sở công thương Hải Phòng (2016), *Ứng dụng thương mại điện tử dành cho doanh nghiệp và người tiêu dùng*.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Phương pháp thuyết trình	x				x	
2	Phương pháp diễn giải		x				
3	Phương pháp học nhóm			x	x		
4	Phương pháp tranh luận					x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1: TỔNG QUAN VỀ ĐỀ ÁN KẾ HOẠCH KINH DOANH	2	6	10	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm	CLO1 CLO3 CLO4	Trong trường Phòng học
1.1. Kế hoạch kinh doanh và ý nghĩa của bản kế hoạch kinh doanh 1.1.1. Khái niệm 1.1.2. Ý nghĩa	1	0	2				
1.2. Các bước lập bản đề án kinh doanh	1	0	2				
1.3. Bài tập	0	6	6				
CHƯƠNG 2. NHẬN ĐỊNH CƠ HỘI VÀ HÌNH THÀNH Ý TƯỞNG KINH DOANH	6	6	18	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO2 CLO3 CLO6	Trong trường Phòng học
2.1. Cơ hội kinh doanh và nhận diện cơ hội kinh doanh 2.1.1. Cơ hội kinh doanh 2.1.2. Nhận diện cơ hội kinh doanh	3	0	6				
2.2. Hình thành ý tưởng kinh doanh 2.2.1. Kỹ thuật hình thành ý tưởng kinh doanh 2.2.2. Đánh giá ý tưởng kinh doanh	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.3. Bài tập	0	6	6				
CHƯƠNG 3: SOẠN THẢO ĐỀ ÁN KINH DOANH VÀ DỰ BÁO DÒNG TIỀN	7	6	20				
3.1. Các yêu cầu của bản đề án kinh doanh 3.1.1. Rõ ràng 3.1.2. Súc tích 3.1.3. Logic 3.1.4. Chân thực 3.1.5. Số liệu	2	0	4				
3.2. Phách thảo đề án kinh doanh 3.2.1. Định hướng xây dựng bản đề án 3.2.2. Thảo luận từng phần 3.2.3. Ghi chép quá trình kinh doanh	3	0	6	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO4 CLO6	Trong trường Phòng học
3.3. Dự báo dòng tiền 3.3.1. Vai trò dự báo dòng tiền 3.3.2. Các quy tắc cần tuân thủ khi điền mẫu dự báo dòng tiền cơ bản	2	0	4				
3.4. Bài tập	0	6	6				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO2 CLO3	
CHƯƠNG 4. NỘI DUNG ĐỀ ÁN KINH DOANH	7	6	20	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO3 CLO6	Trong trường Phòng học
4.1. Nội dung bản đề án kinh doanh 4.1.1. Phân tích bối cảnh 4.1.2. Mô tả sản phẩm/dịch vụ 4.1.3. Chiến lược và kế hoạch marketing	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1.4. Kế hoạch tác nghiệp 4.1.5. Kế hoạch phát triển doanh nghiệp 4.1.6. Nhóm đồng sáng lập và điều hành doanh nghiệp 4.1.7. Các rủi ro và biện pháp đối phó 4.1.8. Kế hoạch tài chính							
4.2. Những điều cần tránh trong bản đề án kinh doanh	2	0	4				
4.3. Đánh giá bản đề án kinh doanh	2	0	4				
4.4. Bài tập	0	6	6				
CHƯƠNG 5. THỰC HIỆN, DUY TRÌ VÀ KIỂM SOÁT ĐỀ ÁN KINH DOANH	6	6	18	A1.3 A1.2 A2	+ Phương pháp diễn giải + Phương pháp học nhóm + Phương pháp tranh luận	CLO2 CLO3 CLO6	Trong trường Phòng học
5.1. Thực hiện đề án kinh doanh	2	0	4				
5.2. Duy trì đề án	2	0	4				
5.3. Kiểm soát tiến trình	2	0	4				
5.4. Bài tập	0	6	6				
Kiểm tra	1	0	2	A1.3		CLO2 CLO4	
CỘNG	30	30	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia thuyết trình, thảo luận nhóm;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1	60	CLO1, CLO2, CLO3,	15
		A1.2	Chuyên cần	40	CLO5 CLO6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài kiểm tra số 2		CLO2, CLO4	15
				100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Hiểu	Hiểu được các kiến thức cơ bản, quy trình lập đề án kinh doanh	27
Áp dụng	Áp dụng soạn thảo được đề án kinh doanh và dự báo dòng tiền	22
<i>Về kỹ năng</i>		
Phân tích	Phân tích được cơ hội và hình thành được ý tưởng kinh doanh	51
Tổng		100

A1.2 - Chuyên cần được đánh giá trong suốt quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5 – 6,9 điểm)	Điểm B (7,0 – 8,4 điểm)	Điểm A (8,5 – 10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	40

1.3 - Bài kiểm tra 2 được đánh giá sau khi học xong chương 4,5:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Phân tích	Phân tích được nội dung bản đề án kinh doanh	20
Áp dụng	Áp dụng lên được nội dung bản đề án kinh doanh	15
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Vận dụng thực hiện, duy trì, và kiểm soát đề án kinh doanh	65
Tổng		100

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Phân tích	Phân tích được cơ hội và hình thành được ý tưởng kinh	10
Áp dụng	Vận dụng soạn thảo được đề án kinh doanh đầy đủ các nội dung cơ bản	17
Vận dụng	Thực hiện lập được đề án kinh doanh	10
<i>Về kỹ năng</i>		
Bắt chước	Cân chỉnh được hoạt động thực hiện, duy trì, và kiểm soát đề án kinh doanh	33
Chuẩn hóa	Thay đổi được các hoạt động thực hiện, duy trì, và kiểm soát đề án kinh doanh	30
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Triển khai chiến lược chuyên sâu**
 - + Tiếng Anh: **Advanced strategic implementation**
- Mã học phần ^[1]: **KTKD212**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- Hình thức giảng dạy ^[2]: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: **Không**
- Học phần học trước ^[5]: **Không**
- Học phần song hành ^[6]: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: **30 giờ**
 - + Thực hành: **30 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Loại 1.**

2. Mô tả học phần ^[8]

Môn học "Triển Khai Chiến Lược Chuyên Sâu" nhằm trang bị cho học viên những kiến thức và kỹ năng cần thiết để triển khai chiến lược hiệu quả trong môi trường kinh doanh. Học viên sẽ nắm vững lý thuyết và các mô hình triển khai chiến lược như Bảng điểm cân bằng và Hoshin Kanri, đồng thời học cách sử dụng các công cụ triển khai chiến lược một cách hiệu quả. Bên cạnh đó, môn học giúp học viên phát triển kỹ năng lãnh đạo và quản lý thay đổi trong quá trình triển khai chiến lược, cũng như khả năng đánh giá và đo lường hiệu quả chiến lược để đưa ra các điều chỉnh kịp thời. Học viên sẽ được áp dụng các kiến thức vào tình huống thực tế thông qua các bài

tập và nghiên cứu trường hợp, đồng thời nâng cao kỹ năng làm việc nhóm và giao tiếp để hợp tác hiệu quả trong quá trình triển khai chiến lược.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT ^[10]
CO1	Trình bày và phân tích được các khái niệm, mô hình và quy trình triển khai chiến lược trong tổ chức.	PLO2 PLO3
CO2	Vận dụng các công cụ và kỹ thuật triển khai chiến lược vào các tình huống thực tế trong bối cảnh kinh tế cụ thể.	PLO6
CO3	Đánh giá hiệu quả triển khai chiến lược và đề xuất giải pháp điều chỉnh phù hợp Tự chủ, độc lập và sáng tạo trong quá trình làm việc ở các tổ chức. Tự thích nghi, tự định hướng và hướng dẫn người khác triển khai chiến lược chuyên sâu	PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CDR học phần ^[13]
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Giải thích được các khái niệm, vai trò, quy trình triển khai chiến lược trong tổ chức.	3/6	10
	CLO2	Phân tích được các mô hình triển khai chiến lược phù hợp với bối cảnh tổ chức.	4/6	10
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững được các công cụ triển khai chiến lược vào tình huống cụ thể.	3/5	30
	CLO4	Thể hiện được phân tích, đánh giá tình huống triển khai chiến lược và đề xuất phương án thực thi.	3/5	20
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Thực hành được năng lực phản biện, ra quyết định trong quá trình triển khai chiến lược.	2/5	15
	CLO6	Kết hợp tinh thần trách nhiệm và khả năng hợp tác trong làm việc nhóm và triển khai chiến lược.	4/5	15
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Ngô Kim Thanh (2024), *Giáo trình Quản trị Chiến lược*, Nhà xuất bản Kinh tế Quốc dân.

5.2. Tài liệu tham khảo

- John A. Pearce II & Richard B. Robinson (2020), *Strategic Management – Quản trị chiến lược*, Nhà xuất bản Kinh tế TP.HCM;
- Michael E. Porter (2020), *Chiến lược cạnh tranh*, Nhà xuất bản Trẻ;

3. Robert S. Kaplan & David P. Norton (2021), *Thẻ điểm cân bằng – Biến chiến lược thành hành động*, Nhà xuất bản Tổng hợp TP.HCM.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

TT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình	x	x			
2	Diễn giải			x	x	
3	Học nhóm			x	x	x
4	Tranh luận					x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CĐR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC	7	7	21				
1.1. Tổng quan về quản trị chiến lược 1.1.1. Khái niệm, đặc trưng và vai trò của quản trị chiến lược 1.1.2. Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong quản trị chiến lược 1.1.3. Các mô hình quản trị chiến lược 1.1.4. Các giai đoạn của quản trị chiến lược	3	3	9	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Học nhóm + Tranh luận	CLO1 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
1.2. Nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp 1.2.1. Xác định nhiệm vụ của doanh nghiệp 1.2.2. Mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp 1.2.3. Trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh	4	4	12				
CHƯƠNG 2: XÂY DỰNG CHIẾN LƯỢC	11	13	35				
2.1. Phân tích môi trường kinh doanh 2.1.1. Phân tích môi trường vĩ mô 2.1.2. Phân tích môi trường ngành	2	4	8	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Học nhóm + Tranh luận	CLO1 CLO3	Trong trường: Phòng học
2.2. Phân tích đánh giá nội bộ doanh nghiệp 2.2.1. Đánh giá nguồn nhân lực của doanh nghiệp 2.2.2. Đánh giá khả năng tài chính của doanh nghiệp 2.2.3. Đánh giá nguồn lực cơ sở vật chất	3	3	9				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
của doanh nghiệp 2.2.4. Phân tích chuỗi giá trị của doanh nghiệp						CLO5	
2.3. Năng lực cốt lõi và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp 2.3.1. Năng lực cốt lõi của doanh nghiệp 2.3.2. Lợi thế cạnh tranh và năng lực cạnh tranh của doanh nghiệp 2.3.3. Tạo lợi thế cạnh tranh cho doanh nghiệp	3	3	9				
2.4. Chiến lược cấp doanh nghiệp 2.4.1. Cơ sở và các mô hình phân tích chiến lược 2.4.2. Các chiến lược cạnh tranh cơ bản trong từng lĩnh vực kinh doanh	3	3	9				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO2 CLO3	
CHƯƠNG 3. TRIỂN KHAI CHIẾN LƯỢC	10	10	30				
3.1. Nội dung triển khai thực hiện chiến lược 3.1.1. Thiết lập mục tiêu hàng năm 3.1.2. Đảm bảo các nguồn lực cho thực hiện chiến lược 3.1.3. Xây dựng cơ cấu tổ chức gắn với việc thực hiện chiến lược 3.1.4. Triển khai thực hiện chiến lược và các hoạt động điều chỉnh 3.1.5. Đánh giá việc thực hiện chiến lược	4	4	12	A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Học nhóm + Tranh luận	CLO2 CLO4 CLO5	Trong trường: Phòng học
3.2. Hệ thống kiểm soát chiến lược 3.2.1. Các giai đoạn của quá trình kiểm soát 3.2.2. Các cấp kiểm soát 3.2.3. Hệ thống kiểm soát 3.2.4. Cơ cấu, kiểm soát và chiến lược	3	3	9				
3.2. Đánh giá chiến lược và điều chỉnh chiến lược 3.2.1. Quá trình đánh giá chiến lược 3.2.2. Điều chỉnh chiến lược 3.2.3. Cơ cấu doanh nghiệp	3	3	9				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
Tiểu luận	1	0	2	A1.3		CLO2 CLO3 CLO4	
CỘNG	30	30	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Bài tập: Hoàn thành các bài tập theo yêu cầu của giảng viên;
- Tự học: Đọc giáo trình, đọc tài liệu tham khảo theo hướng dẫn của giảng viên;
- Tham gia thảo luận và hoạt động nhóm, tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra số 1	60	CLO1, CLO2, CLO3	15
		A1.2	Chuyên cần	40	CLO5 CLO6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Tiểu luận	100	CLO2, CLO3, CLO4	15
				100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra số 1 được đánh giá sau khi học xong chương 1,2:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	- Trình bày được Khái niệm, đặc trưng và vai trò của quản trị chiến lược - Một số thuật ngữ cơ bản được sử dụng trong quản trị chiến lược	10
Hiểu	- Các mô hình quản trị chiến lược - Các giai đoạn của quản trị chiến lược	10
Áp dụng	- Áp dụng các công cụ phân tích môi trường vĩ mô và ngành để nhận diện cơ hội và thách thức chiến lược - Áp dụng phương pháp đánh giá nội lực doanh nghiệp thông qua phân tích nguồn nhân lực, tài chính, cơ sở vật chất và chuỗi giá trị - Áp dụng kiến thức để nhận diện năng lực cốt lõi và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp - Áp dụng các mô hình chiến lược để xây dựng định hướng chiến lược cấp doanh nghiệp - Áp dụng tư duy chiến lược để đề xuất các chiến lược cạnh tranh phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	- Thực hiện được phân tích môi trường kinh doanh bằng mô hình PESTEL và 5 áp lực cạnh tranh - Thực hiện được đánh giá nội lực doanh nghiệp dựa trên các yếu tố nhân lực, tài chính và cơ sở vật chất - Thực hiện được nhận diện năng lực cốt lõi và lợi thế cạnh tranh của doanh nghiệp - Thực hiện được xây dựng và phân tích các phương án chiến lược cấp doanh nghiệp - Thực hiện được đề xuất chiến lược cạnh tranh phù hợp với từng lĩnh vực kinh doanh - Thực hiện được trình bày và bảo vệ ý tưởng chiến lược một cách logic, thuyết phục	30
Chuẩn hóa	- Nắm vững các kiến thức về phân tích kết quả sản xuất, giá thành sản phẩm	30
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5 – 6,9 điểm)	Điểm B (7,0 – 8,4 điểm)	Điểm A (8,5 – 10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	40

A1.3 – Tiểu luận được đánh giá sau khi học xong chương 3

Tiêu chí đánh giá		Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
		Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Cấu trúc hợp lý		Không cân đối, không hợp lý	Tương đối cân đối, thiếu hợp lý	Tương đối cân đối, hợp lý	Khá cân đối, hợp lý	Cân đối hợp lý	0,1
Hình thức trình bày chuẩn mực (font chữ, căn lề, format, lỗi chính tả,...)		Không đảm bảo hình thức trình bày, thể hiện sự cầu thả, không cầu thị	Thể hiện sự cầu thả về format và typing, lỗi chính tả rất nhiều	Vài chỗ không nhất quán về format, nhiều lỗi chính tả	Vài sai sót nhỏ về format, ít lỗi chính tả	Format nhất quán, không lỗi chính tả	0,1
Nội dung đầy đủ	Các nội dung thành phần	Ghi thang điểm cụ thể cho từng phần nội dung					0,4
	Lập luận	Không chặt chẽ, logic	Thiếu chặt chẽ, logic	Tương đối chặt chẽ, logic; có sai sót quan trọng	Khá chặt chẽ, logic; còn sai sót nhỏ	Hoàn toàn chặt chẽ, logic	0,2
	Kết luận	Không phù hợp	Tương đối phù hợp	Khá phù hợp	Phù hợp	Hoàn toàn phù hợp	0,2

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá ^[22]	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	- Khái niệm, đặc trưng và vai trò của quản trị chiến lược, giúp sinh viên hiểu rõ ý nghĩa và tầm quan trọng của việc áp dụng chiến lược vào hoạt động quản lý của doanh nghiệp. - Các mô hình quản trị chiến lược cơ bản, từ mô hình SWOT, PESTEL đến các mô hình phân tích cạnh tranh, giúp sinh viên nắm vững công cụ phân tích chiến lược	10
Hiểu	- Hiểu được tầm quan trọng của việc quản trị chiến lược trong việc định hướng và phát triển doanh nghiệp, cũng như cách quản trị chiến lược có thể tạo ra giá trị lâu dài cho doanh nghiệp. - Hiểu các mô hình chiến lược và vai trò của chúng trong việc xác định mục tiêu dài hạn, nhiệm vụ và chiến lược của tổ chức để phát triển bền vững trong môi trường kinh doanh cạnh tranh. - Hiểu sự cần thiết của việc phân tích môi trường bên ngoài và nội bộ doanh nghiệp, từ đó giúp doanh nghiệp nhận diện được các cơ hội và thách thức trong quá trình xây dựng chiến lược. - Hiểu các yếu tố tác động đến chiến lược của doanh nghiệp, bao gồm văn hóa tổ chức, nguồn lực tài chính, nhân lực, cơ sở vật chất, và môi trường kinh doanh	10
Áp dụng	- Áp dụng được các mô hình và giai đoạn quản trị chiến lược vào thực tế của doanh nghiệp để phát triển chiến lược phù hợp với tình hình và mục tiêu cụ thể của doanh nghiệp. - Áp dụng phân tích môi trường vĩ mô (PESTEL) và ngành (Porter's Five Forces) để nhận diện cơ hội và thách thức trong ngành, từ đó đưa ra quyết định chiến lược phù hợp. - Áp dụng các phương pháp đánh giá nội bộ doanh nghiệp, bao gồm phân tích chuỗi giá trị, để xác định điểm mạnh, điểm yếu và xây dựng chiến lược dựa trên các năng lực cốt lõi của doanh nghiệp - Áp dụng các kỹ thuật thiết lập mục tiêu rõ ràng, phân bổ nguồn lực hợp lý và xây dựng kế hoạch hành động để triển khai chiến lược nhằm đạt được mục tiêu dài hạn	10
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	- Thực hiện được việc xác định nhiệm vụ và mục tiêu chiến lược của doanh nghiệp, từ đó có thể xây dựng các kế hoạch hành động phù hợp và theo dõi tiến độ thực hiện. - Thực hiện được việc giải quyết các vấn đề về trách nhiệm xã hội và đạo đức kinh doanh trong quá trình xây dựng chiến lược, đảm bảo rằng chiến lược của doanh nghiệp cũng phục vụ cộng đồng và xã hội.	50

Mức độ	Nội dung đánh giá^[22]	Tỷ trọng (%)
	- Thực hiện được các bước điều chỉnh chiến lược khi có sự thay đổi trong môi trường, mục tiêu, hoặc các yếu tố tác động đến hoạt động của doanh nghiệp, nhằm duy trì sự cạnh tranh. - Thực hiện được các phương pháp đánh giá kết quả thực hiện chiến lược và cải tiến chiến lược liên tục để đảm bảo doanh nghiệp luôn đạt được kết quả tối ưu.	
Chuẩn hóa	- Nắm vững các kiến thức về quy trình triển khai chiến lược, bao gồm các bước lập kế hoạch, phân bổ nguồn lực và tổ chức thực hiện để đảm bảo chiến lược được triển khai hiệu quả. - Nắm vững các mô hình phân tích chiến lược, từ đó chuẩn hóa các quy trình phân tích nội bộ và môi trường để tạo ra các chiến lược có thể áp dụng được trong các tình huống khác nhau.	20
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

BỘ NÔNG NGHIỆP VÀ MÔI TRƯỜNG
TRƯỜNG ĐẠI HỌC
TÀI NGUYÊN VÀ MÔI TRƯỜNG HÀ NỘI

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị sáng tạo và đổi mới**
 - + Tiếng Anh: **Creative and Innovation Management**
- Mã học phần ^[1]: **KTKD213**
- Số tín chỉ: **3**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng việt**
- Hình thức giảng dạy ^[2]: **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: **Không**
- Học phần học trước ^[5]: **Không**
- Học phần song hành ^[6]: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần ^[8].

Học phần trang bị cho học viên kiến thức cốt lõi về đổi mới sáng tạo và quản trị đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp trong bối cảnh đổi mới sáng tạo trở thành động lực quan trọng trong nền kinh tế hiện đại, từ đó học viên có thể vận dụng để tạo ra môi trường, xây dựng văn hóa đổi mới sáng tạo và quản trị tốt hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp. Nội dung chính của học phần bao gồm: phân tích quá trình quản trị đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp; xây dựng chiến lược đổi mới, đặc biệt là chiến lược đổi mới của các doanh nghiệp vừa và nhỏ ; phân tích môi trường cạnh tranh và

kịch bản đổi mới của doanh nghiệp; hoạt động nghiên cứu và phát triển và các bài học từ tác động của thị trường đến hoạt động đổi mới sáng tạo của doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT ^[10]
CO1	Cung cấp những kiến thức cơ bản như về quản trị đổi mới sáng tạo. Giải thích và phân tích được hoạt động quản trị đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	PLO2
CO2	Có kỹ năng đánh giá, lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	PLO6 PLO8
CO3	Có khả năng tự học, tự nghiên cứu và ý thức tổ chức kỷ luật.	PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CDR học phần ^[13]
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Khái quát hóa các khái niệm đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, các loại chiến lược đổi mới sáng tạo, các loại sản phẩm đổi mới sáng tạo.	2/6	30
	CLO2	Phân tích các đặc điểm và vai trò của đổi mới sáng tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới sáng tạo, các mô hình đổi mới sáng tạo, vai trò của quản trị đổi mới sáng tạo, các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị đổi mới sáng tạo, quản trị chiến lược đổi mới sáng tạo, quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới	4/6	30
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Nắm vững các nghiệp vụ lập kế hoạch, triển khai thực hiện hoạt động đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	3/5	30
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO4	Tổ chức kỷ luật, tự học, tự nghiên cứu và tinh thần hợp tác.	4/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. TS. Nguyễn Ngọc Quý, PGS.TS Nhâm Phong Tuân (2023), *Quản trị đổi mới sáng tạo*, NXB Đại học quốc gia Hà Nội;
2. Clayton M.C - Michael E.R, *Giải pháp cho đổi mới và sáng tạo*, NXB AlphaBooks.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Hà Sơn Tùng (2024), *Quản trị chiến lược*, NXB. ĐH kinh tế quốc dân.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần			
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
1	Phương pháp thuyết trình	x	x	x	
2	Phương pháp học nhóm		x	x	x
3	Phương pháp học theo tình huống		x	x	x
4	Phương pháp câu hỏi gợi mở	x	x	x	

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. CÁC VẤN ĐỀ CƠ BẢN VỀ QUẢN TRỊ SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI	5	0	10				
1.1. Khái niệm, đặc điểm và vai trò của đổi mới sáng tạo				A1.1 A1.3	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học theo tình huống	CLO1, CLO2 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học
1.1.1 Khái niệm về đổi mới sáng tạo	2	0	4				
1.1.2 Đặc điểm của đổi mới sáng tạo							
1.1.3. Vai trò của đổi mới sáng tạo							
1.2. Các loại hình đổi mới sáng tạo	1.5	0	3				
1.3 Lý thuyết về đổi mới sáng tạo	1.5	0	3				
CHƯƠNG 2. QUÁ TRÌNH QUẢN TRỊ SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI	10	0	20				
2.1. Nguồn hình thành đổi mới sáng tạo trong doanh nghiệp	1	0	2	A1.1, A1.3, A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học nhóm + Phương pháp câu hỏi gợi mở	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học
2.2 Quá trình đổi mới sáng tạo	1	0	2				
2.3 Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới sáng tạo	1	0	2				
2.4 Các mô hình đổi mới sáng tạo							
2.4.1 Mô hình hộp đen							
2.4.2 Mô hình tuyến tính							
2.4.3 Mô hình tương tác	4	0	8				
2.4.4. Mô hình hệ thống							
2.4.5 Mô hình đổi mới mở							
2.5 Vận dụng các mô hình đổi mới sáng tạo	3	0	6				
CHƯƠNG 3 KHÁI QUÁT VỀ QUẢN TRỊ ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	7	0	14				
3.1 Định nghĩa và vai trò của quản trị đổi mới sáng tạo				A1.1, A1.3, A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học nhóm + Phương pháp	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học
3.1.1 Định nghĩa về quản trị đổi mới sáng tạo	2	0	4				
3.1.2 Vai trò của quản trị đổi mới							

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm				
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học								
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)				
sáng tạo					câu hỏi gợi mở		học				
3.2 Các bước quản trị đổi mới sáng tạo	3	0	6								
3.3 Các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị đổi mới sáng tạo	2	0	4								
CHƯƠNG 4. QUẢN TRỊ CHIẾN LƯỢC ĐỔI MỚI SÁNG TẠO	6	0	12	A1.1, A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học theo tình huống + Phương pháp câu hỏi gợi mở	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học				
4.1. Khái niệm	1	0	2								
4.2 Các loại chiến lược đổi mới sáng tạo	1	0	2								
4.3. Năng lực đổi mới sáng tạo của tổ chức	1	0	2								
4.4. Quy trình quản trị chiến lược đổi mới sáng tạo	3	0	6								
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1, CLO2, CLO3					
CHƯƠNG 5 THIẾT KẾ VÀ PHÁT TRIỂN SẢN PHẨM MỚI	10	0	20								
5.1.Tổng quan về sản phẩm mới	2	0	4	A1.2, A1.3, A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp học nhóm + Phương pháp học theo tình huống + Phương pháp câu hỏi gợi mở	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học				
5.2 Quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới	6	0	12								
5.2.1 Hình thành ý tưởng phát triển sản phẩm mới											
5.2.2 sàng lọc ý tưởng phát triển sản phẩm mới											
5.2.3 Phát triển khía niệm sản phẩm và thử nghiệm khái niệm											
5.2.4 phát triển chiến lược marketing											
5.2.5 Phân tích kinh doanh											
5.2.6 Phát triển sản phẩm											
5.2.7 Thử nghiệm sản phẩm											
5.2.8 Thương mại hóa											
5.3 Rủi ro khi phát triển sản phẩm mới	2	0	4								
CHƯƠNG 6: THƯƠNG MẠI HÓA CHO SẢN PHẨM MỚI	5	0	10								
6.1 Phân loại sản phẩm đổi mới sáng tạo	1	0	2	A1.2, A1.3, A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp câu hỏi gợi mở + Phương pháp	CLO1, CLO2, CLO3 CLO4	(+)Trong trường: Phòng học				
6.2 Phân tích thị trường cho sản phẩm mới	2	0	4								

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.3 Lựa chọn thị trường mục tiêu cho sản phẩm đổi mới	2	0	4		tình huống		
Thảo luận	1	0	2	A1.2		CLO1 CLO2 CLO3	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	100	CLO1, CLO2, CLO3	15
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.2	Thảo luận	33	CLO1, CLO2, CLO3	15
		A1.3	Chuyên cần	67	CLO4	
				100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, CLO2, CLO3	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 4

Mức độ	Nội dung đánh giá^[22]	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Khái niệm đổi mới sáng tạo, định nghĩa về quản trị đổi mới sáng tạo, khái niệm về chiến lược đổi mới, các loại chiến lược đổi mới sáng tạo	10
Hiểu	Đặc điểm của đổi mới sáng tạo, vai trò của quản trị đổi mới sáng tạo	20
Phân tích	Vai trò của đổi mới sáng tạo, Các loại hình đổi mới sáng tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới sáng tạo, Các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị đổi mới sáng tạo	40
	Về kỹ năng	
Chuẩn hóa	Quá trình đổi mới sáng tạo, Các mô hình đổi mới sáng tạo, Các bước quản trị đổi mới sáng tạo, Quy trình quản trị chiến lược đổi mới sáng tạo	30
Tổng		100

A1.2 - Bài thảo luận được đánh giá sau khi học xong chương 5,6:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất thấp; không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
				được giao	được giao	

A1.3 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp.	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các khái niệm đổi mới sáng tạo, quản trị đổi mới sáng tạo, các loại chiến lược đổi mới sáng tạo, các loại sản phẩm đổi mới sáng tạo.	12
Hiểu	Đặc điểm và vai trò của đổi mới sáng tạo, các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới sáng tạo, vai trò của quản trị đổi mới sáng tạo, quản trị chiến lược đổi mới sáng tạo.	15
Áp dụng	Các mô hình đổi mới sáng tạo, quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới	15
Phân tích	Các yếu tố ảnh hưởng đến quá trình đổi mới sáng tạo, vai trò của quản trị đổi mới sáng tạo, các nhân tố ảnh hưởng tới quản trị đổi mới sáng	15

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
	tạo, quản trị chiến lược đổi mới sáng tạo	
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Các các các mô hình đổi mới sáng tạo, các bước quản trị đổi mới sáng tạo, quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới	28
Chuẩn hoá	Các bước quản trị đổi mới sáng tạo, quy trình thiết kế và phát triển sản phẩm mới.	15
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Quản trị khởi nghiệp**
 - + Tiếng Anh: Start up management
- Mã học phần ^[1]: KTKD214
- Số tín chỉ: 3
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng việt
- Hình thức giảng dạy ^[2]: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: Không
- Học phần học trước ^[5]: Không
- Học phần song hành ^[6]: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 0 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần ^[8]

Quản trị khởi nghiệp đã tăng lên đáng kể trên toàn thế giới trong những thập niên gần đây và hiện nay là một trong những chủ đề phổ biến nhất trong các trường hàng đầu về khởi nghiệp. Học phần này tập trung vào lĩnh vực khởi nghiệp và quản trị hoạt động khởi nghiệp đó. Từ quan điểm học thuật, quản trị khởi nghiệp là những lĩnh vực phức tạp với những tranh luận đáng kể về định nghĩa và phạm vi của chúng.

Thành công trong khởi nghiệp không phải là sự may mắn mà là một quá trình quản lý tất cả các hoạt động từ lập kế hoạch, phát triển ý tưởng, sáng tạo và chấp nhận

rủi ro. Những lý do chính để nghiên cứu quản trị khởi nghiệp là để tạo ra nhận thức về kinh doanh, quản lý để phát triển và sáng tạo, khuyến khích tự phát triển của người học với vai trò chủ sở hữu doanh nghiệp.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Có kiến thức các vấn đề căn bản về khởi sự kinh doanh, tư duy khởi sự kinh doanh, nội dung của khởi sự kinh doanh, tư chất chủ doanh nghiệp, kiến thức cần có để khởi sự kinh doanh, nhận diện cơ hội kinh doanh và đánh giá ý tưởng trong khởi sự kinh doanh, triển khai hoạt động kinh doanh, lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp, chiến lược phát triển doanh nghiệp. Có kiến thức để giải quyết các vấn đề phát sinh trong quá trình khởi sự kinh doanh	PLO2
CO2	Có kỹ năng để phân tích giải quyết các vấn đề nảy sinh trong thực tiễn một cách độc lập về khởi sự và tạo lập kinh doanh, xây dựng mô hình kinh doanh nhóm	PLO5
CO3	Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng khởi nghiệp trong hoạt động kinh doanh và quản trị doanh nghiệp khởi sự kinh doanh	PLO7

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Giải thích được những vấn đề cơ bản của khởi sự kinh doanh, tư duy khởi sự kinh doanh, nội dung của khởi sự kinh doanh, kiến thức và tố chất để khởi sự kinh doanh, triển khai hoạt động kinh doanh, chiến lược kinh doanh, lựa chọn hình thức tạo lập doanh nghiệp	2/6	30
	CLO2	Phân tích được các vấn đề về môi trường kinh doanh để nhận diện được cơ hội và đánh giá ý tưởng kinh doanh. Vận dụng được lý thuyết một số các mô hình kinh tế số trong lĩnh vực kinh tế	4/6	20
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Thể hiện kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh và tạo lập doanh nghiệp thông qua năng lực	3/5	20

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
		cá nhân hoặc theo nhóm dự án nhằm giải quyết các vấn đề nảy sinh trước khi kinh doanh		
	CLO4	Vận dụng kỹ năng làm việc nhóm để phân tích và đánh giá các cơ hội khởi sự kinh doanh	3/5	10
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Đề xuất được ý tưởng kinh doanh mới trong bối cảnh cạnh tranh; chủ động trau dồi kiến thức kinh doanh và công nghệ nhằm đưa ra chiến lược phát triển doanh nghiệp	3/5	20
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Ngọc Huyền (2020), *Khởi sự kinh doanh*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân;
2. Dương Công Danh (2023), *Tạo lập doanh nghiệp khởi nghiệp*, NXB Đại học Kinh tế Quốc dân.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Trương Đình Chiến (2023), *Quản trị marketing*, NXB Đại học Kinh tế quốc dân.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần ^[15]

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình	x	x	x		
2	Diễn giải	x	x		x	
3	Câu hỏi gợi mở	x			x	
4	Học nhóm		x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. KHỞI NGHIỆP	12	0	24				
1.1. Khởi nghiệp là tất yếu 1.1.1. Khái niệm về khởi nghiệp 1.1.2. Quản lý và khởi nghiệp 1.1.3. Khởi nghiệp là tất yếu 1.1.4. Bản chất khởi nghiệp 1.1.5. Khởi sự kinh doanh khác biệt 1.1.6. Mô hình khởi nghiệp doanh nghiệp tổng thể	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình, diễn giải, câu hỏi gợi mở	CLO 1,2,4	Phòng học
1.2. Các cấp độ khởi nghiệp trong doanh nghiệp 1.2.1. Các xu hướng khởi nghiệp 1.2.2. Cường độ khởi nghiệp và tần suất khởi nghiệp 1.2.3. Những điều chưa biết về khởi nghiệp	4	0	8				
1.3 Các dạng khởi nghiệp 1.3.1. Doanh nghiệp mạo hiểm 1.3.2. Chiến lược khởi nghiệp 1.3.3. Mô hình kinh doanh cho doanh nghiệp khởi nghiệp 1.3.4. Mô hình khởi nghiệp theo hướng đổi mới	4	0	8				
CHƯƠNG 2. QUAN TRỊ DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP	12	0	24				
2.1. Nguồn lực nhân sự trong doanh nghiệp khởi nghiệp 2.1.1. Sáng tạo cá nhân trong một công ty 2.1.2. Quy trình sáng tạo 2.1.3. Khuông khổ sáng tạo 2.1.4. Kỹ thuật sáng tạo và chất lượng sáng tạo 2.1.5. Nhân cách doanh nhân 2.1.6. Động lực hành vi của doanh nhân 2.1.7. Động lực khởi nghiệp và vai trò quan trọng của hệ thống khen thưởng	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình, gợi mở	CLO 1; CLO 3; CLO 4	Phòng học
2.2. Chiến lược công ty và khởi nghiệp	4	0	8				

2.2.1. Sự thay đổi bối cảnh 2.2.2. Logic theo bối cảnh cạnh tranh 2.2.3. Vai trò của quản trị chiến lược và chiến lược công ty. 2.2.4. Tích hợp khởi nghiệp với chiến lược 2.2.5. Quản trị chiến lược đổi mới: Một danh mục tiếp cận 2.2.6. Công nghệ, tinh thần khởi nghiệp và chiến lược 2.2.7. Giới hạn công nghệ và nền tảng 2.2.8. Khái niệm chìa khóa chiến lược: Khởi nghiệp là một sự khác biệt 2.2.9. Chiến lược khởi nghiệp: Một số yếu tố quyết định							Phòng học
2.3 Cấu trúc của công ty khởi nghiệp 2.3.1. Thành phần của cấu trúc 2.3.2 Các dạng cấu trúc: Liên kết với chiến lược khởi nghiệp 2.3.3. Cấu trúc doanh nghiệp khởi nghiệp và khái niệm chu kỳ 2.3.4. Dự án khởi nghiệp: cấu trúc bên trong cấu trúc 2.3.5. Mối quan hệ cấu trúc giữa sáng kiến khởi nghiệp và công ty	4	0	8				
CHƯƠNG 3. PHÁT TRIỂN DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP	10	0	20				
3.1. Phát triển văn hóa khởi nghiệp 3.1.1. Bản chất của văn hóa tổ chức 3.1.2. Các dạng văn hóa chung 3.1.3. Các yếu tố của văn hóa khởi nghiệp 3.1.4. Văn hóa trong văn hóa 3.1.5. Sự lãnh đạo và văn hóa	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	+ Phương pháp thuyết trình, câu hỏi gợi mở, học nhóm	CLO 1; CLO 2; CLO 3 CLO 4	
3.2. Khó khăn trong thực hiện khởi nghiệp 3.2.1. Khuôn khổ nhận biết được những trở ngại 3.2.2. Giới hạn của doanh nghiệp khởi nghiệp 3.2.3. Doanh nghiệp đổi mới 3.2.4. Vượt qua những trở ngại và khó khăn	4	0	8				

3.2.5. Tập trung giải quyết trở ngại đúng thời điểm							Phòng học
3.3. Dẫn dắt tổ chức kinh doanh 3.3.1. Nhà quản lý cấp cao trong tổ chức khởi nghiệp 3.3.2. Mệnh lệnh của các nhà lãnh đạo chiến lược 3.3.3. Quản trị song hành: Cân bằng giữa mới và cũ 3.3.4. Nhà quản lý cấp trung: Mấu chốt trong tổ chức khởi nghiệp 3.3.5. Hướng dẫn cho lãnh đạo trong các cấp	2	0	4				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO 1,2,3, 4	
CHƯƠNG 4: ĐÁNH GIÁ VÀ TÁI CẤU TRÚC DOANH NGHIỆP KHỞI NGHIỆP	9	0	18				
4.1. Đánh giá hoạt động khởi nghiệp trong công ty 4.1.1. Hệ thống tiếp cận: đánh giá sức khỏe khởi nghiệp 4.1.2. Đánh giá dự án khởi nghiệp độc lập 4.1.3. Phát triển kế hoạch 4.1.4. Xây dựng kế hoạch liên hoàn toàn diện 4.1.5. Khởi nghiệp phù hợp: tập trung 2 mặt	4	0	8	A1.1 A1.2 A2	+Phương pháp thuyết trình, diễn giải, câu hỏi gợi mở, học nhóm	CLO 1; CLO 2; CLO 3	
4.2 Kiểm soát và hoạt động khởi nghiệp 4.2.1. Bản chất của kiểm soát trong tổ chức 4.2.2. Chiều kích của kiểm soát và khởi nghiệp 4.2.3. Tiếp cận kiểm soát và khởi nghiệp như một sự bổ sung 4.2.4. Mở rộng trên khái niệm xa lầy 4.2.5. Kiểm soát chi phí 4.2.6. Khái niệm hồ lợi nhuận	5	0	10				
Bài tập nhóm	1	0	2	A1.3		CLO 2,3,4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần ^[20]	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài ^[19]	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1,2,3,4	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập nhóm		CLO2,3,4	15
				100	-	
Tổng						30
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1,2,3,4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 3:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Kiến thức</i>		
Hiểu	Các khái niệm liên quan về khởi sự kinh doanh và quản trị khởi sự Cách giải thích về tư chất và kiến thức cần thiết của chủ doanh nghiệp	10
Vận dụng	Kiến thức để phân tích, lập kế hoạch kinh doanh, nhận diện và đánh giá ý tưởng khởi sự kinh doanh	10
Phân tích	Các nội dung cụ thể trong bản kế hoạch kinh doanh, chiến lược khởi sự kinh doanh và phát triển doanh nghiệp	10
<i>Kỹ năng</i>		
Vận dụng	Cách lập bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh và tạo lập doanh	40

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Kiến thức</i>		
	ngành, mà trên đánh giá ý tưởng kinh doanh khả thi nhằm giải quyết các vấn đề và đưa ra quyết định chính xác trước khi triển khai kinh doanh	
Chuẩn hóa	Phân tích chiến lược và quản trị khởi sự kinh doanh	30
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá trong cả quá trình học:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10- 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập, thể hiện lập trường chính trị không đúng đắn và không phản bác các quan điểm sai trái.	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập, thỉnh thoảng thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập, thường xuyên thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập, tích cực thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	40
Tổng					100

A1.3 – Bài tập nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 4:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; Có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; Có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2

A2 - Bài thi tự luận cuối kỳ được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Kiến thức</i>		
Hiểu	Cách lập ma trận đánh giá, các nội dung chính bản kế hoạch kinh doanh, các hoạt động triển khai kinh doanh	10
Vận dụng	Vận dụng kiến thức để lập kế hoạch kinh doanh thực tế	10
Phân tích	Nội dung chi tiết đánh giá ý tưởng kinh doanh, lập kế hoạch kinh	10

Mức độ	Các tiêu chí đánh giá	Tỷ trọng (%)
	doanh	
<i>Kỹ năng</i>		
Vận dụng	Các nội dung chính trong bản kế hoạch kinh doanh du lịch và lữ hành, ma trận đánh giá ý tưởng kinh doanh, kế hoạch tạo lập doanh nghiệp	40
Chuẩn hóa	Cách lập bản kế hoạch kinh doanh hoàn chỉnh và kế hoạch tạo lập doanh nghiệp nhằm giải quyết các vấn đề trước khi triển khai kinh doanh	30
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Khoa học lãnh đạo**
 - + Tiếng Anh: **Leadership Science**
- Mã học phần ^[1]: KTKD215
- Số tín chỉ: 03
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy ^[2]: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết ^[4]: Không
- Học phần học trước ^[5]: Không
- Học phần song hành ^[6]: Không
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:
 - + Lý thuyết: 45 giờ
 - + Thực hành: 00 giờ
 - + Tự học: 90 giờ
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.
- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

2. Mô tả học phần ^[8]

Học phần Khoa học lãnh đạo thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần giúp cho người học phát triển những kiến thức nền tảng và chuyên sâu, mang tính ứng dụng về lãnh đạo như phẩm chất và năng lực lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, Quyền lực và sự ảnh hưởng, các phong cách và học thuyết lãnh đạo, lãnh đạo sự thay đổi, lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0. Từ đó giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CĐR của CTĐT ^[10]
CO1	Hệ thống hóa các kiến thức chung về lãnh đạo, phẩm chất và năng lực của lãnh đạo; kỹ năng lãnh đạo; quyền lực và sự ảnh hưởng; các phong cách lãnh đạo trong thực hành quản trị kinh doanh.	PLO2
CO2	Kết hợp các kỹ năng ra quyết định, phát triển kỹ năng nghiên cứu độc lập và kỹ năng ứng dụng để giải quyết các vấn đề thực tiễn của nhà quản trị chuyên nghiệp và đề xuất những sáng kiến có giá trị.	PLO6
CO3	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, xây dựng phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CĐR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CĐR học phần ^[13]
<i>CĐR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Vận dụng được các vấn đề cơ bản về lãnh đạo như chức năng của lãnh đạo, hiệu quả lãnh đạo, phẩm chất và năng lực của lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, phong cách lãnh đạo ... vào thực tiễn.	3/6	10
	CLO2	Phân tích được các nội dung trong phạm trù lãnh đạo bao gồm: Phẩm chất và năng lực lãnh đạo; Kỹ năng lãnh đạo; Quyền lực và sự ảnh hưởng; Lãnh đạo sự thay đổi; Lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0.	4/6	10
<i>CĐR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Thể hiện linh hoạt các phong cách lãnh đạo nhằm giải quyết các vấn đề trong thực tế.	4/5	30
	CLO4	Thực hiện thành thạo các kỹ năng, phương pháp lãnh đạo để áp dụng trong giải quyết vấn đề phức tạp trong thực tiễn;	4/5	30
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Tổng hợp ý tưởng lãnh đạo mới hoặc lãnh đạo hiệu quả cho doanh nghiệp, khả năng tự thích nghi với môi trường làm việc	3/5	10
	CLO6	Có phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	3/5	10
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập ^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Văn Hà (2023), *Leadership*, NXB Lao động.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Lê Văn Chiến, Bùi Phương Đình (2021), *Khoa học Lãnh đạo*, NXB Lý luận chính trị.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần				
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5
1	Thuyết trình			X	X	X
2	Câu hỏi gợi mở	X	X	X		
3	Diễn giải	X	X	X	X	X
4	Tranh luận		X	X		

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ LÃNH ĐẠO	5	0	10				
1.1. Khái niệm và vai trò của lãnh đạo 1.1.1. Khái niệm lãnh đạo và nghệ thuật lãnh đạo 1.1.2. Vai trò của nhà lãnh đạo 1.1.3. Chức năng của nhà lãnh đạo 1.1.4. Sự khác nhau giữa lãnh đạo và quản lý	2	0	4	A1.1 A1.2 A1.3 A2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp diễn giải, gợi mở	CLO1, CLO2, CLO3	(+)Trong trường: Phòng học
1.2. Hiệu quả lãnh đạo 1.2.1. Quan điểm về hiệu quả lãnh đạo 1.2.2. Tiêu chí đánh giá hiệu quả lãnh đạo	1	0	2				
1.3. Các cách tiếp cận chủ yếu trong nghiên cứu về lãnh đạo 1.3.1. Tiếp cận theo quyền lực và sự ảnh hưởng 1.3.2. Tiếp cận theo phẩm chất 1.3.3. Tiếp cận theo phong cách	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
1.3.4. Tiếp cận theo tình huống 1.3.5. Tiếp cận người lãnh đạo mới về chất.							(+)Trong trường: Phòng học
CHƯƠNG 2. PHẨM CHẤT VÀ NĂNG LỰC LÃNH ĐẠO	5	0	10				
2.1. Phẩm chất lãnh đạo 2.1.1. Có tầm nhìn xa trông rộng 2.1.2. Khả năng chịu áp lực 2.1.3. Tự tin vào bản thân 2.1.4. Kiên định, vững vàng 2.1.5. Thái độ lạc quan 2.1.6. Định hướng thành tựu 2.1.7. Tinh thần trách nhiệm 2.1.8. Nhu cầu quyền lực 2.1.9. Có uy tín	3	0	6	A1.1, A1.2, A1.3, A2	+ Phương pháp thuyết trình, diễn giải, gợi mở, tranh luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4	
2.2. Năng lực lãnh đạo 2.2.1. Các yếu tố cấu thành năng lực lãnh đạo 2.2.2. Đánh giá và phát triển năng lực lãnh đạo	2	0	4				
CHƯƠNG 3. KỸ NĂNG LÃNH ĐẠO	7	0	14				
3.1. Kỹ năng chuyên môn	1	0	2	A1.1 A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình, câu hỏi gợi mở, tranh luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
3.2. Kỹ năng làm việc với con người 3.2.1. Kỹ năng giao tiếp trong kinh doanh 3.2.2. Kỹ năng đàm phán trong kinh doanh 3.2.3. Kỹ năng trao quyền ủy quyền 3.2.4. Kỹ năng quản trị xung đột 3.2.5. Kỹ năng tạo động lực làm việc	3	0	6				
3.3. Kỹ năng chuyên biệt trong quản trị điều hành 3.3.1. Kỹ năng giải quyết vấn đề và ra quyết định 3.3.2. Kỹ năng thiết kế các yếu tố thương hiệu 3.3.3. Kỹ năng lập kế hoạch kinh doanh 3.3.4. Kỹ năng phân tích tài chính	2	0	4				
3.4. Kỹ năng cá nhân 3.4.1. Kỹ năng quản lý bản thân	1	0	2				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
3.4.2. Kỹ năng quản lý thời gian 3.4.3. Xây dựng thương hiệu cá nhân							(+)Trong trường: Phòng học
CHƯƠNG 4. QUYỀN LỰC VÀ SỰ ẢNH HƯỞNG	6	0	12				
4.1. Quyền lực 4.1.1. Khái niệm 4.1.2. Nguồn gốc và các yếu tố cấu thành quyền lực 4.1.3. Một số nguyên tắc trong sử dụng quyền lực	1	0	2	A1.1 A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, gợi mở, tranh luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	(+)Trong trường: Phòng học
4.2. Sự ảnh hưởng 4.2.1. Khái niệm 4.2.2. Mục tiêu và kết quả của việc gây ảnh hưởng	1	0	2				
4.3. Mối quan hệ giữa quyền lực, lãnh đạo và sự ảnh hưởng	1	0	2				
4.4. Chiến lược gây ảnh hưởng nhằm tạo quyền lực cho người lãnh đạo	1	0	2				
4.5. Ứng dụng về tâm ảnh hưởng 4.5.1. Hiểu rõ cấp độ hiện tại của bạn 4.5.2. Thấu hiểu và áp dụng những phẩm chất cần thiết để thành công ở mỗi cấp độ	1	0	2				
4.6. Kinh nghiệm xây dựng quyền lực và sự ảnh hưởng 4.6.1. Quyền lực pháp lý 4.6.2. Quyền lực khen thưởng 4.6.3. Quyền lực cưỡng bức 4.6.4. Quyền lực chuyên gia 4.6.5. Quyền lực nhân cách	1	0	2				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1, 2,3,4	
CHƯƠNG 5. CÁC PHONG CÁCH VÀ HỌC THUYẾT LÃNH ĐẠO	6	0	12				
5.1. Khái niệm phong cách lãnh đạo	1	0	2	A1.2 A1.3 A2	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, gợi mở, tranh luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
5.2. Các phong cách lãnh đạo 5.2.1. Nghiên cứu của Kurt Lewin 5.2.2. Mô hình của trường đại học bang Ohio 5.2.3. Nghiên cứu hệ thống quản lý của Likert 5.2.4. Sơ đồ mạng lưới lãnh đạo	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
5.2.5. Phong cách lãnh đạo tự quyết, hiệp thương và tập thể của Victor H.Room							(+)Trong trường: Phòng học
5.3. Lựa chọn phong cách lãnh đạo	1	0	2				
5.4. Mô hình nhà lãnh đạo tài năng							
5.4.1. Các tiếp cận về năng lực lãnh đạo	2	0	4				
5.4.2. Một số mô hình nghiên cứu về năng lực							
5.4.3. Các mô hình lãnh đạo							
CHƯƠNG 6. LÃNH ĐẠO SỰ THAY ĐỔI	8	0	16				
6.1. Khái niệm, nguyên nhân và phương pháp thay đổi							
6.1.1. Khái niệm							
6.1.2. Nguyên nhân							
6.1.3. Các phương pháp thay đổi trong tổ chức	2	0	4				
6.1.4. Sự cần thiết phải thay đổi trong tổ chức							
6.1.5. Các nguyên tắc để thay đổi hiệu quả							
6.2. Quá trình thay đổi							
6.2.1. Các giai đoạn trong quá trình thay đổi – Kurt Lewin	1	0	2				
6.2.2. Các giai đoạn phản ứng lại sự thay đổi							
6.2.3. Kinh nghiệm đi trước và sự phản ứng lại với sự thay đổi							
6.3. Rào cản sự thay đổi							
6.3.1. Sự thay đổi không cần thiết							
6.3.2. Sự thay đổi là không khả thi							
6.3.3. Sự thay đổi không mang lại hiệu quả kinh tế							
6.3.4. Sự thay đổi làm nguy hại đến lợi ích cá nhân	2	0	4				
6.3.5. Sự thay đổi không phù hợp với các giá trị, niềm tin của cá nhân, tổ chức							
6.3.6. Người lãnh đạo không đáng tin							
6.3.7. Sự tự mãn, quyên thuộc với môi trường hiện tại và sự lo sợ cần phải học những kỹ năng mới							

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
6.4. Lãnh đạo sự thay đổi 6.4.1. Tạo ra một cảm giác cấp bách về sự cần thiết phải thay đổi 6.4.2. Truyền đạt tầm nhìn về lợi ích thu được từ thay đổi 6.4.3. Xác định các yếu tố hỗ trợ, ngăn cản sự thay đổi 6.4.4. Xây dựng liên minh hỗ trợ cho sự thay đổi 6.4.5. Sử dụng bộ phận chuyên trách hướng dẫn thực thi sự thay đổi 6.4.6. Xác định “vị trí chủ chốt” có thẩm quyền là tác nhân thay đổi 6.4.7. Trao quyền cho nhân viên lập kế hoạch và thực thi sự thay đổi 6.4.8. Đưa ra các điển hình về sự thay đổi	2	0	4				(+)Trong trường: Phòng học
6.5. Tầm nhìn và sự thay đổi 6.5.1. Các đặc điểm của một tầm nhìn tốt 6.5.2. Các yếu tố của một tầm nhìn tốt 6.5.3. Các bước xây dựng một tầm nhìn hiệu quả	1	0	2				
CHƯƠNG 7. LÃNH ĐẠO TRONG THỜI ĐẠI CÔNG NGHỆ 4.0	6	0	12				
7.1. Đặc điểm nhân sự thời đại công nghệ 4.0 7.1.1. Thế hệ Gen X 7.1.2. Thế hệ Gen Y 7.1.3. Thế hệ Gen Z 7.1.4. Sự khác nhau giữa Gen X, Gen Y và Gen Z	3	0	6	A1.2 A1.4 A2	Phương pháp thuyết trình, diễn giải, gợi mở, tranh luận	CLO1, CLO2, CLO3, CLO4, CLO5	
7.2. Lãnh đạo trong thời đại 4.0 7.2.1. Đặc điểm của cách mạng công nghiệp 4.0 7.2.2. Các đặc điểm của lãnh đạo trong thời đại công nghiệp công nghệ 4.0	3	0	6				
Thuyết trình	1	0	2	A1.4		CLO2, 3,4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với CDR

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	80	CLO1, 2, 3, 4	15
		A1.2	Chuyên cần	20	CLO5,6	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Bài tập	20	CLO1, 2, 3, 4	15
		A1.4	Thuyết trình	80	CLO 2, 3, 4	
		Tổng		100	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO1, 2, 3, 4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 1, 2, 3, 4:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các nội dung liên quan đến lãnh đạo như: Khái niệm, vai trò, phẩm chất, năng lực, kỹ năng, quyền lực và sự ảnh hưởng, phong cách lãnh đạo	20
Hiểu	Các vấn đề liên quan lãnh đạo.	10
Vận dụng	Tâm ảnh hưởng, thấu hiểu những phẩm chất cần thiết để thành công ở mỗi cấp độ	10
Phân tích	Phẩm chất, năng lực lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, phong cách lãnh đạo	40

<i>Về kỹ năng</i>		
Chuẩn hoá	Các phong cách lãnh đạo và học thuyết lãnh đạo, lãnh đạo sự thay đổi, lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0.	20
Tổng		100

A1.2. Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi học xong chương 1, 2, 3, 4, 5, 6,7:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Trọng số
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5 - 6,9 điểm)	Điểm B (7,0 - 8,4 điểm)	Điểm A (8,5 - 10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10 - 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0 -10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp.	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.3 - Bài tập được đánh giá sau khi học xong chương 1, 2, 3, 4, 5, 6, 7:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các nội dung liên quan đến phân đoạn thị trường, hình thức trả lương, chỉ tiêu tài chính, chỉ tiêu hiệu quả kinh doanh	20
Hiểu	Các vấn đề liên quan hiệu quả kinh doanh, tài chính doanh nghiệp, hình thức trả lương	10
Vận dụng	Chỉ tiêu để đánh giá hiệu quả kinh doanh, tài chính doanh nghiệp, tiền lương chi trả	10
Phân tích	Tiền lương, tài chính, hiệu quả doanh nghiệp nhằm đưa ra phương án lựa chọn chiến lược phù hợp.	30
<i>Về kỹ năng</i>		
Chuẩn hoá	Các phương pháp đánh giá và phân tích tình hình tài chính, phân đoạn thị trường, thù lao chi trả, hiệu quả kinh doanh thông qua năng lực cá nhân.	30
Tổng		100

A1.4 - Bài thuyết trình được đánh giá sau khi học xong chương 7:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Trình bày Slide Hoặc Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện tương đối thành thạo trong trình bày	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày	0,5
Thuyết trình, bảo vệ Hoặc Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu hỏi yếu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi trình bày; Trả lời câu hỏi kém	Phần trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình	Phần trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ	Phần trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ	0,3
Mức độ	Mức độ	Mức độ tham	Mức độ tham	Mức độ tham	Mức độ tham	0,2

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
tham gia	tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi kết thúc học phần:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Các nội dung liên quan đến vai trò, chức năng, hiệu quả lãnh đạo, phẩm chất và năng lực lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, quyền lực lãnh đạo	20
Hiểu	Các vấn đề liên quan đến lãnh đạo như các phong cách lãnh đạo, hiệu quả lãnh đạo	10
Vận dụng	Các phong cách lãnh đạo, lãnh đạo sự thay đổi, lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0	10
Phân tích	Phẩm chất và năng lực của lãnh đạo, quyền lực và sự ảnh hưởng, một số tình huống về phong cách lãnh đạo trong doanh nghiệp.	30
<i>Về kỹ năng</i>		
Chuẩn hoá	Các phong cách lãnh đạo, kỹ năng lãnh đạo, lãnh đạo sự thay đổi, lãnh đạo trong thời đại công nghệ 4.0.	30
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Văn hóa tổ chức**
 - + Tiếng Anh: **Organizational Culture**
- Mã học phần: **KTKD216**
- Số tín chỉ: **03**
- Ngôn ngữ giảng dạy: **Tiếng Việt**
- Hình thức giảng dạy : **Trực tiếp**
- Đối tượng học: **Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh**
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo:
- + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
- + Kiến thức cơ sở ngành và chuyên ngành: ☐ Bắt buộc ☒ Tự chọn
- + Đề án tốt nghiệp: ☐
- Học phần tiên quyết: **Không**
- Học phần học trước: **Không**
- Học phần song hành: **Không**
- Giờ học tập đối với các hoạt động:
 - + Lý thuyết: **45 giờ**
 - + Thực hành: **0 giờ**
 - + Tự học: **90 giờ**
- Bộ môn phụ trách học phần: **Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.**
- Loại hình thực hành/ thực tập: **Không.**

2. Mô tả học phần

Học phần “Văn hóa tổ chức” trang bị cho người học những kiến thức và công cụ phân tích, xây dựng và phát triển văn hóa trong tổ chức. Học viên sẽ tìm hiểu các mô hình văn hóa tổ chức, vai trò của văn hóa trong quản trị chiến lược, ảnh hưởng của văn hóa đến hành vi tổ chức, và các phương pháp quản trị sự thay đổi văn hóa. Ngoài ra, học phần còn lồng ghép các tình huống thực tiễn từ doanh nghiệp Việt Nam và quốc tế nhằm tăng tính ứng dụng cho người học.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần	CDR của CTĐT
CO1	Trình bày được các lý thuyết, mô hình và yếu tố cấu thành văn hóa tổ chức	PLO2
CO2	Phân tích ảnh hưởng của văn hóa đến hoạt động quản trị và hiệu quả tổ chức	PLO4
CO3	Vận dụng kiến thức để đánh giá, xây dựng và phát triển văn hóa tổ chức phù hợp	PLO6, PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần	Nội dung chuẩn đầu ra học phần	Mức độ	Trọng số CDR học phần (%)
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích được các khái niệm cốt lõi, cấp độ (Schein) và các mô hình văn hóa tổ chức (Deal & Kennedy, Hofstede, CVF)	4/6	27
	CLO2	Phân tích mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức với hành vi tổ chức và hiệu quả hoạt động	4/6	33
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Áp dụng các công cụ đo lường văn hóa (OCAI, Denison) để phân tích và đưa ra giải pháp thay đổi phù hợp	3/5	28
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO4	Đề xuất giải pháp phát triển văn hóa tổ chức tích cực, phù hợp chiến lược và có trách nhiệm xã hội	3/5	12
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Mạnh Quân (2015), Đạo đức kinh doanh và Văn hóa doanh nghiệp, NXB ĐH Kinh tế quốc dân;
2. Đỗ Thị Phi Hoài (2009), Văn hóa doanh nghiệp, NXB Tài Chính.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Lê Việt Hưng, Phan Đình Quyền, Nguyễn Hữu Nhuận (2023), *Văn hóa tổ chức và lãnh đạo*, NXB Kinh tế TP. Hồ Chí Minh;
2. Đinh Việt Hòa (2018), *Văn hóa tổ chức và phần mềm tư duy*, NXB Đại học Quốc gia.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần			
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4
1	Giảng dạy lý thuyết	x	x	x	
2	Thảo luận nhóm		x	x	x
3	Phân tích tình huống	x	x		
4	Thuyết trình	x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ VĂN HÓA TỔ CHỨC	6	0	12				
1.1. Khái niệm văn hóa tổ chức 1.1.1. Các định nghĩa về văn hóa tổ chức 1.1.2. Đặc trưng của văn hóa tổ chức 1.1.3. Vai trò và chức năng của văn hóa tổ chức trong doanh nghiệp	2	0	4	A1.1	+ Phương pháp Giảng dạy lý thuyết + Phương pháp Thuyết trình	CLO1, CLO2	(+)Trong trường: Phòng học
1.2. Các cấp độ của văn hóa tổ chức theo Edgar Schein 1.2.1. Cấp độ hữu hình 1.2.2. Giá trị được tuyên bố 1.2.3. Giá định nền tảng	2	0	4				
1.3. Phân biệt văn hóa tổ chức và các khái niệm liên quan 1.3.1. Văn hóa doanh nghiệp 1.3.2. Văn hóa tổ chức và đạo đức 1.3.3. Văn hóa và hình ảnh tổ chức	2	0	4				
CHƯƠNG 2. CÁC MÔ HÌNH VĂN HÓA TỔ CHỨC	10	0	20				
2.1. Mô hình văn hóa của Deal & Kennedy 2.1.1. Bốn loại văn hóa trong mô hình 2.1.2. Ứng dụng mô hình vào doanh nghiệp 2.1.3. Phê bình mô hình	3	0	6		+ Phương pháp Giảng dạy lý thuyết + Phân tích tình huống + Thảo luận nhóm	CLO1, CLO2	(+)Trong trường: Phòng học

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
2.2. Mô hình văn hóa Hofstede và Trompenaars 2.2.1. Các chiều văn hóa quốc gia của Hofstede 2.2.2. So sánh mô hình Trompenaars 2.2.3. Ảnh hưởng tới quản trị đa văn hóa	3	0	6	A1.4, A1.5, A2			
2.3. Mô hình giá trị cạnh tranh (CVF) 2.3.1. Bốn loại văn hóa: Clan, Adhocracy, Market, Hierarchy 2.3.2. Ứng dụng CVF trong đánh giá và thay đổi văn hóa 2.3.3. Mối liên hệ giữa CVF và hiệu quả tổ chức	4	0	8				
CHƯƠNG 3. VĂN HÓA VÀ HÀNH VI TỔ CHỨC	8	0	16				
3.1. Văn hóa và hành vi cá nhân trong tổ chức 3.1.1. Sự ảnh hưởng đến nhận thức và động lực 3.1.2. Mối quan hệ giữa giá trị cá nhân và tổ chức 3.1.3. Trải nghiệm văn hóa của nhân viên mới	2	0	4	A2	+ Pháp Giảng dạy lý thuyết + Phương pháp Thuyết trình + Phương pháp thảo luận nhóm	CLO2, CLO4	(+)Trong trường: Phòng học
3.2. Văn hóa và hành vi nhóm 3.2.1. Chuẩn mực nhóm và ảnh hưởng xã hội 3.2.2. Văn hóa nhóm trong tổ chức học tập 3.2.3. Văn hóa phản hồi và học hỏi	3	0	6				
3.3. Sự phù hợp giữa cá nhân và tổ chức 3.3.1. Khái niệm "fit" trong tổ chức 3.3.2. Hệ quả của sự phù hợp văn hóa 3.3.3. Tuyển dụng và giữ chân nhân tài	2	0	4				
Bài kiểm tra tự luận	1	0	2	A1.1		CLO1 CLO2	
CHƯƠNG 4. VĂN HÓA VÀ HIỆU QUẢ TỔ CHỨC	7	0	14				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
4.1. Mối quan hệ giữa văn hóa và hiệu quả hoạt động 4.1.1. Các nghiên cứu thực nghiệm 4.1.2. Các yếu tố trung gian: gắn kết, sáng tạo 4.1.3. Lợi thế cạnh tranh từ văn hóa	2	0	4		+ Phương pháp Giảng dạy lý thuyết + Phương pháp Thuyết trình	CLO2, CLO3, CLO4,	(+)Trong trường: Phòng học
4.2. Đo lường và đánh giá văn hóa tổ chức 4.2.1. Công cụ đo lường: OCAI, Denison 4.2.2. Quy trình khảo sát văn hóa 4.2.3. Phân tích và phản hồi kết quả	2	0	4				
4.3. Vai trò của lãnh đạo trong định hình văn hóa 4.3.1. Lãnh đạo và tầm ảnh hưởng văn hóa 4.3.2. Truyền thông văn hóa hiệu quả 4.3.3. Văn hóa lãnh đạo chuyển đổi	3	0	6				
CHƯƠNG 5. THAY ĐỔI VÀ PHÁT TRIỂN VĂN HÓA	7	0	14				
5.1. Động lực và nguyên nhân thay đổi văn hóa 5.1.1. Thay đổi môi trường kinh doanh 5.1.2. Khủng hoảng và tái cấu trúc 5.1.3. Thay đổi chiến lược phát triển	2	0	4		+ Phương pháp Giảng dạy lý thuyết + Phương pháp Thuyết trình	CLO3, CLO4	(+)Trong trường: Phòng học
5.2. Chiến lược và quy trình thay đổi văn hóa 5.2.1. Mô hình thay đổi Lewin và Kotter 5.2.2. Tăng cường sự tham gia và đồng thuận 5.2.3. Quản trị kháng cự thay đổi	2	0	4				
5.3. Lãnh đạo và phát triển văn hóa tích cực 5.3.1. Lãnh đạo hướng giá trị 5.3.2. Gắn kết nhân viên vào quá trình thay đổi 5.3.3. Xây dựng văn hóa đổi mới và học hỏi	3	0	6				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 6. VĂN HÓA TỔ CHỨC TRONG THỰC TIỄN	7	0	14				
6.1. Tình huống doanh nghiệp Việt Nam 6.1.1. Phân tích văn hóa FPT, Viettel, Vingroup 6.1.2. Văn hóa trong doanh nghiệp nhà nước vs tư nhân 6.1.3. Hạn chế và tiềm năng phát triển	2	0	4		+ Pháp Giảng dạy lý thuyết + Phương pháp Thuyết trình + Phương pháp thảo luận nhóm	CLO2, CLO3, CLO4	(+) Trong trường: Phòng học
6.2. So sánh văn hóa tổ chức quốc tế 6.2.1. Doanh nghiệp Mỹ, Nhật Bản, Hàn Quốc 6.2.2. Bài học quản trị đa văn hóa 6.2.3. Ứng dụng cho doanh nghiệp Việt hội nhập	2	0	4				
6.3. Xây dựng văn hóa tổ chức bền vững 6.3.1. Liên kết văn hóa với chiến lược phát triển 6.3.2. Văn hóa vì trách nhiệm xã hội (CSR) 6.3.3. Đo lường, duy trì và làm mới văn hóa	2	0	4				
Thảo luận nhóm	1	0	2	A1.3		CLO2, CLO3, CLO4	
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi trên lớp;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra tự luận	50	CLO1 CLO2	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO4	
		Tổng		100	-	
	Điểm số 2	A1.3	Thảo luận nhóm	100	CLO2, CLO3, CLO4	15
		Tổng		100	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	-	CLO1,2,3	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra tự luận được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
Nhớ	Tên và nội dung chính của các mô hình văn hóa phổ biến (Schein, Deal & Kennedy, Hofstede...).	20
Hiểu	- Sự khác biệt giữa các loại hình văn hóa tổ chức. - Mối quan hệ giữa văn hóa tổ chức và hành vi cá nhân trong doanh nghiệp.	25
Áp dụng	- Các mô hình văn hóa tổ chức để phân tích tình huống đơn giản từ thực tiễn doanh nghiệp Việt Nam. - Mô hình với đặc điểm văn hóa nhóm/cá nhân.	25
Phân tích	- Sự khác biệt văn hóa giữa hai tổ chức theo các mô hình đã học. - Nguyên nhân dẫn đến mâu thuẫn văn hóa trong một tình huống cụ thể.	30
Tổng		100

A1.2 - Điểm chuyên cần được đánh giá sau khi học xong chương 6:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				
	Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	Trọng số
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp từ trên 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10-20%	Vắng mặt trên lớp từ trên – 0-10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	0,6
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học; có rất nhiều vi phạm trong quá trình học tập	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập	0,4

A1.3 - Thảo luận nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 4,5,6:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5 – 6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5 – 10 điểm)	
Hình thức bài thảo luận nhóm	Sơ sài, không đủ dung lượng	Đủ dung lượng, trình bày rõ ràng	Rõ ràng, logic	Rõ ràng, logic, phong phú	Rõ ràng, logic, phong phú, đẹp	0,2
Nội dung bài thảo luận nhóm	Không có nội dung hoặc nội dung không phù hợp yêu cầu	Đa số các nội dung không phù hợp yêu cầu, luận giải không rõ ràng	Một số nội dung chưa phù hợp yêu cầu, chưa luận giải rõ ràng	Nội dung phù hợp yêu cầu, luận giải rõ ràng	Nội dung rất phù hợp yêu cầu, luận giải rất rõ ràng và rất dễ hiểu	0,6

Mức độ tham gia	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất thấp; không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm thấp; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm trung bình; hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Tham gia sinh hoạt nhóm, thảo luận, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2
-----------------	--	---	---	--	---	-----

A2 - Bài thi kết thúc học phần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Mức độ	Các nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Khái niệm văn hóa tổ chức. Vai trò, chức năng, đặc điểm của văn hóa tổ chức. Tên và nội dung các mô hình văn hóa.	15
Hiểu	Sự khác biệt giữa các mô hình văn hóa (Schein, Hofstede, Trompenaars...).	22
	Mối quan hệ giữa văn hóa và hành vi tổ chức.	
Áp dụng	Mô hình văn hóa vào phân tích một tình huống doanh nghiệp cụ thể. Thực tiễn văn hóa tổ chức trong môi trường công sở Việt Nam.	15
Phân tích	Sự khác biệt về văn hóa tổ chức giữa các loại hình doanh nghiệp (tư nhân, nhà nước, đa quốc gia...).	15
	Tác động của văn hóa đến hiệu quả tổ chức.	
<i>Về kỹ năng</i>		
Chuẩn hoá	Xây dựng một đề xuất thay đổi hoặc phát triển văn hóa tổ chức dựa trên tình huống có thật hoặc mô phỏng. Trình bày, bảo vệ ý tưởng và phản biện nhóm.	33
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:

+ Tiếng Việt:

+ Tiếng Anh:

- Mã học phần ^[1]:

- Số tín chỉ:

- Ngôn ngữ giảng dạy:

- Hình thức giảng dạy ^[2]:

- Đối tượng học:

- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:

+ Kiến thức chung:

+ Kiến thức cơ sở ngành và ngành:

+ Đề án tốt nghiệp:

- Học phần tiên quyết ^[4]:

- Học phần học trước ^[5]:

- Học phần song hành ^[6]:

- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]:

+ Lý thuyết:

+ Thực hành:

+ Tự học:

- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.

- Loại hình thực hành/ thực tập: Không.

**Chiến lược trách nhiệm xã hội của
doanh nghiệp**

StrategyCorporate Social Responsibility

KTKD217

03

Tiếng Việt

Trực tiếp

Học viên cao học ngành quản trị kinh doanh

☐ Bắt buộc

☐ Tự chọn

☐ Bắt buộc

☒ Tự chọn

☐

Không

Không

Không

45 giờ

00 giờ

90 giờ

2. Mô tả học phần ^[8]

Học phần Chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp thuộc khối kiến thức chuyên ngành tự chọn của ngành Quản trị kinh doanh. Học phần tập trung nghiên cứu những kiến thức cơ bản tạo cơ sở cho người học phát triển những kiến thức nền tảng về chiến lược thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp như tiêu chuẩn thực hiện xã hội, nội dung thực hiện trách nhiệm xã hội, lợi ích và rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội, hoạch định trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hiện trách nhiệm

xã hội, đánh giá và cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội. Từ đó giúp người học triển khai áp dụng vào công việc trong tương lai.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT ^[10]
CO1	Hệ thống hóa được các kiến thức căn bản về trách nhiệm xã hội, thực hiện trách nhiệm xã hội, tiêu chuẩn và nội dung thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp, phân tích được những lợi ích và rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội, xây dựng mối liên hệ logic giữa hoạch định chiến lược trách nhiệm xã hội với tổ chức triển khai trách nhiệm xã hội, đánh giá và cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội, truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội phục vụ cho hoạt động quản trị doanh nghiệp trong tương lai.	PLO2
CO2	Thực hiện thành thạo các kỹ năng chuyên môn như phân tích, hoạch định, triển khai, đánh giá chiến lược trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp và kế hoạch tác nghiệp để giải quyết các tình huống trong thực tiễn kinh doanh. Thực hiện thành thạo các kỹ năng, phương pháp nghiên cứu, khai thác, phân tích dữ liệu để áp dụng trong nhận diện các lợi ích và rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội, kết hợp đánh giá và giải quyết vấn đề phức tạp liên quan tới quản trị thực hành trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp trong thực tiễn;	PLO5; PLO7
CO3	Tuân thủ pháp luật và nội quy của tổ chức, xây dựng phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc. Chủ động cập nhật kiến thức, trau dồi kỹ năng nhằm đáp ứng các yêu cầu công việc.	PLO9

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CDR học phần ^[13]
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Phân tích các góc nhìn về trách nhiệm xã hội và thực hiện trách nhiệm xã hội, các nguyên tắc thực hiện trách nhiệm xã hội, truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội.	4/6	25
	CLO2	Vận dụng những lợi ích, rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội, cải tiến chất lượng xã hội.	3/6	20
<i>CDR về kỹ năng</i>				
CO2	CLO3	Sử dụng các kỹ năng để giải quyết các vấn đề liên quan đến hoạch định chiến lược trách nhiệm xã hội, tổ chức triển khai thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp.	2/5	20
	CLO4	Nắm vững các vấn đề lợi ích, rào cản thực hiện trách nhiệm xã hội, xây dựng chiến lược truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp	3/5	20

Mục tiêu học phần	CĐR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CĐR học phần ^[13]
		ngành.		
<i>CĐR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	Đề xuất xây dựng các quy định của pháp luật và nội quy của tổ chức.	3/5	7,5
	CLO6	Có phẩm chất một người công dân có đạo đức nghề nghiệp tốt, trung thực, có tinh thần tìm tòi, khám phá và phát hiện ra những vấn đề thực tiễn kinh doanh, có ý thức trách nhiệm xã hội và sáng tạo trong quá trình làm việc.	3/5	7,5
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Thị Minh Nhân (chủ biên) (2020), Quản trị Thực hành Trách nhiệm xã hội, NXB Đại Học Quốc gia Hà Nội;
2. Nguyễn Ngọc Thắng (2020), *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, NXB Đại Học Quốc gia Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Hồ Viết Tiến (2020), *Trách nhiệm xã hội của doanh nghiệp*, NXB Kinh tế TP Hồ Chí Minh.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần^[15]

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Phương pháp thuyết trình	x	x				
2	Phương pháp vấn đáp			x	x		
3	Phương pháp câu hỏi gợi mở			x	x	x	x
4	Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề			x		x	x

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
(1)	(2)	(3)	(4)	(5)	(6)	(7)	(8)
CHƯƠNG 1. TỔNG QUAN VỀ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	6	0	12				
1.1. Trách nhiệm xã hội các góc nhìn 1.1.1. Các quan điểm và sự hình thành 1.1.2. Trách nhiệm xã hội – đạo đức kinh doanh – Văn hóa tổ chức – Phát triển bền vững 1.2. Thực hiện trách nhiệm xã hội – các tiếp cận 1.2.1. Tiếp cận theo góc độ thực hiện 1.2.2. Tiếp cận theo các bên liên quan 1.2.3. Tiếp cận theo hướng phát triển bền vững	2	0	2	A1.2, A1.1, A.2	+ Phương pháp thuyết trình + Phương pháp vấn đáp	CLO1, CLO3	Trong trường: Phòng học
1.3. Nguyên tắc thực hiện trách nhiệm xã hội 1.3.1. Trách nhiệm giải trình 1.3.2. Tính minh bạch 1.3.3. Hành vi đạo đức 1.3.4. Tôn trọng quyền lợi của các bên liên quan 1.3.5. Tôn trọng nguyên tắc pháp quyền 1.3.6. Tôn trọng chuẩn mực ứng xử quốc tế 1.3.7. Tôn trọng quyền con người	2	0	6				
1.4. Nội dung thực hiện trách nhiệm xã hội 1.4.1. Thực hiện trách nhiệm xã hội với người lao động 1.4.2. Thực hiện trách nhiệm với các đối tác 1.4.3. Thực hiện trách nhiệm xã hội với cộng đồng 1.4.4. Thực hiện trách nhiệm xã hội với môi trường	2	0	4				
CHƯƠNG 2. TIÊU CHUẨN THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI TOÀN CẦU	3	0	6				Trong trường:
2.1. Bộ quy tắc của bên mua	1	0	2		+ Phương pháp	CLO1,	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
2.1.1. Bên mua và mục đích của bộ quy tắc bên mua 2.1.2. Thực hiện bộ quy tắc bên mua 2.1.3. Một số bộ quy tắc bên mua				A1.2, A1.1, A.2	thuyết trình, + Phương pháp vấn đáp	CLO3	Phòng học
2.2. Bộ tiêu chuẩn thuộc chương trình cấp chứng chỉ của các tổ chức 2.2.1. Mục đích của chương trình cấp chứng chỉ. 2.2.2. Thực hiện chương trình cấp chứng chỉ 2.2.3. Một số chương trình cấp chứng chỉ	2	0	4				
2.3. Bộ tiêu chuẩn hướng dẫn 2.3.1. Sự ra đời của bộ tiêu chuẩn hướng dẫn 2.3.2. Một số bộ tiêu chuẩn hướng dẫn							
CHƯƠNG 3: QUẢN TRỊ THỰC HÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI: LỢI ÍCH VÀ RÀO CẢN	6	0	12				Trong trường: Phòng học
3.1. Khái quát về quản trị thực hành trách nhiệm xã hội 3.1.1. Quan điểm về quản trị thực hành và trách nhiệm xã hội 3.1.2. Nguyên tắc quản trị thực hành trách nhiệm xã hội.	1	0	2	A1.2, A1.1, A.2	+ Phương pháp thuyết trình, + Phương pháp vấn đáp + Phương pháp gợi mở	CLO1, CLO3 CLO4	
3.2. Lợi ích của quản trị thực hành trách nhiệm xã hội 3.2.1. Gia tăng các chỉ số kinh tế 3.2.2. Phát triển mối quan hệ với các đối tác 3.2.3. Tạo dựng niềm tin với khách hàng nội bộ 3.2.4. Nâng cao giá trị thương hiệu 3.2.5. Hiện thực hoá mục tiêu phát triển bền vững	3	0	6				
3.3. Rào cản đối với quản trị thực hành trách nhiệm xã hội. 3.3.1. Rào cản từ môi trường quốc tế. 3.3.2. Rào cản từ môi trường quốc gia và địa phương 3.3.3. Rào cản từ môi trường ngành 3.4.3. Rào cản từ môi trường tổ chức	2	0	4				
CHƯƠNG 4. HOẠCH ĐỊNH	5	0	10				Trong trường:

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
THỰC HÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI				A1.2, A1.1, A.2	+ Phương pháp thuyết trình, + Phương pháp vấn đáp + Phương pháp gợi mở + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO1, CLO3 CLO4 CLO5	Phòng học
4.1. Thiết lập chiến lược thực hành trách nhiệm xã hội 4.1.1. Một số cách tiếp cận về chiến lược thực hành trách nhiệm xã hội 4.1.2. Lựa chọn chiến lược thực hành trách nhiệm xã hội	1	0	2				
4.2. Xây dựng chính sách thực hành trách nhiệm xã hội 4.2.1. Xác định căn cứ xây dựng chính sách thực hành trách nhiệm xã hội 4.2.2. Dự thảo chính sách thực hành trách nhiệm xã hội 4.2.3. Tham vấn các bên liên quan 4.2.4. Ban hành chính sách thực hành trách nhiệm xã hội	2	0	4				
4.3. Xây dựng chương trình thực hành trách nhiệm xã hội 4.3.1. Lựa chọn mục tiêu thực hành trách nhiệm xã hội 4.3.2. Xác định đối tượng thực hành trách nhiệm xã hội 4.3.3. Xác định thời gian, địa điểm thực hành trách nhiệm xã hội. 4.3.4. Xác định nội dung thực hành trách nhiệm xã hội 4.3.5. Dự trù kinh phí thực hành trách nhiệm xã hội	2	0	4				
Kiểm tra	1	0	2	A1.1		CLO1, 3	Trong trường: Phòng học
CHƯƠNG 5. TỔ CHỨC TRIỂN KHAI THỰC HÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	6	0	12				
5.1. Tổ chức nhân lực thành trách nhiệm xã hội 5.1.1. Tổ chức bộ máy thực hành trách nhiệm xã hội 5.1.2. Tổ chức đào tạo thực hành trách nhiệm xã hội.	2	0	4	A1.2, A1.3, A.2	+ Phương pháp thuyết trình, + Phương pháp vấn đáp Phương pháp gợi mở + Phương pháp	CLO1, CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	
5.2. Tổ chức tài chính thực hành trách nhiệm xã hội 5.2.1. Huy động tài chính thực hành	2	0	4				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
trách nhiệm xã hội 5.2.2. Phân bổ tài chính thực hành trách nhiệm xã hội					dạy học dựa trên vấn đề		
5.3. Tổ chức hệ thống thông tin thực hành trách nhiệm xã hội 5.3.1. Khái niệm và vai trò của tổ chức hệ thống thông tin thực hành trách nhiệm xã hội 5.3.2. Cấu trúc hệ thống thông tin thực hành trách nhiệm xã hội	2	0	4				
CHƯƠNG 6. ĐÁNH GIÁ VÀ CẢI TIẾN THỰC HÀNH TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	6	0	12				
6.1. Đánh giá thực hành trách nhiệm xã hội 6.1.1. Xác định tiêu chuẩn đánh giá thực hành trách nhiệm xã hội 6.1.2. Đo lường kết quả thực hành trách nhiệm xã hội 6.1.3. Đánh giá sự tuân thủ tiêu chuẩn thực hành trách nhiệm xã hội	2	0	4				Trong trường: Phòng học
6.2. Cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội: Kế hoạch và hành động 6.2.1. Xây dựng kế hoạch cải tiến 6.2.2. Thực hiện hành động	1	0	2				
6.3. Dán nhãn thực hành trách nhiệm xã hội 6.3.1. Các loại nhãn dán và ý nghĩa 6.3.2. Thông tin nhãn dán	1	0	2	A1.2, A1.3, A.2			
6.4. Quản lý hồ sơ thực hành trách nhiệm xã hội 6.4.1. Thu thập, xác định và phân loại tài liệu trong hồ sơ 6.4.2. Đánh giá lưu trữ hồ sơ 6.4.3. Bảo quản hồ sơ lưu trữ 6.4.4. Khai thác và sử dụng hồ sơ	2	0	4				
CHƯƠNG 7. TRUYỀN THÔNG VÀ CÔNG BỐ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	5	0	10				Trong trường: Phòng học
7.1. Mục tiêu truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội 7.1.1. Ý nghĩa của truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội	1	0	2				

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
7.1.2. Lựa chọn mục tiêu truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội				A1.2, A1.3, A.2	+ Phương pháp thuyết trình, + Phương pháp vấn đáp + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO1, CLO2, CLO4	Trong trường: Phòng học
7.2. Đối tượng truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội 7.2.1. Đối tượng truyền thông nội bộ 7.2.2. Đối tượng truyền thông bên ngoài	1	0	2				
7.3. Thông điệp và sản phẩm truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội 7.3.1. Thiết kế thông điệp truyền thông 7.3.2. Các sản phẩm truyền thông	1	0	2				
7.4. Lựa chọn kênh truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội 7.4.1. Các kênh truyền thông 7.4.2. Tiêu chí lựa chọn các kênh truyền thông	1	0	2				
7.5. Tổ chức truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội 7.5.1. Tổ chức truyền thông nội bộ 7.5.2. Tổ chức truyền thông bên ngoài	1	0	2				
CHƯƠNG 8. CÔNG BỐ THỰC HIỆN TRÁCH NHIỆM XÃ HỘI	6	0	12				
8.1. Vì sao cần công bố thực hiện trách nhiệm xã hội 8.1.1. Tuyên ngôn trách nhiệm xã hội 8.1.2. Công bố thực hiện trách nhiệm xã hội – là một trách nhiệm xã hội	2	0	4	A1.2, A1.3, A.2	+ Phương pháp câu hỏi gợi mở + Phương pháp dạy học dựa trên vấn đề	CLO3, CLO4, CLO5	
8.2. Thiết kế báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội 8.2.1. Kết cấu và nội dung báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội 8.2.2. Hình thức báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội	2	0	4				
8.3. Công bố báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội 8.3.1. Công bố báo cáo ở đâu và khi nào 8.3.2. Công bố báo cáo – Thách thức đa dạng 8.3.3. Phân quyền công bố báo cáo	2	0	4				
Thuyết trình nhóm	1	0	2	A1.3		CLO3, CLO4	

Nội dung	Số giờ học tập			Bài đánh giá	Phương pháp giảng dạy	CDR học phần	Địa điểm
	Lý thuyết	Thực hành	Tự học				
CỘNG	45	0	90				

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Dự lớp: Tối thiểu đạt 80% tổng số thời lượng của học phần;
- Nghiên cứu trước các nội dung bài học tiếp theo;
- Hoàn thành các bài tập được giao;
- Tham gia phát biểu ý kiến, trả lời các câu hỏi;
- Tham dự đầy đủ các bài kiểm tra và thi kết thúc học phần.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá			CDR học phần	Trọng số của điểm đánh giá (%)
		Ký hiệu	Tên bài	Trọng số của bài đánh giá (%)		
A1. Đánh giá quá trình	Điểm số 1	A1.1	Bài kiểm tra	50	CLO 1,3	15
		A1.2	Chuyên cần	50	CLO 5,6	
		Tổng		100%	-	
	Điểm số 2	A1.3	Thuyết trình nhóm	100	CLO 3,4	15
		Tổng		100%	-	
A2. Thi kết thúc học phần Hình thức thi: Tự luận	Điểm thi kết thúc học phần	A2	Bài thi kết thúc học phần	100	CLO 1,2,3,4	70
Tổng						100

Trong đó từng bài đánh giá có trọng số hoặc rubric đánh giá^[21] như sau:

A1.1 - Bài kiểm tra được đánh giá sau khi học xong chương 1,2,3,4

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Hiểu	Khái niệm cơ bản của chiến lược, trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, phát triển bền vững	10
Áp dụng	Nguyên tắc thực hiện trách nhiệm xã hội, nội dung thực hiện trách nhiệm xã hội	20
Phân tích	Lợi ích và rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội	20
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Các kỹ năng hoạch định chiến lược trách nhiệm xã hội, tổ chức thực hiện trách nhiệm xã hội, đánh giá và cải tiến thực hiện trách nhiệm xã hội	30
Chuẩn hoá	Quá trình ra và thực hiện quyết định trách nhiệm xã hội	20
Tổng		100

A1.2 – Chuyên cần được đánh giá sau khi học xong học phần:

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỷ trọng (%)
	Điểm D Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Tham gia học tập trên lớp	Vắng mặt trên lớp quá 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 10- 20%	Vắng mặt trên lớp từ trên 0- 10%	Không vắng mặt trong suốt quá trình học	60
Ý thức học tập trên lớp	Không phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp không hiệu quả; có nhiều vi phạm trong quá trình học tập, thể hiện lập trường chính trị không đúng đắn và không phản bác các quan điểm sai trái.	Thỉnh thoảng phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp ít khi hiệu quả; thỉnh thoảng vi phạm trong quá trình học tập, thỉnh thoảng thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Thường xuyên phát biểu và trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp hiệu quả; hiếm khi vi phạm trong quá trình học tập, thường xuyên thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	Tích cực phát biểu, trao đổi ý kiến cho bài học, các đóng góp rất hiệu quả; không vi phạm trong quá trình học tập, tích cực thể hiện lập trường chính trị đúng đắn và phản bác các quan điểm sai trái.	40

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí				Tỉ trọng (%)
	Điểm D (Dưới 5,5 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	Tổng				100

A1.3 – Thuyết trình nhóm được đánh giá sau khi học xong chương 5,6,7,8

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
Trình bày Slide Hoặc Bài nhận xét phản biện	Slide trình bày quá sơ sài, nhiều lỗi, không có hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện quá sơ sài, không đúng yêu cầu	Slide trình bày với số lượng phù hợp, lỗi còn rất nhiều và ít hình ảnh minh họa <i>Hoặc</i> Bài nhận xét phản biện sơ sài, rất nhiều nội dung luận giải chưa chặt chẽ	Slide trình bày với bố cục logic, thỉnh thoảng còn lỗi, hình ảnh minh họa chưa rõ ràng <i>Hoặc</i> Bài nhận xét khá đầy đủ, một số nội dung luận giải chưa chặt chẽ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, hầu như không có lỗi, hình ảnh minh họa tương đối đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét đầy đủ, luận giải tương đối chặt chẽ	Slide trình bày với bố cục logic, rõ ràng, không có lỗi, hình ảnh minh họa đẹp, thể hiện thành thạo trong trình bày <i>Hoặc</i> Bài nhận xét rất đầy đủ, sắc sảo, luận giải chặt chẽ	0,5
Thuyết trình, bảo vệ Hoặc Nêu câu hỏi phản biện	Trình bày không logic, vượt quá thời gian quy định; Phát âm không rõ, giọng nói nhỏ; Người nghe không hiểu; Trả lời câu	Bài trình bày đầy đủ; Giọng nói nhỏ, phát âm không rõ, sử dụng thuật ngữ phức tạp, chưa có tương tác với người nghe khi	Phân trình bày có bố cục rõ ràng; Giọng nói vừa phải, rõ ràng, dễ nghe, thời gian trình bày đúng quy định, thỉnh	Phân trình bày ngắn gọn, dễ hiểu. Sử dụng các thuật ngữ đơn giản, dễ hiểu. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thời gian trình	Phân trình bày ngắn gọn. Bố cục rõ ràng. Giọng nói rõ ràng, lưu loát. Thu hút sự chú ý của người nghe, tương tác tốt với người nghe. Người	0,3

Tiêu chí đánh giá	Khoảng điểm theo tiêu chí					Trọng số
	Điểm F (Dưới 4,0 điểm)	Điểm D (4,0-5,4 điểm)	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)	
	hỏi yếu <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện yếu, hầu hết câu hỏi không đúng trọng tâm	trình bày; Trả lời câu hỏi kém <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện kém, nhiều câu hỏi đặt ra không đúng trọng tâm	thoảng có tương tác với người nghe; Trả lời câu hỏi trung bình <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện trung bình; Một số câu hỏi đặt ra chưa đúng trọng tâm	bày đúng quy định. Tương tác tốt với người nghe. Người nghe có thể hiểu được nội dung trình bày; Trả lời câu hỏi chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện tương đối chặt chẽ; Câu hỏi phản biện hay	nghe có thể hiểu và theo kịp tất cả nội dung trình bày. Thời gian trình bày đúng quy định; Trả lời câu hỏi sắc sảo, rất chặt chẽ <i>Hoặc</i> Tur duy phản biện sắc sảo, chặt chẽ; Câu hỏi phản biện rất hay	
Mức độ tham gia	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất thấp; Không hoàn thành nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm thấp; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức rất thấp	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm trung bình; Hoàn thành nhiệm vụ được giao ở mức trung bình	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm tích cực; có đóng góp tương đối hiệu quả; Hoàn thành tốt nhiệm vụ được giao	Mức độ tham gia sinh hoạt nhóm, tham gia vào việc thảo luận của nhóm, hợp tác với nhóm rất tích cực; có đóng góp rất hiệu quả; Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ được giao	0,2

A2 - Bài thi tự luận cuối kỳ được đánh giá sau khi học xong học phần

Mức độ	Nội dung đánh giá	Tỷ trọng (%)
<i>Về kiến thức</i>		
Nhớ	Khái niệm cơ bản của chiến lược, trách nhiệm xã hội, đạo đức kinh doanh, văn hóa doanh nghiệp, phát triển bền vững, vai trò của tổ chức thực hiện trách nhiệm xã hội, truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội.	10
Hiểu	Nguyên tắc thực hiện trách nhiệm xã hội, nội dung thực hiện trách nhiệm xã hội, đánh giá và cải tiến thực hành trách nhiệm xã hội	10
Áp dụng	Lợi ích và rào cản khi thực hiện trách nhiệm xã hội; Xây dựng kế hoạch cải tiến, quản lý hồ sơ thực hiện trách nhiệm xã hội	20
Phân tích	Lựa chọn kênh truyền thông thực hiện trách nhiệm xã hội, thiết kế báo cáo thực hiện trách nhiệm xã hội	30
<i>Về kỹ năng</i>		
Vận dụng	Các kỹ năng hoạch định chiến lược trách nhiệm xã hội, tổ chức thực hiện trách nhiệm xã hội, đánh giá và cải tiến thực hiện trách nhiệm xã hội	20
Chuẩn hoá	Quá trình ra và thực hiện quyết định trách nhiệm xã hội	10
Tổng		100

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.

ĐỀ CƯƠNG CHI TIẾT HỌC PHẦN

1. Thông tin chung về học phần

- Tên học phần:
 - + Tiếng Việt: **Đề án tốt nghiệp**
 - + Tiếng Anh: Graduation project
- Mã học phần ^[1]: KTKD218
- Số tín chỉ: 09
- Ngôn ngữ giảng dạy: Tiếng Việt
- Hình thức giảng dạy ^[2]: Trực tiếp
- Đối tượng học: Học viên cao học ngành Quản trị kinh doanh
- Vị trí của học phần trong chương trình đào tạo ^[3]:
 - + Kiến thức chung: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Kiến thức cơ sở ngành và ngành: ☐ Bắt buộc ☐ Tự chọn
 - + Đề án tốt nghiệp: ☒
- Điều kiện để sinh viên tham gia học học phần đề án tốt nghiệp: đảm bảo theo quy định hiện hành của Nhà trường.
- Giờ học tập đối với các hoạt động ^[7]: 20 tuần.
- Bộ môn phụ trách học phần: Bộ môn Quản trị kinh doanh, Khoa Kinh tế.

2. Mô tả học phần ^[8]

Học phần đề án tốt nghiệp được thiết kế và tổ chức thực hiện vào học kỳ cuối của chương trình đào tạo Thạc sĩ ngành quản trị kinh doanh nhằm giúp người học áp dụng các kiến thức toàn diện, các công cụ và phương pháp nghiên cứu hiện đại vào triển khai nghiên cứu các vấn đề chuyên môn, phát triển tri thức mới trong lĩnh vực quản trị kinh doanh. Người học được phát triển bản lĩnh chuyên môn, phẩm chất nghề nghiệp nhằm đáp ứng các nhu cầu lao động chất lượng cao trong xu thế hội nhập quốc tế, bao gồm:

+ Khả năng giải quyết vấn đề chuyên môn: Vận dụng một cách có hệ thống các kiến thức nền tảng, kiến thức nâng cao trong lĩnh vực QTKD, các kiến thức liên ngành, xuyên ngành có liên quan, vận dụng các phương pháp, công cụ nghiên cứu khoa học hiện đại để triển khai nghiên cứu các vấn đề phức tạp thuộc chuyên môn QTKD

+ Kỹ năng cá nhân và tương tác: Người học có cơ hội vận dụng các kỹ năng nghiên cứu độc lập, tư duy phản biện, hệ thống và dự báo; kỹ năng sử dụng các công cụ số phục vụ nghiên cứu, kỹ năng tổ chức quản lý hoạt động chuyên môn để thực hiện chủ đề nghiên cứu.

+ Phát triển bản lĩnh chuyên môn và phẩm chất nghề nghiệp: Học viên có khả năng tự định hướng, kết luận và bảo vệ quan điểm mang tính chuyên gia liên quan đến vấn đề cần giải quyết dựa trên cơ sở hiểu biết sâu sắc đạo đức nghề nghiệp và trách nhiệm công dân, bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại.

3. Mục tiêu học phần

Ký hiệu	Mô tả mục tiêu học phần ^[9]	CDR của CTĐT ^[10]
CO1	Vận dụng lập được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QTKD Vận dụng phân tích, đánh giá được dữ liệu, sử dụng các công cụ số phù hợp, vận dụng các phương pháp, công cụ nghiên cứu nhằm sáng tạo ra tri thức thuộc chuyên ngành QTKD	PLO1 PLO2 PLO3 PLO4
CO2	Đưa ra các kết luận, đánh giá mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh Thể hiện trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và sự quan tâm đến bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại trong các nhận định, đánh giá chuyên môn	PLO5 PLO6 PLO7 PLO8
CO3	Tuân thủ pháp luật và nộ quy của tổ chức, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm xã hội Thích nghi với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, hội nhập và toàn cầu hóa Tự định hướng phát triển năng lực, có động cơ khởi nghiệp	PLO9 PLO10

4. Chuẩn đầu ra của học phần

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CDR học phần ^[13]
<i>CDR về kiến thức</i>				
CO1	CLO1	Đánh giá được kế hoạch, điều phối, quản lý các nguồn lực, đánh giá và cải thiện hiệu quả các hoạt động chuyên môn trong lĩnh vực QTKD	5/6	15
	CLO2	Vận dụng phân tích, đánh giá được dữ liệu, sử dụng các công cụ số phù hợp, vận dụng các phương pháp, công cụ nghiên cứu nhằm sáng tạo ra tri thức thuộc chuyên ngành QTKD	3/6	15
<i>CDR về kỹ năng</i>				
	CLO3	Giải quyết được vấn đề và đưa ra các kết luận, đánh giá mang tính chuyên gia trong lĩnh vực quản trị kinh doanh	4/5	20

Mục tiêu học phần	CDR học phần ^[11]	Nội dung chuẩn đầu ra học phần ^[11]	Mức độ ^[12]	Trọng số CDR học phần ^[13]
CO2	CLO4	Thể hiện trách nhiệm xã hội, đạo đức nghề nghiệp và sự quan tâm đến bối cảnh toàn cầu, môi trường, kinh tế và xã hội đương đại trong các nhận định, đánh giá chuyên môn	3/5	20
<i>CDR về năng lực tự chủ và trách nhiệm</i>				
CO3	CLO5	+ Kết hợp hoạt động kinh doanh cùng với tuân thủ pháp luật và nộ quy của tổ chức, có đạo đức nghề nghiệp, có ý thức trách nhiệm xã hội	4/5	15
	CLO6	+ Thích nghi với môi trường kinh doanh có tính cạnh tranh cao, hội nhập và toàn cầu hóa + Đề xuất tự định hướng phát triển năng lực, có động cơ khởi nghiệp	3/5	15
Tổng				100%

5. Tài liệu học tập^[14]

5.1. Tài liệu chính

1. Nguyễn Hoàn (2019), *Quản trị học*, NXB Khoa học và kỹ thuật;
2. Nguyễn Thị Liên Diệp (2022), *Quản trị học*, NXB Tài chính;
3. Nguyễn Quang Chương (2017), *Quản trị học đại cương*, NXB Bách Khoa Hà Nội.

5.2 Tài liệu tham khảo

1. Trần Anh Tài (2017), *Quản trị học*, NXB Đại học Quốc gia Hà Nội.

6. Ma trận thể hiện mối quan hệ giữa các phương pháp giảng dạy với chuẩn đầu ra học phần^[15]

STT	Các phương pháp giảng dạy	Chuẩn đầu ra học phần					
		CLO1	CLO2	CLO3	CLO4	CLO5	CLO6
1	Học theo tình huống	x	x	x	x	x	x
2	Thực tập, thực tế	x	x	x	x	x	x

7. Nội dung chi tiết học phần ^[16]

STT	Nội dung chính	Thời gian thực hiện (tuần)	Hoạt động dạy và học	CDR học phần	Địa điểm
1	Xây dựng đề cương và kế hoạch thực hiện đề án tốt nghiệp. Hệ thống hóa và hướng dẫn phân tích các khối kiến thức đã học để phục vụ cho đề án.	02	Giảng viên hướng dẫn cho học viên các nội dung chính cần thực hiện đề án tốt nghiệp	CLO1 CLO2 CLO3	Tại đơn vị thực tập/Doanh nghiệp
2	Thu thập thông tin phục vụ nội dung nghiên cứu Xử lý thông tin và triển khai các công việc theo kế hoạch Báo cáo tiến độ Hoàn thiện đề án tốt nghiệp Báo cáo đề án tốt nghiệp	16	Giảng viên hướng dẫn học viên tìm hiểu thông tin phục vụ nội dung nghiên cứu; Học viên chủ động tìm hiểu, học hỏi kinh nghiệm thực tế và thu thập số liệu, tài liệu, hình ảnh có liên quan phục vụ cho việc làm đề án tốt nghiệp; Giảng viên hướng dẫn học viên xử lý số liệu và viết đề án tốt nghiệp; Học viên báo cáo kết quả với giảng viên hướng dẫn theo tuần (căn cứ vào đề cương chi tiết đề án) Giảng viên hướng dẫn giải đáp thắc mắc và đánh giá điểm quá trình của học viên. Học viên xử lý số liệu và hoàn thiện đề án theo đúng kế hoạch	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6	Tại đơn vị thực tập/Doanh nghiệp
3	Chỉnh sửa và hoàn thiện đề án tốt nghiệp	02	Học viên thực hiện theo hướng dẫn của giảng viên.	CLO1 CLO2 CLO5 CLO6	Tại đơn vị thực tập/Doanh nghiệp
Tổng		20			

8. Nhiệm vụ của người học ^[17]

- Nghiên cứu lựa chọn đề tài;
- Lập đề cương đề tài;
- Thu thập tài liệu và dữ liệu;
- Xử lý số liệu và viết đề án.

9. Đánh giá kết quả học tập và cho điểm

9.1. Thang điểm đánh giá

Đánh giá theo thang điểm 10, sau đó được quy đổi sang thang điểm chữ và thang điểm 4 theo Quy chế đào tạo hiện hành.

9.2. Phương thức đánh giá và ma trận liên hệ với chuẩn đầu ra ^[18]

Thành phần đánh giá	Điểm đánh giá	Bài đánh giá		Trọng số của điểm đánh giá (%)	CDR học phần
		Ký hiệu	Tên bài		
Đánh giá đề án tốt nghiệp	Điểm đề án	A1	Chấm báo cáo đề án tốt nghiệp	100	CLO1 CLO2 CLO3 CLO4 CLO5 CLO6

Trong đó:

Báo cáo đề án do học viên nộp kết hợp với bảo vệ đề án theo tỷ lệ sau:

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định			
		Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)
Nội dung đề án	45	- Không làm rõ được tính cấp thiết của đề tài, nội dung mơ hồ, thiếu luận điểm thuyết phục; - Nội dung lỏng lẻo, không có sự phân tích hoặc phân tích sai lệch, không có tính thống nhất; Kết quả không đáng tin cậy, thiếu chính xác, không có giá trị thực tiễn.	- Có trình bày tính cấp thiết nhưng phân tích còn chung chung, luận điểm chỉ dừng ở mức cơ bản; - Nội dung trình bày cơ bản, có phân tích nhưng chưa toàn diện, cơ sở lý luận chưa mạnh; Kết quả đảm bảo mức độ cơ bản, có giá trị nhất định nhưng phân tích chưa sâu.	- Làm rõ được tính cấp thiết của đề tài, có phân tích thuyết phục, phù hợp với thực tế; - Nội dung được xây dựng tốt, có sự phân tích rõ ràng, có tính thống nhất và cơ sở lý luận thuyết phục; Kết quả nghiên cứu đáng tin cậy, chính xác và có giá trị thực tiễn tốt.	- Phân tích rõ ràng, chi tiết, gắn với thực tiễn và có tính thời sự cao, thể hiện sự am hiểu sâu sắc; - Nội dung hoàn chỉnh, phân tích chi tiết, sâu sắc, logic cao, thể hiện tư duy phản biện tốt và bám sát cơ sở lý luận; Kết quả nghiên cứu xuất sắc, đảm bảo độ tin cậy cao, chính xác, có ý nghĩa thực tiễn lớn và tính sáng tạo

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định			
		Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)
Phương pháp nghiên cứu	15	Không xác định được phương pháp nghiên cứu hoặc chọn sai phương pháp, không liên quan đến đề tài.	Lựa chọn phương pháp nghiên cứu cơ bản, phù hợp nhưng chưa đa dạng, phân tích còn hạn chế.	Xác định được phương pháp nghiên cứu đa dạng, phù hợp và giải thích rõ ràng, có áp dụng đúng.	Lựa chọn và áp dụng phương pháp nghiên cứu khoa học một cách đa dạng, chính xác và sáng tạo, phù hợp hoàn toàn với đề tài.
Hình thức đề án	15	Hình thức trình bày không đúng theo quy định của trường, có nhiều lỗi kỹ thuật đánh máy; Trích nguồn tài liệu tham khảo chưa đúng quy định; Cấu trúc đề án logic, thống nhất.	Trình bày đề án theo đúng quy định của trường nhưng còn một số lỗi kỹ thuật; Trích nguồn tài liệu tham khảo nhiều phần chưa thống nhất.	Hình thức trình bày đề án theo đúng quy định của trường, cơ bản không có lỗi chính tả, hình thức; Có hình ảnh, bảng biểu minh hoạt hợp lý; Trích nguồn tài liệu tương đối đầy đủ.	Hình thức trình bày đề án đúng quy định; Đúng yêu cầu về quy định trích nguồn tài liệu tham khảo; Trình bày đẹp, bảng biểu hình vẽ hợp lý; Có đặt tên bảng biểu hình vẽ phù hợp; Cấu trúc đề án phù hợp, logic; Trích nguồn tài liệu tương đối đầy đủ.
Năng lực bảo vệ	15	Không trả lời được câu hỏi.	Trả lời đúng một số câu hỏi, còn sai sót quan trọng.	Trả lời rõ ràng, mạch lạc, đúng đa số, còn sai sót nhỏ.	Trả lời rõ ràng, mạch lạc, đúng, đầy đủ ý, đáp ứng yêu cầu.
Thành tích nghiên cứu liên quan đến	10	- Không có bài báo khoa học có liên quan đến nội dung của đề án được công	- Không có bài báo khoa học có liên quan đến nội dung của đề	- Đã có báo cáo tại hội thảo khoa học hoặc bản thảo báo cáo toàn	- Đã có bài báo khoa học có liên quan đến nội dung của đề án được công bố trên các

Tiêu chí đánh giá	Tỷ lệ (%)	Mức độ đạt chuẩn quy định			
		Dưới 5,5 điểm	Điểm C (5,5-6,9 điểm)	Điểm B (7,0-8,4 điểm)	Điểm A (8,5-10 điểm)
đề án		bố trên các tạp chí chuyên ngành.	án được công bố trên các tạp chí chuyên ngành.	văn và giấy chấp nhận đăng báo cáo toàn văn của ban biên tập tạp chí (kỷ yếu hội nghị) liên quan	tạp chí chuyên ngành hoặc đề tài ứng dụng đã được nơi ứng dụng đồng ý bằng văn bản

9.3. Kết quả đánh giá học phần

Điểm tổng kết học phần là tổng điểm của các Rubric thành phần nhân với trọng số tương ứng của từng Rubric.